BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN

CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN

CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

Nhóm biên soạn:
Nguyễn Việt Chi
Quyền Anh Ngọc
Ngô Quang Hiếu
Nguyễn Hiền Lê
Lê Nguyễn Yến Nhi

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

MỤC LỤC

Chương 1: Tổng quan về RCEP 1

1.1. Quá trình đàm phán và ký kết 2

1.2. Mục tiêu và quy mô của RCEP 2

1.3. Hiệp định RCEP và sự tham gia của Việt Nam 2

Chương 2: Tổng quan về thương mại dịch vụ trong RCEP và dịch vụ chuyên môn 4

2.1. Tổng quan về thương mại dịch vụ trong RCEP 5

2.2. Tổng quan về dịch vụ chuyên môn 12

Chương 3: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Việt Nam trong RCEP và các ví dụ điển hình của các doanh nghiệp Việt Nam 18

3.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam 19

3.2. Cam kết của Việt Nam đối với dịch vụ chuyên môn trong RCEP 23

3.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 28

Chương 4: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Bru-nây trong RCEP 29

4.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Brunei 30

4.2. Cam kết của Brunei đối với dịch vụ chuyên môn trong RCEP 32

4.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 37

Chương 5: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia trong RCEP 38

5.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia 39

5.2. Cam kết của Cam-pu-chia đối với Dịch vụ chuyên môn trong Hiệp định RCEP 40

5.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 43

Chương 6: Cam kết dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a trong RCEP 44

6.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a 45

6.2. Cam kết của In-đô-nê-xi-a đối với dịch vụ chuyên môn trong RCEP 46

6.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 52

MỤC LỤC

Chương 7: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Lào trong RCEP 53

7.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Lào 54
7.2. Cam kết của Lào đối với dịch vụ chuyên môn trong RCEP 56
7.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 59

Chương 8: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a trong RCEP 60

8.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a 61
8.2. Cam kết của Ma-lai-xi-a về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP 63
8.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 73

Chương 9: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Mi-an-ma trong RCEP 74

9.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Mi-an-ma 75
9.2. Cam kết của Mi-an-ma về dịch vụ chuyên môn trong RCEP 76
9.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 81

Chương 10: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin trong RCEP 82

10.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin 83
10.2. Cam kết của Phi-líp-pin về dịch vụ chuyên môn trong RCEP 86
10.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 91

Chương 11: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Singapore trong RCEP 92

11.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Singapore 93
11.2. Cam kết của Singapore về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP 95
11.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 100

Chương 12: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Thái Lan trong RCEP 101

12.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan 102
12.2. Cam kết của Thái Lan về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP 104
12.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 108

MỤC LỤC

Chương 13: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc trong RCEP 110

13.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc 111

13.2. Cam kết của Trung Quốc về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP 113

13.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 119

Chương 14: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản trong RCEP 120

14.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản 121

14.2. Cam kết của Nhật Bản về dịch vụ chuyên môn trong RCEP 123

14.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 130

Chương 15: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc trong RCEP 131

15.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc 132

15.2. Cam kết của Hàn Quốc về dịch vụ chuyên môn trong RCEP 134

15.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 140

Chương 16: Cam kết dịch vụ chuyên môn của Australia trong RCEP 141

16.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Australia 142

16.2. Cam kết của Australia về dịch vụ chuyên môn trong RCEP 144

16.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 152

Chương 17: Cam kết dịch vụ chuyên môn của New Zealand trong RCEP 153

17.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand 154

17.2. Cam kết của New Zealand về dịch vụ chuyên môn trong Hiệp định RCEP 156

17.3. Các ngoại lệ đối với cam kết 159

01
TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH RCEP

>>>CHƯƠNG 1<<<

TỔNG QUAN VỀ RCEP

1.1. Quá trình đàm phán và ký kết

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) là hiệp định thương mại tự do mang tính đa phương được 10 nước thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thúc đẩy để thống nhất các Hiệp định ASEAN đã có trước đây với 6 nước đối tác của ASEAN trong khu vực là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand và Ấn Độ (tham gia đàm phán từ đầu nhưng đã rút khỏi đàm phán từ tháng 11 năm 2019).

Được chính thức khởi động đàm phán từ năm 2012, trải qua khoảng 31 phiên đàm phán chính thức cấp Trưởng đoàn, 08 Hội nghị Bộ trưởng chính thức và 04 Hội nghị cấp cao, RCEP đã được ký kết vào ngày 15 tháng 11 năm 2020 với sự chứng kiến của tất cả Lãnh đạo các nước thành viên ASEAN và các nước đối tác bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 do Việt Nam làm Chủ tịch và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Hiện, tất cả các nước thành viên RCEP đều đã phê chuẩn/phê duyệt Hiệp định này.

1.2. Mục tiêu và quy mô của RCEP

RCEP được khởi xướng với mục tiêu chính là thiết lập một nền tảng quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao, quy mô lớn và cùng có lợi, tạo điều kiện cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, đồng thời đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu, mang lại cơ hội thị trường và việc làm cho doanh nghiệp và người dân trong khu vực.

Khi được tất cả các nước thành viên thực thi, RCEP sẽ tạo nên một thị trường lớn với quy mô 2,3 tỷ người tiêu dùng (chiếm khoảng 30% dân số thế giới) và GDP 26,2 nghìn tỉ đô-la Mỹ (chiếm gần 30% GDP toàn cầu) và sẽ trở thành khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới.

1.3. RCEP và sự tham gia của Việt Nam

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, gây ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu cùng với xu hướng bảo hộ mậu dịch đang nổi lên, việc ký kết và RCEP chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2022 là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam cũng như tất cả các nước tham gia

đàm phán Hiệp định, trở thành động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng và phục hồi kinh tế sau đại dịch.

Là một hiệp định toàn diện, đa dạng về thành viên (với sự tham gia của các nền kinh tế hàng đầu thế giới và khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản và các nước đang phát triển và kém phát triển như Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma) và kết nối 04 FTA mà ASEAN đã có trước đây với 05 nước đối tác, cho phép áp dụng một bộ quy tắc xuất xứ duy nhất, giúp đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, củng cố các chuỗi cung ứng khu vực, RCEP cũng đã và đang tạo cơ hội để phát triển các chuỗi cung ứng mới trong khu vực, đặc biệt trong bối cảnh các chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19.

Với Việt Nam, RCEP được kỳ vọng sẽ giúp thiết lập thị trường xuất khẩu ổn định lâu dài, góp phần thực hiện thành công chính sách xây dựng nền sản xuất định hướng xuất khẩu. RCEP cũng giúp mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam vì những nước tham gia vào RCEP đều có nhu cầu nhập khẩu những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam như nông sản, dệt may, giày dép, sản phẩm gỗ… Ngoài ra, với việc là thành viên của Hiệp định có quy mô lớn nhất thế giới cũng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận các thị trường rộng lớn hơn, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và chủ động nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài trong khu vực.

02
TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP VÀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN

>>> CHƯƠNG 2 <<<

TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN TRONG RCEP

2.1. Tổng quan về thương mại dịch vụ trong RCEP

2.1.1. Các phương thức cung cấp dịch vụ

Tương tự Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS – Điều 1.2), RCEP quy định có 4 phương thức cung cấp dịch vụ, gồm:

• *Phương thức 1 (Mode 1): Cung cấp qua biên giới*

Theo phương thức này, dịch vụ được cung cấp từ lãnh thổ của một thành viên này sang lãnh thổ của một thành viên khác. Cả người cung cấp dịch vụ lẫn người tiêu dùng dịch vụ đều không di chuyển ra khỏi lãnh thổ nước mình. Dịch vụ được cung cấp và tiêu thụ "qua biên giới".

Phương thức cung cấp dịch vụ này hiện rất phổ biến trên thế giới. Ví dụ như việc cung cấp dịch vụ giáo dục trực tuyến (e-learning), học viên có thể ngồi tại nhà để học, giáo viên nước ngoài không cần di chuyển đến tận quốc gia nơi người học ở để giảng dạy mà chỉ cần sử dụng các công cụ giao tiếp trực tuyến thông qua internet như Skype, Zoom… Hoặc đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý, luật sư có thể tư vấn cho khách hàng nước ngoài của mình qua điện thoại, email, v.v… mà không cần gặp gỡ trực tiếp.

• *Phương thức 2 (Mode 2): Tiêu dùng ngoài lãnh thổ*

Theo phương thức này, người tiêu dùng của một nước thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một nước thành viên khác để tiêu dùng dịch vụ, ví dụ như khách du lịch nước ngoài sang Việt Nam tham quan, mua sắm, sử dụng dịch vụ khách sạn, v.v…

• *Phương thức 3 (Mode 3): Hiện diện thương mại*

Theo phương thức này, nhà cung cấp dịch vụ của một nước thành viên thiết lập các hình thức hiện diện như công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh, chi nhánh, v.v… trên lãnh thổ của một nước thành viên khác để cung cấp dịch vụ, ví dụ như ngân hàng của Trung Quốc thành lập ngân hàng con 100% vốn tại Việt Nam để kinh doanh.

• *Phương thức 4 (Mode 4): Hiện diện thể nhân*

Theo phương thức này, người cung cấp dịch vụ của một quốc gia thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ, như các nhà quản lý cấp cao, các chuyên gia công nghệ thông tin,

chuyên gia tài chính thuộc công ty của quốc gia đối tác được cử về công tác tại một công ty ở Việt Nam…

2.1.2. Các nghĩa vụ cơ bản đối với thương mại dịch vụ

Chương Thương mại dịch vụ của RCEP bao gồm các nghĩa vụ cơ bản như: Đối xử tối huệ quốc (MFN), Đối xử quốc gia (NT), Tiếp cận thị trường (MA), và một số nghĩa vụ liên quan khác như Hiện diện tại nước sở tại như (LP), Nhân sự cấp cao và Hội đồng Quản trị (SMBD), và Yêu cầu thực hiện (PPR).

- ***Nghĩa vụ MFN*** yêu cầu một nước thành viên RCEP phải đối xử với nhà cung cấp dịch vụ của nước thành viên RCEP khác không kém ưu đãi hơn so với nhà cung cấp dịch vụ của các nước thành viên RCEP còn lại.

- ***Nghĩa vụ NT*** yêu cầu một nước thành viên RCEP phải đối xử với nhà cung cấp dịch vụ của nước thành viên RCEP khác không kém ưu đãi hơn so với nhà cung cấp dịch vụ của nước mình.

- ***Nghĩa vụ MA*** yêu cầu các các nước thành viên RCEP không được duy trì và áp dụng các biện pháp hạn chế thị trường ví dụ như hạn chế định lượng (hạn chế về số lượng doanh nghiệp, về tổng giá trị đầu tư, số lượng dịch vụ được cung cấp hay số lượng thể nhân nước ngoài có thể được tuyển dụng) hay hạn chế hoặc yêu cầu cụ thể về hình thức pháp lý.

- ***Nghĩa vụ LP*** yêu cầu các các nước thành viên RCEP không được duy trì và áp dụng các biện pháp yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ từ một quốc gia thành viên RCEP khác phải có hiện diện địa phương (như văn phòng đại diện hoặc chi nhánh) tại nước mình để được cung cấp dịch vụ.

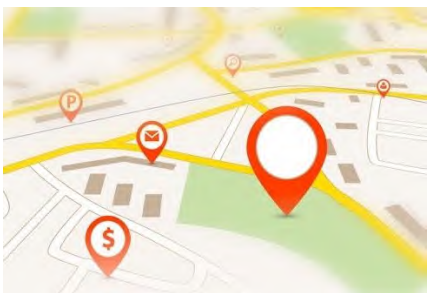

- ***Nghĩa vụ SMBD*** yêu cầu các nước thành viên RCEP không được đặt ra các yêu cầu về quốc tịch, cư trú tại nước sở tại đối với nhân sự cao cấp và thành viên Hội đồng Quản trị của nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên RCEP khác.

- ***Nghĩa vụ PPR*** yêu cầu các nước thành viên RCEP không được đặt ra các yêu cầu về việc sử dụng công nghệ, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trong nước, hàm lượng nội địa hóa, v.v… đối với nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên RCEP khác.

2.1.3. Phương thức tiếp cận "chọn - cho" và "chọn - bỏ" khi cam kết cụ thể

Chương Thương mại dịch vụ trong Hiệp định RCEP cho phép các nước được lựa chọn giữa phương thức tiếp cận "chọn - cho" và "chọn - bỏ" khi xây dựng biểu cam kết cụ thể của mình.

- *"Chọn - cho"* là phương thức tiếp cận mà theo đó, các nước sẽ liệt kê cụ thể những ngành hoặc phân ngành dịch vụ mà nước mình cam kết mở cửa thị trường. Nếu một ngành, phân ngành không xuất hiện trong danh mục cam kết của một quốc gia, quốc gia đó không có nghĩa vụ phải mở cửa hoặc dỡ bỏ các rào cản thương mại đối với ngành hoặc phân ngành đó. Phương thức này cho phép các quốc gia dễ dàng hơn trong việc lựa chọn những ngành, phân ngành đã sẵn sàng tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế và duy trì sự kiểm soát với những ngành được cho là cần bảo vệ. Tuy nhiên, về lâu dài, phương pháp này có thể giới hạn việc mở cửa thị trường do các quốc gia chỉ cam kết những ngành cụ thể mở cửa thay vì mở rộng ra các ngành khác, mới xuất hiện.

- *"Chọn - bỏ"* khác với cách tiếp cận thận trọng của phương pháp "chọn cho" khi thể hiện một quan điểm mở cửa thị trường mạnh mẽ hơn. Theo đó, các quốc gia sẽ liệt kê toàn bộ các ngành hoặc phân ngành mà mình muốn duy trì hạn chế cùng với các biện pháp hạn chế tương ứng. Những ngành, phân ngành không có tên trong danh mục này sẽ là ngành được mở cửa hoàn toàn và chịu sự điều chỉnh của các cam kết tự do hóa. Phương thức "chọn bỏ" được đánh giá là một cách tiếp cận mang tính tiến bộ và toàn diện, phù hợp với những quốc gia có nền kinh tế phát triển cao

và đã sẵn sàng mở cửa hầu hết các lĩnh vực kinh tế của mình cho thương mại quốc tế.

Tóm lại, nếu phương thức tiếp cận "chọn - cho" (positive) là cam kết theo dạng "chỉ được làm những gì được phép làm" thì phương pháp tiếp cận "chọn - bỏ" (negative) là cam kết theo dạng "được làm tất cả những gì không bị hạn chế".

Trong RCEP, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ốtx-trây-li-a, Singapore, Bru-nây, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a là các quốc gia đã áp dụng các cam kết theo phương thức "chọn-bỏ" ngay từ đầu, trong khi Trung Quốc, New Zealand, Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin, Campuchia, Mi-an-ma và Lào áp dụng các cam kết theo phương thức "chọn-cho". Các nước lựa chọn phương thức "chọn - cho" phải lựa chọn một số phân ngành áp dụng nguyên tắc MFN tự động và nguyên tắc ratchet (chỉ tiến không lùi), đồng thời sẽ phải chuyển đổi sang phương thức tiếp cận "chọn – bỏ" sau một thời gian chuyển đổi kể từ thời điểm Hiệp định có hiệu lực, với mức độ mở cửa thị trường không thấp hơn mức độ cam kết trong biểu cam kết "chọn - cho".

2.1.4. Bố cục, kết cấu của các Biểu cam kết dịch vụ

i) Theo phương thức tiếp cận "chọn-cho"

- Cam kết chung: bao gồm các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ. Phần này chủ yếu đề cập đến các chính sách kinh tế - thương mại tổng quát như các quy định về chế độ đầu tư, hình thức thành lập doanh nghiệp, chính sách đất đai, các biện pháp về thuế, trợ cấp v.v… Đây là các biện pháp ảnh hưởng đồng loạt tới tất cả các ngành nên được gọi là "cam kết nền" (horizontal commitments) hay còn thường được gọi là "cam kết chung" (general commitments).

- Cột ngành/phân ngành: thể hiện tên và mã CPC của các ngành và phân ngành dịch vụ cụ thể được đưa vào cam kết. Lĩnh vực dịch vụ được chia thành các ngành chính (sector), mỗi ngành chính lại phân tiếp thành nhiều ngành nhỏ hơn được gọi là phân ngành (sub-sector). Cụ thể, mỗi ngành và phân ngành dịch vụ đều được liệt kê kèm theo mã nhận diện để xác định rõ loại dịch vụ đó. Ví dụ, nếu một quốc gia cam kết mở cửa thị trường cho dịch vụ tài chính và dịch vụ tư vấn, thì cột mô tả ngành/phân ngành sẽ ghi rõ tên dịch vụ như "Dịch vụ ngân hàng" hoặc "Dịch vụ tư vấn quản lý", kèm theo mã CPC tương ứng.

Mã CPC là để phân loại các dịch vụ theo Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (Provisional Central Product Classification - PCPC) của Liên hợp quốc. Theo đó, mỗi ngành/phân ngành dịch vụ đưa

vào Biểu cam kết đều có một mã số PCPC mà trong đàm phán, để thuận tiện, người ta thường ghi ngắn gọn là CPC. Ví dụ, mã CPC cho Dịch vụ pháp lý là CPC 861, hay Dịch vụ thuế là CPC 863.

- Cột hạn chế tiếp cận thị trường: liệt kê các hạn chế cụ thể đối với việc tiếp cận thị trường của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Đối với Hiệp định RCEP, những biện pháp hạn chế phổ biến bao gồm hạn chế về tổng số hoạt động dịch vụ hoặc số lượng dịch vụ cung cấp, hạn chế về tỷ lệ vốn góp nước ngoài, hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ, hạn chế hình thức thành lập doanh nghiệp hoặc một số han chế khác.

Ví dụ, một quốc gia có thể yêu cầu các công ty bảo hiểm nước ngoài phải liên kết với một công ty đối tác của nước sở tại hoặc không được sở hữu quá 49% vốn của công ty bảo hiểm tại nước sở tại.

- Cột hạn chế đối xử quốc gia: liệt kê các biện pháp mà thành viên đưa ra cam kết muốn duy trì để phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ trong nước với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Ví dụ, nếu một quốc gia áp dụng các quy định về ưu đãi thuế hoặc hỗ trợ tài chính cho các nhà cung cấp dịch vụ nội địa mà không cung cấp những ưu đãi tương tự cho các nhà cung cấp nước ngoài, quốc gia đó sẽ phải ghi nhận nội dung hạn chế trên vào cột này.

- Cột cam kết bổ sung: liệt kê các biện pháp hạn chế khác cũng ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp và tiêu dùng dịch vụ nhưng không thuộc loại hạn chế tiếp cận thị trường hay hạn chế về đối xử quốc gia. Một số biện pháp hạn chế hay được sử dụng tại cột này có thể kể đến như các quy định liên quan đến trình độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về thủ tục cấp phép, v.v…

ii) Theo phương pháp tiếp cận "chọn-bỏ"

Như đã nêu ở trên, phương thức "chọn-bỏ" yêu cầu các quốc gia thành viên liệt kê những ngành, phân ngành, lĩnh vực có duy trì các biện pháp không phù hợp với các nghĩa vụ đặt ra trong thương mại dịch vụ (chưa được mở cửa) như NT, MFN, MA, LP.... dưới hình thức là một danh mục gọi là "Danh mục bảo lưu các biện pháp không tương thích với nghĩa vụ của chương Dịch vụ và/hoặc chương Đầu tư" (gọi tắt là danh mục NCM dịch vụ - đầu tư). Danh mục NCM có cấu trúc gồm 2 Phụ lục:

- Phụ lục A (hoặc 1): bảo lưu các biện pháp hiện hành, có áp dụng nguyên tắc standstill (giữ nguyên hiện trạng) và ratchet (chỉ tiến không lùi)

Phụ lục A (hoặc 1) liệt kê các biện pháp và chính sách mà nước thành viên muốn bảo lưu, tối thiểu là giữ nguyên hiện trạng tại thời điểm có hiệu lực, gồm các biện pháp không tương thích với các nghĩa vụ về

thương mại dịch vụ và đang được quy định tại các văn bản pháp luật hoặc chính sách hiện hành của nước thành viên đó. Đối với các biện pháp được liệt kê trong Phụ lục này, các nước được tiếp tục áp dụng theo đúng nội dung đã được mô tả. Đặc điểm quan trọng của Phụ lục A là việc áp dụng hai nguyên tắc standstill và ratchet.

>>> *Nguyên tắc giữ nguyên hiện trạng (Standstill)*: cho phép các nước được quyền điều chỉnh chính sách, biện pháp đang được bảo lưu trong Phụ lục A (hoặc 1) với điều kiện việc sửa đổi không được kém thuận lợi hơn nội dung đã được bảo lưu. Điều này đảm bảo rằng mức độ mở cửa thị trường dịch vụ được duy trì ở mức tối thiểu là như hiện hành, không cho phép các quốc gia đưa ra áp dụng các biện pháp hạn chế hơn so với những gì đã cam kết. Đây là một biện pháp quan trọng giúp tạo ra tính ổn định và minh bạch cho các nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ. Ví dụ, nếu một quốc gia bảo lưu việc giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông ở mức 49%, quốc gia đó không thể áp dụng một quy định hạn chế hơn, như giảm tỷ lệ này xuống 30% trong tương lai.

>>> *Nguyên tắc chỉ tiến không lùi (Ratchet)*: cho phép các nước được quyền điều chỉnh chính sách, biện pháp đang được bảo lưu trong Phụ lục A (hoặc 1) theo hướng thuận lợi hơn nhưng khi đã đưa ra áp dụng rồi thì không được quyền rút lại hoặc điều chỉnh theo hướng hạn chế hơn nội dung đã được sửa đổi ngay trước đó. Điều này có nghĩa là nếu một quốc gia sau đó tự nguyện giảm bớt các hạn chế, thì những thay đổi này sẽ trở thành cam kết mới và quốc gia đó không thể quay lại áp dụng các hạn chế đã bỏ ngay trước đó. Ví dụ, nếu một quốc gia sau khi RCEP có hiệu lực quyết định nâng tỷ lệ hạn chế vốn góp nước ngoài từ 49% lên 70% trong lĩnh vực bảo hiểm, việc tăng tỷ lệ này sẽ được ghi nhận thành cam kết cũ và không thể đưa ngược lại mức cũ hay thấp hơn 70%.

- Phụ lục B (hoặc 2): bảo lưu các biện pháp lâu dài

Phụ lục B (hoặc 2) gồm các biện pháp không tương thích với các nghĩa vụ về thương mại dịch vụ mà các nước không muốn loại bỏ trong giai đoạn hiện tại và muốn bảo lưu với quyền linh hoạt tối đa trên cơ sở nội dung mô tả của bảo lưu (về nghĩa vụ sẽ không tương thích, bản chất hạn chế, v.v...).

2.1.5. Cam kết về thương mại dịch vụ trong RCEP

Chương Thương mại dịch vụ trong RCEP đặt ra các nguyên tắc và cam kết nhằm mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại dịch vụ giữa các quốc gia thành viên. Ngoài các nguyên tắc chính điều chỉnh thương mại dịch vụ nói chung như đã được đề cập ở trên, Chương Thương mại dịch vụ còn bao gồm các nghĩa vụ khác như minh bạch, chuyển tiền, từ chối lợi ích, sửa đổi cam kết, v.v… và 03 Phụ lục riêng về Dịch vụ tài chính, Dịch vụ viễn thông và Dịch vụ chuyên môn, trong đó:

(i) Phụ lục Dịch vụ tài chính đưa ra các cam kết liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ tài chính, đồng thời tạo một khoảng không chính sách đảm bảo cho các cơ quan quản lý tài chính duy trì khả năng thực hiện các biện pháp hỗ trợ tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính. So với WTO và các Hiệp định ASEAN+ khác, Hiệp định RCEP có một số quy định mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính như cam kết cao về việc đảm bảo quyền truy cập và luân chuyển thông tin tài chính, cũng như cam kết về sự minh bạch trong quá trình điều chỉnh các quy định tài chính và cung cấp các dịch vụ tài chính mới (các nghĩa vụ này phù hợp với một số FTA thế hệ mới khác mà ta đã ký kết) đồng thời giúp tăng cường niềm tin và tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính.

(ii) Phụ lục Dịch vụ viễn thông có phạm vi điều chỉnh chỉ giới hạn trong thương mại dịch vụ viễn thông công cộng, không bao gồm các chương trình phát thanh và truyền hình. Một số điều khoản mới so với WTO như chuyển mạng giữ số, bán lại dịch vụ viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ thuê kênh riêng, chung điểm đặt thiết bị, hệ thống cáp biển, tiếp cận hạ tầng viễn thông thụ động... Nhìn chung, mức độ cam kết về dịch vụ viễn thông cơ bản cao hơn so với cam kết của Việt Nam trong WTO nhưng thấp hơn so với cam kết trong các Hiệp định CPTPP, EVFTA, và phù hợp với khung pháp lý về viễn thông hiện hành của Việt Nam.

(iii) Phụ lục Dịch vụ chuyên môn đưa ra các thỏa thuận liên quan đến công nhận tương đương về bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn cũng như thúc đẩy phát triển tiêu chuẩn và tiêu chí chung đối với các Dịch vụ chuyên môn như pháp lý, giáo dục... nhằm tạo thuận lợi cho các chuyên gia di chuyển qua lại và làm việc tại các quốc gia khác trong khu vực mà không gặp trở ngại về quy định chứng nhận chuyên môn. Các cam kết này cũng nhằm tăng cường hợp tác và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực.

Ngoài các phụ lục trên, chương Thương mại dịch vụ còn bao gồm Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ và Danh mục Bảo lưu các Biện pháp không tương thích. Hai phần này sẽ liệt kê cụ thể các ngành dịch vụ mà mỗi quốc gia cam kết mở cửa hoặc danh mục các biện pháp bảo lưu mà quốc gia đó muốn duy trì.

2.2. Tổng quan về dịch vụ chuyên môn

2.2.1. Định nghĩa dịch vụ chuyên môn

Dịch vụ chuyên môn (Professional Services) không có định nghĩa cụ thể áp dụng chung cho tất cả các nước trên thế giới. Theo một số cách hiểu thông dụng, dịch vụ chuyên môn được định nghĩa là *dịch vụ do một nhà thầu hoặc một bên ký hợp đồng độc lập cung cấp, là người có kiến thức chuyên môn, đào tạo và kinh nghiệm trong một lĩnh vực cụ thể*. Thuật ngữ "chuyên môn/chuyên nghiệp" để chỉ các kiến thức chuyên môn đặc biệt có được từ quá trình đào tạo trí thức chuyên sâu và kéo dài, khác với các kỹ năng đơn thuần. *Cung cấp dịch vụ chuyên môn* nghĩa là ứng dụng các kiến thức hoặc kỹ năng của các chuyên gia trong lĩnh vực cụ thể để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Chuyên gia là những người người được đào tạo theo hướng chuyên sâu có kinh nghiệm thực hành công việc và có kỹ năng thực tiễn, lý luận chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể hoặc có hiểu biết vượt trội so với mặt bằng kiến thức chung. Các chuyên gia có thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua việc cho ý kiến, tham vấn) vào một công việc hay một lĩnh vực cụ thể.

Trao đổi thương mại quốc tế tại lĩnh vực dịch vụ chuyên môn có thể được hiểu là việc bán và cung cấp các kiến thức hoặc kỹ năng của một cư dân của nước này cho một cư dân của nước khác. Dịch vụ chuyên môn có thể được "vận chuyển" từ nước xuất khẩu tới nước nhập khẩu thông qua hình thức điện tử như thư điện tử, hoặc cung cấp trực tiếp giữa người với người thông qua việc chuyên gia di chuyển đến gặp trực tiếp khách hàng hoặc khách hàng di chuyển đến gặp trực tiếp chuyên gia. Một chuyên gia nước ngoài, nếu đã trở thành thường trú nhân của một quốc gia khác, sẽ không tạo ra giá trị nhập khẩu cho nước đất nước quê hương của mình.

Dịch vụ chuyên môn quốc tế không phải là hình thức thương mại mới xuất hiện gần đây. Xuyên suốt lịch sử thế giới, các chuyên gia đã thường xuyên di chuyển từ nước này sang nước khác để cung cấp dịch vụ. Điều mới mẻ trong thế kỷ 21 hiện nay là việc chi phí ngày càng thấp và tốc độ chuyển giao thông tin gia tăng, giúp nhu cầu khách hàng được giải quyết nhanh chóng. Sự phát triển này đến từ hai nguyên nhân: (1) việc di chuyển quốc tế trở nên dễ dàng, thuận tiện và nhanh hơn; và (2) khả năng tiếp cận thông tin trực tuyến dễ dàng với khối lượng thông tin lớn có thể được chuyển điện tử đến hầu như bất kỳ nơi nào trên thế giới.

2.2.2. Phân loại dịch vụ chuyên môn

Theo Danh mục phân loại ngành dịch vụ (Danh mục W/120), Dịch vụ chuyên môn thuộc ngành "Dịch vụ kinh doanh" (Business Services), trong đó bao gồm các phân ngành sau:

CÁC NGÀNH VÀ PHÂN NGÀNH	Mã CPC tương ứng
1. DỊCH VỤ KINH DOANH	*Mục B*
A. Dịch vụ chuyên môn	
a. Dịch vụ pháp lý	861
b. Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán	862
c. Dịch vụ thuế	863
d. Dịch vụ kiến trúc	8671
e. Dịch vụ kỹ thuật	8672
f. Dịch vụ kỹ thuật tích hợp	8673
g. Quy hoạch đô thị và cảnh quan, dịch vụ kiến trúc	8674
h. Dịch vụ y tế và nha khoa	9312
i. Dịch vụ thú y	932
j. Dịch vụ cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, chuyên gia vật lý trị liệu và hộ tá	93191
k. Khác	

Theo danh mục nêu trên, các phân ngành kinh doanh khác như quảng cáo, tiếp thị, tư vấn quản trị, bất động sản, tin học, v.v… không được định nghĩa là dịch vụ kinh doanh.

2.2.3. Phạm vi các phân ngành dịch vụ chuyên môn

Như đã nêu tại phần trước, Danh mục W/120 không đưa ra định nghĩa chi tiết cho các phân loại ngành dịch vụ. Phạm vi các ngành, phân ngành sẽ theo tài liệu Phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (PCPC, 1991)[1]. Phạm vi khái quát của các phân ngành Dịch vụ chuyên môn bao gồm nhưng không giới hạn:

>>> Dịch vụ pháp lý (CPC 861)

- Gồm các dịch vụ tư vấn và đại diện pháp lý tại các lĩnh vực luật khác nhau (VD: luật hình sự) và tại các thủ tục theo luật định; các dịnh vụ công chứng và tài liệu pháp lý, các dịch vụ thông tin và tư vấn pháp lý khác.

>>> Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)

- Gồm các dịch vụ kế toán và kiểm toán như kiểm toán tài chính, rà soát kế toán, tổng hợp báo cáo tài chính (không bao gồm dịch vụ khai thuế doanh nghiệp), và các dịch vụ kế toán khác;

- Gồm các dịch vụ ghi sổ kế toán, không bao gồm khai hoàn thuế.

>>> Dịch vụ thuế (CPC 863)

- Gồm các dịch vụ tư vấn và lập kế hoạch thuế doanh nghiệp, rà soát và khai thuế doanh nghiệp, lập kế hoạch và khai thuế cá nhân, và các dịch vụ thuế khác.

>>> Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)

- Gồm các dịch vụ tư vấn kiến trúc và tiền thiết kế, thiết kế, quản lý hợp đồng, tổng hợp và các dịch vụ khác.

>>> Dịch vụ kỹ thuật/kỹ sư (CPC 8672)

- Gồm các dịch vụ tư vấn kỹ sư, tư vấn kỹ thuật liên quan đến xây dựng móng công trình, tư vấn hệ thống kỹ thuật và điện công trình, kỹ thuật xây dựng dân dụng, sản xuất công nghiệp, lắp đặt, v.v.. (không bao gồm thiết kế mỹ thuật đặc biệt)

>>> Dịch vụ kỹ thuật tích hợp (CPC 8673)

- Gồm các dịch vụ kỹ thuật tích hợp cho các dự án quan trọng về cơ sở hạ tầng giao thông, về công trình cấp nước và vệ sinh, xây dựng sản xuất và các dịch vụ kỹ thuật tích hợp cho các dự án chìa khóa trao tay khác.

[1] *Các tài liệu Danh mục W/120 và PCPC 1991 là các tài liệu tiếng Anh, chưa được chuyển ngữ chính thức tại Việt Nam.*

>>> Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan (CPC 8674)

- Gồm các dịch vụ về quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan.

>>> Dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 9312)

- Các dịch vụ chủ yếu tập trung vào việc phòng ngừa, khám và chữa các bệnh thông qua thăm khám, tư vấn trực tiếp với mỗi bệnh nhân, không bao gồm y tá bệnh viện trừ dịch vụ y tế khám ngoại trú trong ngày. Các dịch vụ này bao gồm dịch vụ y tế tổng quát, y tế chuyên môn, và nha khoa (ngoại trừ dịch vụ phòng thí nghiệm y tế).

>>> Dịch vụ thú y (CPC 932)

- Bao gồm dịch vụ thú y cho thú cưng gia đình và các loại động vật khác (như động vật tại sở thú), bao gồm các dịch vụ bệnh viện, phòng thí nghiệm, và dịch vụ kỹ thuật, đồ ăn, và các dịch vụ khác.

>>> Dịch vụ cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, chuyên gia vật lý trị liệu và hộ tá (93131)

- Gồm các dịch vụ theo dõi thai sản, sinh con và chăm sóc bà mẹ sau sinh, gồm lĩnh vực hộ sinh, y tá, vật lý trị liệu và hộ tá,.v.v..

>>> Khác

- Nhóm khác giúp đảm bảo tính toàn diện của phạm vi lĩnh vực, tránh thiếu sót cũng như để ngỏ khả năng phát sinh các phân ngành hoặc định nghĩa mới trong tương lai.

2.2.4. Dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Cách phân loại các ngành hoặc phân ngành tại Biểu cam kết dịch vụ của các nước thành viên RCEP được tham chiếu theo Danh mục phân loại ngành dịch vụ của WTO (Tài liệu MTN.GNS/W/120 ngày 10 tháng 7 năm 1991). Phạm vi của một số ngành, phân ngành được tham chiếu đến tài liệu Phân loại sản phẩm trung tâm (CPC). Ký hiệu "**" đối với một số mã CPC để thể hiện việc cam kết cụ thể đối với mã đó không áp dụng đến toàn bộ phạm vi của phân ngành theo mã đó. Nghiên cứu này sẽ sử dụng cách phân loại dịch vụ chuyên môn theo Danh mục W/120.

Mặc dù các dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 9312) và dịch vụ được cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, nhân viên vật lý trị liệu và nhân viên y tế (CPC 93191) được liệt kê vào nhóm phân ngành dịch vụ chuyên môn tại Danh mục W/120, tại biểu cam kết cụ thể của các nước thành viên Hiệp định RCEP theo hình thức chọn-cho lại xếp 02 nhóm lĩnh vực này vào phân ngành dịch vụ liên quan đến y tế và dịch vụ xã hội, có thể do tính chất tương đồng của các lĩnh vực này đối với phân ngành y tế, sức khỏe.

Nhìn chung, Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường dịch vụ chuyên môn trong tất cả các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên. Các cam kết này bao gồm nhiều ngành dịch vụ quan trọng như dịch vụ pháp lý (CPC 861), kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862), dịch vụ thuế (CPC 863), dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673), dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674), và dịch vụ thú y (CPC 932). Đây là các ngành dịch vụ có vai trò quan trọng không chỉ đối với nền kinh tế trong nước mà còn đối với việc hội nhập quốc tế, đóng góp vào sự phát triển của nhiều lĩnh vực khác nhau như đầu tư, xây dựng, và thương mại.

Trong RCEP, cam kết đối với dịch vụ chuyên môn của Việt Nam có thể được tìm thấy trong chương về Thương mại dịch vụ (các nghĩa vụ chính như NT, MA, MFN và các nghĩa vụ khác như LP, minh bạch, quy định trong nước, từ chối lợi ích, thanh toán và chuyển tiền, v.v…); Phụ lục về Dịch vụ chuyên môn và Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam về thương mại dịch vụ.

Phụ lục về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại dịch vụ chuyên môn thông qua: tăng cường đối thoại giữa hai hoặc nhiều nước thành viên liên quan đến việc công nhận trình độ chuyên môn, công nhận chứng chỉ nghề nghiệp, cấp phép hay đăng ký; khuyến khích các cơ quan liên quan đàm phán các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn, yêu cầu về cấp phép hoặc đăng ký; giản lược công tác kiểm tra, đối chiếu. Đặc biệt, Phụ lục cũng khuyến khích các Bên hoặc các cơ quan có liên quan xây dựng các tiêu chuẩn nghề nghiệp và tiêu chí cấp phép chung được chấp nhận rộng rãi trong khu vực các nước thành viên Hiệp định trong các lĩnh vực như giáo dục; kiểm tra; kinh nghiệm; ứng xử và đạo đức; phát triển chuyên môn và tái chứng nhận; phạm vi hoạt động; kiến thức địa phương; và bảo vệ người tiêu dùng. Phụ lục chủ yếu là các cam kết mềm, mang tính khuyến khích cho việc công nhận lẫn nhau các trình độ, bằng cấp chuyên môn giữa các nước có nhu cầu, cũng như thúc đẩy phát triển tiêu chuẩn và tiêu chí chung. Các nước thành viên Hiệp định vẫn được áp dụng theo luật pháp và quy định hiện hành của quốc gia sở tại.

So với các cam kết trong WTO, Việt Nam đã mở rộng cam kết của mình đối với các ngành dịch vụ chuyên môn trong các FTA mới ký kết, tiêu biểu như các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP, với mục tiêu thu hút các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển và học hỏi từ các đối tác quốc tế để phát triển hơn nữa dịch vụ chuyên môn của Việt Nam. Tuy vậy, đối với

các FTA ASEAN+ và Hiệp định RCEP, mức độ cam kết của Việt Nam về dịch vụ chuyên môn ít thay đổi so với WTO. Tuy nhiên, các FTA này cũng góp phần mở rộng đối tác cung cấp dịch vụ cho Việt Nam cũng như là cơ sở để Việt Nam cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, cải thiện năng lượng chuyên môn của nhân lực bản địa, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển dịch vụ nói chung và các ngành dịch vụ chuyên môn nói riêng.

2.2.5. Dịch vụ chuyên môn trong RCEP, trong tương quan với các FTA ASEAN+ và một số FTA khác

RCEP được xây dựng phù hợp với trình độ phát triển của tất cả các nước tham gia, đặc biệt là phù hợp với cả một số nước ASEAN vẫn còn là nước kém phát triển. Do vậy, mặc dù không gian kinh tế rộng hơn, dân số lớn hơn nhưng đồng thời Hiệp định RCEP cũng có nhiều linh hoạt cho các nước tham gia hơn. Các nước tham gia RCEP cũng xác định đây là bước đi ban đầu, hướng đến các mức độ hợp tác cao hơn khi các nước đã sẵn sàng. Đối với lĩnh vực dịch vụ nói chung và dịch vụ chuyên môn nói riêng, nhìn chung, tổng thể cam kết về dịch vụ của các nước trong RCEP ở mức cao hơn WTO, tương đương FTA ASEAN+ nhưng thấp hơn FTA ASEAN nội khối như Hiệp định Khung về Dịch vụ của ASEAN (AFAS) và các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Tuy nhiên, đối với một số phân ngành dịch vụ cụ thể của dịch vụ chuyên môn, vẫn có những lĩnh vực mà một số nước ASEAN và các nước đối tác như Australia, New Zealand, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đưa ra cam kết mang tính cởi mở hơn trong Hiệp định RCEP so với Hiệp định AFAS hay các FTA ASEAN+ tương ứng. Chẳng hạn, Trung Quốc cam kết theo hướng mở hơn về lĩnh vực dịch vụ kĩ thuật trong RCEP so với Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA). Mặc dù vậy, các nước cũng duy trì các hạn chế MA và NT khi đưa ra những cam kết theo hướng mở hơn này.

Đối với Việt Nam, các cam kết của ta về dịch vụ chuyên môn trong RCEP được xây dựng trên cơ sở các cam kết của của Việt Nam trong WTO và các FTA giữa ASEAN với các đối tác ngoại khối mà Việt Nam đã cùng ASEAN tham gia, trong khi Hiệp định CPTPP và EVFTA là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Về cơ bản, Việt Nam không cam kết cao hơn so với các FTA ASEAN+, nghĩa là mức độ mở cửa thị trường thấp hơn so với cam kết trong các Hiệp định CPTPP và EVFTA. Nhìn chung, Việt Nam đạt được mức độ cam kết dịch vụ nói chung và dịch vụ nói chung hài hòa trong RCEP, có cao hơn các FTA ASEAN+ hiện có nhưng thấp hơn các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia.

03
CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA VIỆT NAM TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP VÀ CÁC VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

>>> CHƯƠNG 3 <<<

CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA VIỆT NAM TRONG RCEP VÀ CÁC VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. Tổng quan ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam

3.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2012 - 2019 (trước đại dịch Covid-19), xuất khẩu dịch vụ nói chung của Việt Nam tăng trưởng liên tục, từ 9.62 tỷ USD năm 2012 lên 20.42 tỷ USD năm 2019 (gấp 2.1 lần), trung bình cả giai đoạn đạt hơn 11%. Điều này cho thấy xu thế, khả năng và tiềm năng của Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu dịch vụ.

Trong các ngành dịch vụ, ngành dịch vụ chuyên môn tại Việt Nam, gồm các lĩnh vực như tư vấn tài chính, kiểm toán, kế toán, luật pháp, thuế, quản lý, kỹ thuật, kiến trúc và công nghệ thông tin, đang trên đà phát triển nhanh chóng. Điều này phần lớn nhờ vào sự hội nhập kinh tế toàn cầu và khu vực, sự gia tăng đầu tư nước ngoài và thành lập các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, cùng với nhu cầu về kỹ năng chuyên biệt ngày càng cao của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các dịch vụ chuyên môn đang đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh và sản xuất, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Việt Nam.

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong những năm gần đây, nhu cầu sử dụng các dịch vụ chuyên môn đã tăng cao, đòi hỏi chất lượng dịch vụ phải ngày càng chuyên sâu và phức tạp hơn. Các doanh nghiệp trong nước cần các dịch vụ này để cải thiện quản trị, vận hành và mở rộng

quy mô. Trong khi, dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) tạo ra nhu cầu lớn về các dịch vụ tư vấn pháp lý, kiểm toán, kế toán và quản lý tài chính, giúp các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật tại Việt Nam.

Chính sách hội nhập quốc tế cởi mở đã đẩy mạnh yêu cầu về chất lượng và tính chuyên nghiệp của các dịch vụ chuyên môn tại Việt Nam. Tham gia vào các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức thương mại quốc tế như WTO, Việt Nam đang phải đối mặt với sự gia tăng yêu cầu về các tiêu chuẩn toàn cầu. Điều này thúc đẩy các doanh nghiệp trong ngành phải không ngừng đổi mới và nâng cao trình độ để đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời đảm bảo khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh đó, cạnh tranh trong ngành dịch vụ chuyên môn cũng đang ngày càng gay gắt với sự tham gia của nhiều công ty trong và ngoài nước. Các công ty, tập đoàn quốc tế lớn, vốn có lợi thế về trình độ, bề dày kinh nghiệm, chuyên môn hóa cao và mạng lưới hợp tác sẵn có, đã có mặt tại Việt Nam và cung cấp các dịch vụ chất lượng tốt, tạo áp lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nội địa. Điều này buộc các công ty Việt Nam phải cải thiện năng lực, chuyên nghiệp hóa dịch vụ và áp dụng công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, thách thức đối với các công ty Việt Nam là duy trì chất lượng dịch vụ đồng thời đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, giúp họ có thể cạnh tranh một cách bền vững trên thị trường.

Tuy nhiên, trên thực tế khả năng Việt Nam có thể xuất khẩu dịch vụ chuyên môn vẫn còn hạn chế. Việt Nam là một trong những quốc gia nhập siêu dịch vụ trong suốt nhiều năm liền. Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, năm 2020, xuất khẩu dịch vụ Việt Nam đạt 9.84 tỷ USD, trong khi nhập khẩu dịch vụ giữ mức 20.31 tỷ USD, cả năm nhập siêu 10.47 tỷ USD. Về cơ cấu xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam, dịch vụ du lịch luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, dao động từ 55-72%, tiếp theo là dịch vụ vận tải. Ngoài 02 dịch vụ này, tỷ trọng các loại dịch vụ khác đều chiếm tỷ trọng rất thấp.

Có thể đánh giá rằng hoạt động xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam nói chung quy mô còn nhỏ, nhiều loại hình dịch vụ (bao gồm dịch vụ chuyên môn) chưa phát huy hết tiềm năng do sự non trẻ, đang ở giai đoạn phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam; Nhưng với nhiều cơ hội và thách thức đan xen và nhu cầu cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn, Việt Nam có những thế mạnh giúp ngành dịch vụ chuyên môn tại Việt Nam có tiềm năng để tiếp tục phát triển và cạnh tranh trên trường quốc tế trên hành trình dài.

3.1.2. Đặc điểm, thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam

Ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam có một số đặc điểm và thế mạnh nổi bật, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc gia trong thời kỳ hội nhập. *Thứ nhất*, Việt Nam có một lực lượng lao động trẻ, dồi dào và năng động, với nhiều người được đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực như kế toán, kiểm toán, luật pháp, tư vấn tài chính và công nghệ thông tin. Lợi thế này giúp tạo ra một nguồn nhân lực có kỹ năng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, chi phí nhân công ở Việt Nam vẫn ở mức thấp so với nhiều quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ chuyên môn cũng như xuất khẩu dịch vụ chuyên môn.

Thứ hai, cơ chế hội nhập kinh tế quốc tế cởi mở đã đem lại nhiều cơ hội cho Việt Nam, không chỉ lợi ích thương mại, kinh tế và đầu tư mà còn là khả năng tiếp cận với các tiêu chuẩn và phương pháp quản lý hiện đại. Nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin, người Việt Nam, với tỉ lệ dân số trẻ cao, nhanh chóng tiếp cận kiến thức cập nhật và cơ hội việc làm mới, nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, sự gia tăng đầu tư nước ngoài cũng góp phần tạo ra nhu cầu lớn cho các dịch vụ chuyên môn chất lượng cao, từ đó thúc đẩy sự phát triển của ngành và gia tăng sự tham gia của Việt Nam vào các dự án xuyên quốc gia.

Thứ ba, Việt Nam có tiềm năng phát triển mạnh trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt là dịch vụ tư vấn và phát triển phần mềm, nhờ vào sự sáng tạo và khả năng thích ứng của lao động trẻ. Điều này tạo ra cơ hội lớn cho ngành dịch vụ chuyên môn trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động quản lý và kinh doanh. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ và được xem là một trong những quốc gia cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và gia công phần mềm hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á. Nhiều công ty quốc tế lựa chọn Việt Nam làm điểm đến để thuê ngoài (outsourcing) các dịch vụ và giải pháp công nghệ, nhờ vào chi phí hợp lý, chất lượng lao động tốt và khả năng thích ứng nhanh với công nghệ mới.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ chuyên môn, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực chuyên môn cùng khả năng ngoại ngữ và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và kỹ thuật số trong quá trình cung cấp dịch vụ cũng sẽ giúp tăng cường năng lực cạnh tranh và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dịch vụ chuyên môn Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế.

3.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Việt Nam

Dịch vụ chuyên môn chịu sự quản lý của nhiều quy định liên quan đến lao động, xuất nhập cảnh, đầu tư, thuế cá nhân, thuế doanh nghiệp, v.v... Việc cung cấp dịch vụ chuyên môn nói chung của cả nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài và nhà cung cấp dịch vụ trong nước trên thị trường Việt Nam đều phải tuân thủ các quy định chung trong các văn bản pháp luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Bộ Luật Lao động, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Kiến trúc, Luật Xây dựng, Luật Luật sư, Luật khám bệnh, chữa bệnh, các nghị định quy định chi tiết luật, các thông tư về các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, v.v...

Đối với dịch vụ được cung cấp xuyên biên giới (hoặc theo hình thức trực tuyến), hay tiêu dùng ở nước ngoài, Việt Nam không có quy định cụ thể, chi tiết hoặc chế tài quản lý đối với hình thức này. Đối với dịch vụ được cung cấp bởi chuyên gia hiện diện trực tiếp tại Việt Nam, các quy định về quản lý lao động nước ngoài có tác động trực tiếp đến hình thức này.

Theo Bộ luật Lao động và các nghị định liên quan quy định về người lao động nước ngoài tại Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đưa ra các định nghĩa phục vụ công tác quản lý dịch vụ chuyên môn được xuất khẩu đến Việt Nam như sau:

- Chuyên gia là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam; b) Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam; c) Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo các hình thức: a) Thực hiện hợp đồng lao động; b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp; c) Thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế; d) Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng; đ) Chào bán dịch vụ; e) Làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; g) Tình nguyện viên; h) Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại; i) Nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật; k) Tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam; l) Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài

tại Việt Nam được phép làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng là người lao động nước ngoài làm việc ít nhất 02 năm (24 tháng) trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và phải đáp ứng quy định đối với chuyên gia tại khoản 3 Điều này.

Các yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và quy trình công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của mỗi ngành nghề được quy định tại từng luật cụ thể (ví dụ như hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Luật Kiến trúc, và quy định chi tiết tại Nghị định số 85/2020/NĐ-CP về cách xác định thời gian tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam).

Có thể đánh giá thấy, Việt Nam đưa ra quy định, yêu cầu lao động nước ngoài có trình độ cao vừa giúp cơ quan chức năng quản lý tốt hơn và chặt chẽ đối với lao động nước ngoài, vừa nhằm để "lập hàng rào" bảo vệ việc làm cho lao động trong nước. Đây là một quy định có thể gây ra thêm khó khăn cho doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu tuyển dụng. Chính phủ Việt Nam vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, sửa đổi các quy định liên quan đến thương mại dịch vụ tại Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế. Ví dụ, yêu cầu về số năm kinh nghiệm đối với người lao động nước ngoài được rút từ 05 năm xuống 03 năm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023, thể hiện sự lắng nghe ý kiến doanh nghiệp, tạo điều kiện tuyển dụng tài năng trẻ đến Việt Nam làm việc, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp tại Việt Nam.

3.2. Cam kết của Việt Nam đối với dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong RCEP, Việt Nam cam kết về dịch vụ nói chung và dịch vụ chuyên môn nói riêng theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Việt Nam mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Việt Nam không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc cam kết các nghĩa vụ của chương Thương mại dịch vụ (xem thêm phần 2.1.2) và Phụ lục về Dịch vụ chuyên môn (xem thêm phần 2.2.4), cam kết cụ thể của Việt Nam đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn là:

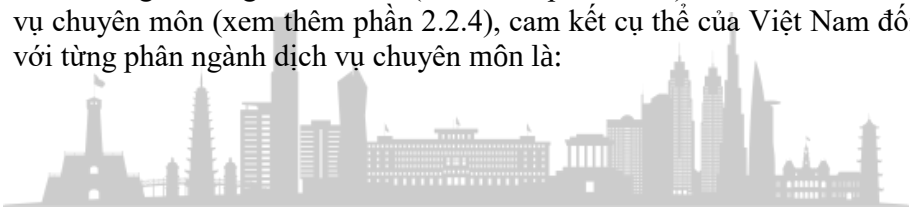

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Việt Nam đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, nhân sự khác, người chào bán dịch vụ, người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại và nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

➤➤➤ *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"*, Việt Nam cam kết các nhà quản lý[2], giám đốc điều hành[2] và chuyên gia[3], của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên khu vực Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 1 năm, được phép nhập cảnh và lưu trú ở Việt Nam trong thời gian ban đầu là 3 năm và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của các đơn vị này tại Việt Nam. Ít nhất 20% tổng số các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia phải là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép có tối thiểu 3 nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải là người Việt Nam.

➤➤➤ *Đối với nhóm "Nhân sự khác"*, Việt Nam cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia mà người Việt Nam không thể thay thế, do một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam tuyển dụng bên ngoài khu vực Việt Nam để tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp này trên khu vực Việt Nam, sẽ được nhập cảnh và lưu trú ở Việt Nam theo thời hạn của hợp đồng lao động có liên quan hoặc trong một thời gian lưu trú ban đầu là 3 năm, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn của hợp đồng lao động giữa họ với hiện diện thương mại này.

➤➤➤ *Đối với nhóm "Người chào bán dịch vụ"*, Việt Nam cam kết các thể nhân không sống tại Việt Nam và không nhận thù lao từ bất cứ nguồn

---

[2] Nhà quản lý và giám đốc điều hành là những người trực tiếp quản lý doanh nghiệp nước ngoài đã thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam, chỉ chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ hội đồng quản trị hoặc các cổ đông của doanh nghiệp hoặc cấp tương đương; quản lý doanh nghiệp bao gồm việc chỉ đạo doanh nghiệp đó hoặc một phòng, ban hoặc một đơn vị trực thuộc của hiện diện thương mại, giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên chuyên môn, nhân viên quản lý hoặc nhân viên giám sát khác, có quyền thuê và sa thải hoặc kiến nghị thuê, sa thải hoặc các hoạt động về nhân sự khác. Các nhà quản lý, giám đốc điều hành này không trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hiện diện thương mại.

[3] Chuyên gia là thể nhân làm việc trong một tổ chức, là người có trình độ chuyên môn cao và có kiến thức về dịch vụ, thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hay quản lý của tổ chức đó. Để đánh giá kiến thức này, cần xem xét không chỉ kiến thức cụ thể đối với hình thức hiện diện thương mại đó mà phải xem xét cả việc người đó có kỹ năng hoặc chuyên môn cao liên quan đến thương mại hoặc một loại công việc đòi hỏi kiến thức chuyên ngành hay không. Chuyên gia có thể bao gồm các thành viên của một ngành nghề chuyên môn được cấp phép.

nào tại Việt Nam, tham gia vào các hoạt động liên quan đến việc đại diện cho một nhà cung cấp dịch vụ để đàm phán tiêu thụ dịch vụ của nhà cung cấp đó, với điều kiện: (i) không được bán trực tiếp dịch vụ đó cho công chúng và (ii) người chào bán không trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ, sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam với thời gian lưu trú không được quá 90 ngày.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại"*, Việt Nam cam kết các nhà quản lý và giám đốc điều hành của một pháp nhân, chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại của một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên tại Việt Nam, với điều kiện (i) những người này không tham gia trực tiếp vào việc bán hàng hay cung cấp dịch vụ; và (ii) nhà cung cấp dịch vụ đó có địa bàn kinh doanh chính tại khu vực của một Bên không phải Việt Nam và chưa có bất kỳ hiện diện thương mại nào khác ở Việt Nam, sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam với thời gian lưu trú không được quá 90 ngày.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng"*, Việt Nam cam kết các thể nhân làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài và không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam trong thời hạn 90 ngày hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn, để cung cấp dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính (CP 841- 845, 849) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu sau:

(i) Doanh nghiệp nước ngoài đã có hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể thiết lập các thủ tục cần thiết để bảo đảm tính xác thực của hợp đồng;

(ii) Những người này phải có: (a) bằng đại học hoặc chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật chứng nhận có kiến thức tương đương; (b) trình độ chuyên môn, nếu cần, để thực hiện công việc trong lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam; và (c) ít nhất 5 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực này.

(iii) Số lượng các thể nhân quy định trong hợp đồng không được nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng do pháp luật quy định và theo yêu cầu của Việt Nam.

(iv) Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất hai năm và phải đáp ứng các điều kiện đối với "chuyên gia".

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ pháp lý (CPC 861): Tương tự cam kết của Việt Nam tại WTO và các Hiệp định ASEAN+ khác, Việt Nam cam kết mở cửa hạn chế đối với dịch vụ này, không cam kết đối với việc tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam và dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam.

Tổ chức luật sư nước ngoài (tổ chức của các luật sư hành nghề do một hoặc nhiều luật sư hoặc công ty luật nước ngoài thành lập ở nước ngoài dưới bất kỳ hình thức công ty thương mại nào - kể cả hãng luật, công ty luật trách nhiệm hữu hạn, công ty luật cổ phần v.v…) được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức: chi nhánh hoặc công ty con, công ty luật nước ngoài, và công ty hợp danh giữa tổ chức luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam.

Hiện diện thương mại của tổ chức luật sư nước ngoài được phép tư vấn luật Việt Nam nếu luật sư tư vấn đã tốt nghiệp đại học luật của Việt Nam và đáp ứng được các yêu cầu áp dụng cho luật sư hành nghề tương tự của Việt Nam; được thuê luật sư Việt Nam có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Luật sư nước ngoài có Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được hành nghề tại các công ty luật của Việt Nam để tư vấn về pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế.

Ngoài những hạn chế trên, Việt Nam không hạn chế đối với mode 1, 2.

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862); Dịch vụ thuế (CPC 863): Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn mode 1, 2 và 3.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671): Việt Nam cam kết mở cửa đối với mode 1 và mode 2. Đối với mode 3, Việt Nam chỉ yêu cầu các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ kiến trúc phải là pháp nhân của một nước thành viên RCEP.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673): Việt Nam cam kết mở cửa đối với mode 1 và mode 2. Đối với mode 3, Việt Nam chỉ yêu cầu (i) các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ kiến trúc phải là pháp nhân của một nước thành viên RCEP; và (ii) việc cung cấp dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển

ngành phải được Chính phủ Việt Nam cho phép (vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng).

- Đối với dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674): Việt Nam mở cửa mode 1 và mode 2 nhưng yêu cầu nội dung dịch vụ phải được kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề phù hợp làm việc trong một tổ chức kiến trúc có tư cách pháp nhân của Việt Nam kiểm tra xác nhận và tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan của Việt Nam.

Đối với mode 3, Việt Nam chỉ yêu cầu (i) các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ kiến trúc phải là pháp nhân của một nước thành viên RCEP; và (ii) kiến trúc sư nước ngoài chịu trách nhiệm trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có chứng chỉ hành nghề do Chính phủ Việt Nam cấp hoặc được Chính phủ Việt Nam công nhận. Ngoài ra, vì lý do an ninh quốc gia và ổn định xã hội, tại một số địa bàn, theo quy định của Chính phủ Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể không được phép cung cấp dịch vụ này.

- Đối với dịch vụ thú y (CPC 932): Việt Nam cam kết mở cửa đối với mode 1 và mode 2. Đối với mode 3, Việt Nam chỉ dành quyền tiếp cận thị trường cho thể nhân cung cấp dịch vụ chuyên môn với tư cách cá nhân, sau khi đã được phép của cơ quan quản lý về thú y.

- Đối với dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 9312): Việt Nam cam kết mở cửa đối với mode 1 và mode 2. Đối với mode 3, Việt Nam yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được cung cấp dịch vụ thông qua thành lập bệnh viện 100% vốn đầu tư nước ngoài, liên doanh với đối tác Việt Nam hoặc thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Vốn đầu tư tối thiểu cho một bệnh viện là 20 triệu đô la Mỹ, bệnh xá đa khoa (polyclinic) là 2 triệu đô la Mỹ và cơ sở điều trị chuyên khoa là 200 nghìn đô la Mỹ.

- Đối với dịch vụ được cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, nhân viên vật lý trị liệu và nhân viên y tế (CPC 93191): Việt Nam chỉ cam kết với dịch vụ điều dưỡng, vật lý trị liệu và nhân viên y tế cho bệnh nhân tại nhà và Dịch vụ điều dưỡng, vật lý trị liệu và nhân viên bán y tế để chăm sóc thai sản theo hướng mở cửa đối với mode 1, 2 nhưng không cam kết đối với mode 3.

3.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Việt Nam có thể áp dụng các ngoại lệ chung của các FTA đối với các cam kết về dịch vụ chuyên môn khi cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia. Các ngoại lệ chung cơ bản bao gồm ngoại lệ an ninh quốc gia, ngoại lệ công cộng và trật tự, và ngoại lệ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Những ngoại lệ này cho phép Việt Nam duy trì các quy định và chính sách cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Ngoài ra, trong cam kết cụ thể đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn, Việt Nam đã áp dụng một số bảo lưu quan trọng nhằm bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm tiêu biểu như pháp lý, thuế, và kế toán. Các bảo lưu này phản ánh sự nhạy cảm của những lĩnh vực này đối với sự điều chỉnh và quản lý của quốc gia. Đối với lĩnh vực pháp lý, Việt Nam duy trì các quy định về cấp phép hành nghề và các tiêu chuẩn hoạt động của các công ty luật để đảm bảo chất lượng dịch vụ và bảo vệ lợi ích pháp lý của công dân và doanh nghiệp trong nước. Trong lĩnh vực thuế, các quy định về tư vấn và kế toán thuế nhằm bảo vệ nguồn thu ngân sách quốc gia và ngăn ngừa gian lận thuế. Đối với lĩnh vực kế toán, việc duy trì các tiêu chuẩn cao trong báo cáo tài chính và kiểm toán giúp bảo vệ các doanh nghiệp và người tiêu dùng khỏi rủi ro tài chính và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động tài chính.

Nhìn chung, các bảo lưu này được Việt Nam duy trì trong tất cả các FTA mà Việt Nam thực thi. Những bảo lưu này không chỉ giúp Việt Nam cân bằng giữa việc thu hút đầu tư nước ngoài và bảo vệ các lợi ích quốc gia mà còn duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế. Các quy định này cho phép Việt Nam quản lý hiệu quả các lĩnh vực dịch vụ chuyên môn nhạy cảm và đảm bảo rằng các tiêu chuẩn và quy định trong nước vẫn được thực thi hiệu quả bởi các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế.

04

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA BRU-NÂY TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 4 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA BRUNEI TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

4.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Brunei

4.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Brunei

Brunei là quốc gia có thu nhập cao với nền kinh tế chủ yếu dựa vào xuất khẩu dầu khí, đóng góp tới 60% GDP và 95% doanh thu xuất khẩu. Tuy nhiên, để giảm sự phụ thuộc vào dầu khí, chính phủ Brunei đã định hướng phát triển ngành dịch vụ chuyên môn nhằm đa dạng hóa nền kinh tế. Dịch vụ chuyên môn ở Brunei chiếm khoảng 8-10% GDP, tập trung vào các lĩnh vực như tư vấn kỹ thuật, pháp lý, y tế, giáo dục, và kế toán. Chính phủ thông qua các sáng kiến như "Brunei Vision 2035" để thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ này nhằm đảm bảo nền kinh tế bền vững và giảm sự phụ thuộc vào dầu khí.

Trong các dịch vụ chuyên môn, các dịch vụ liên quan đến y tế và giáo dục được coi là những lĩnh vực mạnh nhất. Brunei có hệ thống y tế công cộng toàn diện với một số cơ sở y tế hàng đầu như Bệnh viện Raja Isteri Pengiran Anak Saleha (RIPAS), cung cấp dịch vụ y tế miễn phí hoặc với chi phí thấp cho người dân. Đặc biệt, Brunei cũng đang mở rộng các dịch vụ chuyên môn khác như tư vấn pháp lý và kỹ thuật, ví dụ Công ty Brunei Shell Petroleum không chỉ cung cấp các dịch vụ trong nước mà còn tư vấn cho các dự án quốc tế trong lĩnh vực dầu khí.

Tuy nhiên, do dân số nhỏ (chỉ khoảng 460.000 người), Brunei phụ thuộc vào lực lượng lao động nước ngoài, đặc biệt là trong các ngành kỹ

thuật, y tế và tư vấn chuyên môn. Theo báo cáo của Bộ Nhân lực Brunei, gần 25% lao động nước ngoài làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là từ Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Ấn Độ. Ví dụ, nhiều bác sĩ và kỹ sư từ các quốc gia này làm việc tại các bệnh viện và công ty kỹ thuật hàng đầu của Brunei.

4.1.2. Đặc điểm và thế mạnh trong ngành dịch vụ chuyên môn của Brunei

- Sự quản lý chặt chẽ và hỗ trợ phát triển của Nhà nước

Chính phủ Brunei đóng vai trò then chốt trong việc quản lý và thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ chuyên môn. Thông qua các cơ quan như Cơ quan Phát triển Kinh tế Brunei (BEDB) và Bộ Tài chính và Kinh tế (MOFE), Brunei đã khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân phát triển các dịch vụ tư vấn kỹ thuật và y tế. Các chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đã giúp Brunei tăng trưởng số lượng các công ty chuyên cung cấp dịch vụ chuyên môn. Ví dụ, việc miễn thuế thu nhập cho các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và dịch vụ tư vấn trong 5 năm đầu giúp thúc đẩy tăng trưởng trong ngành này.

- Khả năng cạnh tranh nhờ quy định chặt chẽ

Brunei có hệ thống pháp lý và tiêu chuẩn cao đối với các dịch vụ chuyên môn, đặc biệt là y tế và kỹ thuật. Ví dụ, các bệnh viện lớn như RIPAS và Gleneagles Jerudong Park Medical Centre đạt chứng nhận của Joint Commission International (JCI), một tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng y tế, giúp thu hút khách hàng quốc tế tìm kiếm dịch vụ y tế chất lượng cao với chi phí hợp lý. Ngoài ra, ngành kiến trúc và kỹ thuật ở Brunei cũng nổi bật nhờ sự áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong xây dựng và thiết kế, chẳng hạn như tiêu chuẩn ISO 9001 về quản lý chất lượng mà nhiều công ty kỹ thuật hàng đầu của Brunei tuân thủ.

- Thế mạnh về dịch vụ y tế và giáo dục

Brunei nổi tiếng với hệ thống y tế chất lượng cao và chi phí dịch vụ thấp hoặc miễn phí cho công dân. Chính phủ dành gần 10% GDP cho y tế, một tỷ lệ khá cao so với các quốc gia trong khu vực. Bệnh viện RIPAS không chỉ cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao mà còn đào tạo các bác sĩ chuyên khoa. Ngoài ra, trong lĩnh vực giáo dục, Brunei hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế để cải thiện chất lượng giáo dục chuyên môn. Trường Đại học Brunei Darussalam (UBD) là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu, đặc biệt trong các lĩnh vực như kỹ thuật và công nghệ thông tin, đóng góp vào sự phát triển nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ chuyên môn.

4.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Brunei

- Hệ thống cấp phép và kiểm soát chất lượng

Hệ thống cấp phép cho các dịch vụ chuyên môn tại Brunei rất nghiêm ngặt, đảm bảo chỉ những chuyên gia có trình độ cao mới được hành nghề. Ủy ban Cấp phép Y tế Brunei (Brunei Medical Board) và Ủy ban Cấp phép Kiến trúc sư và Kỹ sư giám sát việc cấp phép và hoạt động của các chuyên gia trong các lĩnh vực này. Ví dụ, các bác sĩ tại Brunei phải trải qua quá trình kiểm tra nghiêm ngặt và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế trước khi được cấp phép hành nghề, tương tự với các kỹ sư và kiến trúc sư, họ phải đạt các chứng chỉ quốc tế như chứng chỉ Chartered Engineer của Vương quốc Anh.

- Hội nhập quốc tế

Brunei đã ký kết nhiều thỏa thuận quốc tế nhằm thúc đẩy sự tiêu chuẩn hóa và hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ chuyên môn. Ví dụ, việc là thành viên của Hiệp định thương mại tự do điển hình như RCEP cho phép các chuyên gia từ Brunei có thể hành nghề ở các nước ASEAN khác và ngược lại. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của lao động chuyên môn giữa các nước trong khu vực và góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên môn của Brunei. Một ví dụ cụ thể là các bác sĩ và kỹ sư từ Brunei có thể làm việc tại Singapore hoặc Ma-lai-xi-a mà không cần trải qua quá nhiều thủ tục pháp lý phức tạp.

- Thách thức về nguồn nhân lực nội địa

Dù có nhiều nỗ lực phát triển nguồn nhân lực, Brunei vẫn đối mặt với thách thức về sự thiếu hụt nhân tài nội địa trong các ngành dịch vụ chuyên môn. Dân số nhỏ và sự phụ thuộc vào lao động nước ngoài trong các ngành như y tế, kỹ thuật, và tài chính đã làm giảm khả năng tự cung cấp nguồn lực của quốc gia. Theo số liệu của Bộ Giáo dục, khoảng 20% sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học nước ngoài quay trở lại Brunei để làm việc, trong khi số còn lại tìm kiếm cơ hội ở các nước phát triển như Anh, Úc, và Singapore. Điều này tạo ra khoảng trống nhân lực trong các ngành dịch vụ chuyên môn tại Brunei, đặc biệt là lĩnh vực y tế và kỹ thuật.

4.2. Cam kết của Brunei về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong khuôn khổ RCEP, Brunei áp dụng phương thức cam kết "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó bao gồm cả dịch vụ chuyên môn, tức là Brunei mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là có hạn chế hoặc cấm trong Danh mục NCM của nước này. Mặc dù nhiều dịch vụ chuyên môn được mở cửa hoàn toàn nhưng các yêu cầu về liên doanh, tỷ lệ sở hữu, và yêu cầu tuyển dụng nhân sự địa phương trong các bảo lưu quét (các bảo lưu có

phạm vi bảo lưu rộng, xuyên suốt tất cả hoặc nhiều ngành) có thể vẫn đặt ra một số hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này.

Các hạn chế mà Brunei còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn bao gồm:

4.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Dịch vụ kiểm toán công (CPC 862)

Brunei bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA và SMBD đối với dịch vụ kiểm toán công (CPC 831) như sau:

Người nước ngoài hoặc doanh nghiệp nước ngoài không được phép thành lập các doanh nghiệp kiểm toán tài chính tại Brunei, trừ khi thông qua việc hợp tác hoặc liên doanh với ít nhất một kiểm toán viên người Brunei có giấy phép hành nghề.

Trong trường hợp không được thành lập tại Brunei, người nước ngoài hoặc doanh nghiệp nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ kiểm toán tài chính tại Brunei khi:

+ Được Bộ Tài chính và Kinh tế cấp phép; hoặc

+ Thông qua một kiểm toán viên hoặc doanh nghiệp được thành lập tại địa phương do Bộ Tài chính và Kinh tế cấp phép.

Hạn chế trên được Brunei quy định trong Chương 39 Luật Doanh nghiệp, Pháp lệnh về Kế toán viên năm 2010 và các văn bản thực thi khác.

- Dịch vụ thú y (CPC 932)

Brunei bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA và LP đối với dịch vụ thú y như sau:

Cá nhân hoặc doanh nghiệp nước ngoài không được phép cung cấp dịch vụ thú y tại Brunei, trừ khi thông qua một doanh nghiệp hợp danh hoặc liên doanh được thành lập tại Brunei mà trong đó cá nhân hoặc doanh nghiệp nước ngoài không được sở hữu quá 51% cổ phần.

Hạn chế trên được Brunei quy định tại Chương 39 Luật Doanh nghiệp hay Pháp lệnh về Bác sĩ thú y năm 2005.

- Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673), dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 86741, CPC 86742

Brunei bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP đối với các dịch vụ trên như sau:

1. Cá nhân hoặc doanh nghiệp nước ngoài không được phép cung cấp dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, và dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ, trừ khi:

+ Họ cư trú tại Brunei ít nhất 90 ngày mỗi năm dương lịch và đăng ký với các Ban Kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp và điều tra viên tại Brunei dưới danh nghĩa là một "kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp hoặc điều tra viên" trong lĩnh vực này;

+ Nếu họ không cư trú tại Brunei thì phải đăng ký với các với các Ban Kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp và điều tra viên tại Brunei thông qua một doanh nghiệp địa phương dưới danh nghĩa là "kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp hoặc điều tra viên có giấy chứng nhận hành nghề" trong lĩnh vực này; hoặc

+ Thông qua một doanh nghiệp được thành lập tại Brunei dưới hình thức hợp danh hoặc liên doanh, trong đó tỷ lệ góp vốn của người nước ngoài không vượt quá 51% và có ít nhất một công dân Brunei được đăng ký là "kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp hoặc điều tra viên" có giấy chứng nhận hành nghề trong lĩnh vực đó.

2. Cá nhân hoặc doanh nghiệp nước ngoài không được cung cấp dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và kỹ thuật đồng bộ, trừ khi:

+ Họ cư trú tại Brunei ít nhất 90 ngày mỗi năm dương lịch và phải đăng ký với Bộ Phát triển Brunei dưới danh nghĩa là "nhà quy hoạch hoặc khảo sát viên" trong lĩnh vực đó;

+ Nếu họ không cư trú tại Brunei, thì phải đăng ký với Bộ Phát triển thông qua một doanh nghiệp địa phương dưới danh nghĩa là "nhà quy hoạch hoặc khảo sát viên" trong lĩnh vực này; hoặc

+ Thông qua một doanh nghiệp được thành lập tại Brunei dưới hình thức hợp danh hoặc liên doanh, trong đó tỷ lệ góp vốn của người nước ngoài không vượt quá 51% và có ít nhất một công dân Brunei đăng ký với Bộ Phát triển dưới danh nghĩa là "nhà quy hoạch hoặc khảo sát viên" trong lĩnh vực đó.

Các hạn chế trên được Brunei quy định tại Pháp lệnh về Kiến trúc sư, kỹ sư chuyên nghiệp và Quy định người giám sát chất lượng năm 2011, Chương 100 Luật Đất đai được cấp phép khảo sát, Quy định về Khảo sát đất đai được cấp phép năm 1981, Pháp lệnh về việc Đăng ký Nhà quy hoạch đô thị năm 2014, Pháp lệnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2015 và Các biện pháp và hướng dẫn hành chính.

- Dịch vụ pháp lý (CPC 861)

Brunei bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP, PPR, SMBD đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý tại Brunei.

- Dịch vụ thuế (CPC 863)

Brunei bảo lưu quyền duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp liên quan đến việc đại diện cho người nộp thuế (của cả cá nhân và doanh nghiệp) trong các vấn đề thuế, bao gồm việc chuẩn bị và cung cấp thông tin tờ khai hoàn thuế thu nhập, phản hồi các thông báo của cơ quan thuế và thông báo từ chối và xử lý thanh toán liên quan đến thuế.

4.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép Brunei duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu sau:

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục A

Brunei bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Người nước ngoài không được thành lập doanh nghiệp tư nhân hoặc hợp tác xã.

2. Người nước ngoài không được thành lập công ty hợp danh, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Cục Đăng ký tên doanh nghiệp.

3. Người nước ngoài không được giữ vị trí hội đồng quản trị của một doanh nghiệp được thành lập tại Brunei trừ khi có ít nhất một trong hai giám đốc hoặc, trong trường hợp có nhiều hơn hai giám đốc, ít nhất hai trong số đó phải là thường trú nhân tại Brunei.

Liên quan đến các hạn chế trên, người nước ngoài có thể nộp đơn lên Bộ Tài chính và Kinh tế để xin thường trú tại Brunei.

Các hạn chế trên được Brunei quy định tại Chương 39 Luật Doanh Nghiệp, Chương 92 Luật Tên doanh nghiệp, Chương 84 Luật hợp tác xã…

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B

Brunei bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, SMBD và PPR đối với việc tư nhân hóa, cổ phần hóa, thương mại hóa, hoặc thoái vốn khỏi tài sản, thực thể, hoặc các cơ quan, bao gồm các hạn chế liên quan đến: quyền sở hữu tài sản; quyền chuyển nhượng hoặc thanh lý cổ phần hoặc tài sản; quyền của các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các khoản đầu tư nước ngoài

để kiểm soát tài sản và; quốc tịch của ban quản lý cấp cao hoặc các thành viên của hội đồng quản trị.

Brunei bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN đối với việc đối xử khác biệt hoặc ưu đãi hơn cho:

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia hiệp định quốc tế song phương, khu vực hoặc đa phương đã ký hoặc có hiệu lực trước ngày hiệp định RCEP có hiệu lực;

- Bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN nào tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận chung giữa các quốc gia thành viên ASEAN có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực; và

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia vào các hiệp định quốc tế có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực liên quan đến: (i) dịch vụ hàng không; (ii) vấn đề cảng và hàng hải; (iii) ngư nghiệp; (iv) thương mại điện tử; (v) phát thanh; (vi) giao thông đường bộ.

Brunei bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA đối với việc cung cấp dịch vụ thông qua phương thức hiện diện thể nhân, bao gồm cả tổng số lượng các thể nhân nước ngoài có thể được tuyển dụng trong bất kỳ lĩnh vực nào, dựa theo Chương 9 Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân và không trái với nghĩa vụ của Brunei theo Điều XVI của GATS.

Brunei bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, SMBD và PPR mà Brunei cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình.

4.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Brunei đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết chỉ bao gồm người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp. Cụ thể: các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia (i) làm việc cho một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ở Brunei thông qua chi nhánh, công ty con được thành lập ở Brunei và (ii) trước đó đã làm việc cho công ty ở ngoài Brunei trong tối thiểu 01 năm ngay trước khi họ xin được nhập cảnh và lưu trú ở Brunei thì sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú ở Brunei trong thời gian 03 năm và sau đó có thể được gia hạn thêm 02 năm, tổng không quá 05 năm. Việc cho nhập cảnh và lưu trú cũng phụ thuộc vào các điều khoản, điều kiện, hạn chế theo Luật Xuất nhập cảnh của Brunei và các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế.

Việc cho phép nhập cảnh và lưu trú cũng chỉ hạn chế ở 1 số ngành dịch vụ, trong đó có các ngành dịch vụ chuyên môn sau: dịch vụ kiểm toán, dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật đồng bộ (cho các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông, hệ thống cung cấp nước và công trình vệ sinh, xây dựng cho sản xuất và các dự án trọng điểm khác), quy hoạch đô thị và cảnh quan, dịch vụ kiến trúc, dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ thú y.

Riêng đối với kiến trúc sư, các kiến trúc sư hành nghề được cấp phép phải có bằng cấp học thuật và chuyên môn được công nhận và được đăng ký là "người đủ điều kiện" với Bộ Phát triển tại Brunei. Những người đủ điều kiện hoặc kiến trúc sư được cấp phép phải đăng ký nếu họ đã cư trú tại Brunei và hành nghề với một kiến trúc sư được cấp phép tại địa phương trong thời gian một năm.

4.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Nhìn chung có thể thấy dù Brunei áp dụng phương thức chọn-bỏ cho biểu cam kết về dịch vụ của quốc gia này, Brunei vẫn áp dụng một số ngoại lệ để hạn chế cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài cung ứng dịch vụ chuyên môn tại nước mình. Các ngoại lệ tiêu biểu có thể kể đến như:

- Ngoại lệ về an ninh: Brunei hiện đang áp dụng quyền bảo lưu hoặc thực thi các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ. Hiện có rất nhiều quốc gia khu vực RCEP đưa ra hạn chế này nhằm đảm bảo rằng các dịch vụ liên quan đến an ninh quốc phòng, cơ sở hạ tầng quan trọng, hoặc các lĩnh vực có tác động lớn đến an ninh quốc gia không bị ảnh hưởng bởi các nhà đầu tư hoặc dịch vụ nước ngoài.

- Yêu cầu về hiện diện địa phương: Nhiều dịch vụ chuyên môn yêu cầu nhà cung cấp nước ngoài phải có sự hiện diện tại Brunei, thông qua hình thức liên doanh hoặc hợp tác với đối tác địa phương.

- Yêu cầu về quản lý và tỷ lệ vốn góp: Đối với nhiều phân ngành dịch vụ, nhà cung cấp nước ngoài chỉ được phép sở hữu tối đa 51% cổ phần trong liên doanh, với điều kiện một số vị trí quản lý quan trọng phải được nắm giữ bởi người Brunei.

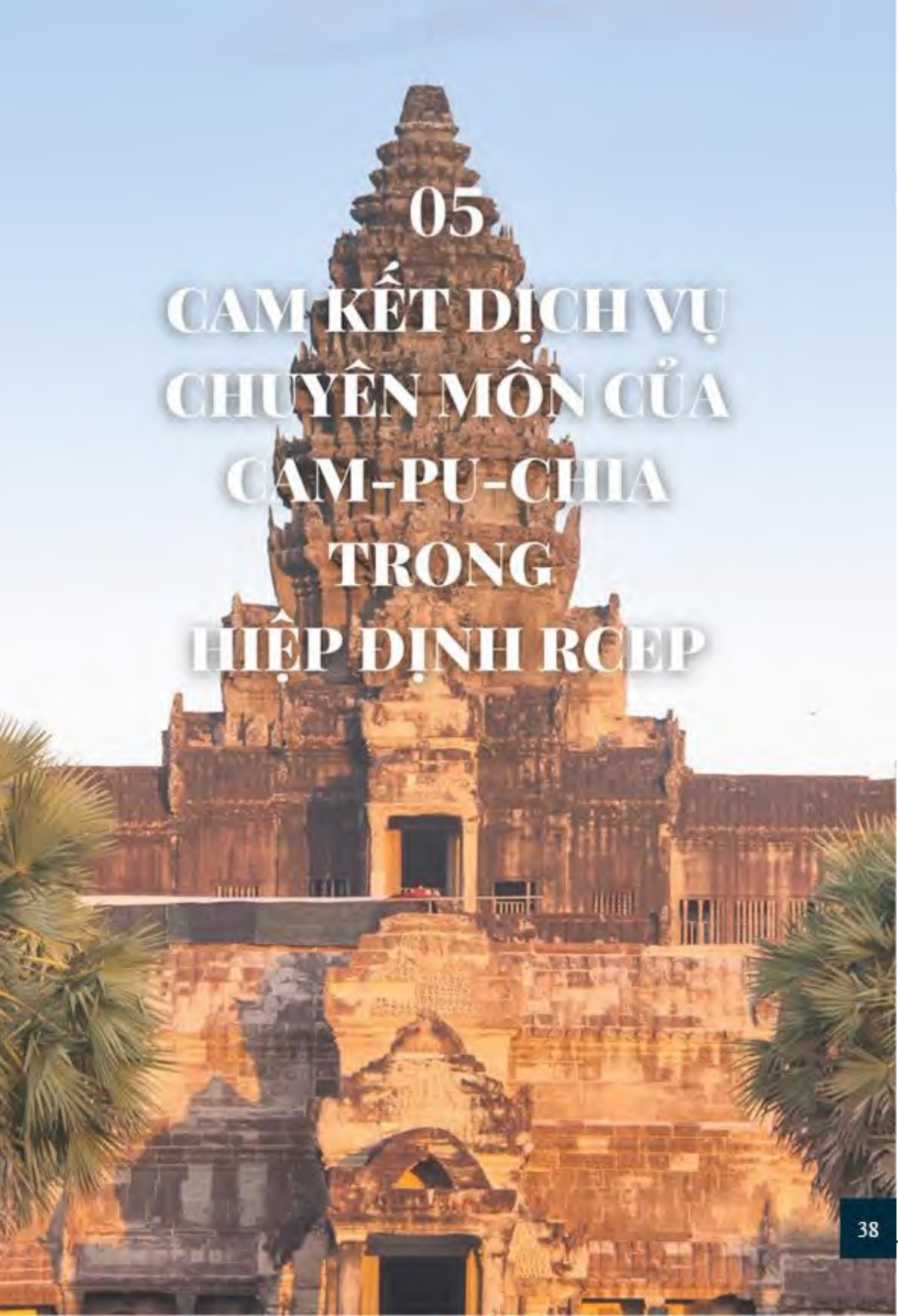

05
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA CAM-PU-CHIA TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 5 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA CAM-PU-CHIA TRONG RCEP

5.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia

5.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia

Ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia đang phát triển nhanh chóng trong bối cảnh nền kinh tế quốc gia phục hồi sau đại dịch và tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2023, nền kinh tế Cam-pu-chia dự kiến đạt mức tăng trưởng GDP triển vọng bởi sự phục hồi của ngành du lịch và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

Tuy nhiên, nhìn chung, ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia vẫn còn ở giai đoạn sơ khai so với các nước khác trong khu vực như Thái Lan hay Singapore, do nền kinh tế Cam-pu-chia phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và sản xuất công nghiệp, khiến cho dịch vụ chuyên môn chưa được chú trọng phát triển tương xứng. Sự phát triển của ngành dịch vụ chuyên môn ở Cam-pu-chia chưa đạt đến mức độ chuyên sâu và đa dạng như các nước ASEAN và đối tác. Những năm gần đây, Chính phủ Cam-pu-chia quan tâm nhiều hơn vào việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là ngành dịch vụ chuyên môn thuộc các lĩnh vực như tài chính, luật pháp, kế toán, và tư vấn kỹ thuật.

5.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia

Cam-pu-chia có những đặc điểm và thế mạnh nhất định trong ngành dịch vụ chuyên môn. Thứ nhất, Cam-pu-chia đang từng bước hiện đại hóa các quy định pháp lý để thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực tài chính và luật pháp. Các quy định mới không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư mà còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các dịch vụ chuyên môn trong nước. Đất nước này đã và đang thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, nhờ vào chi phí lao động thấp và nguồn nhân lực trẻ, có khả năng tiếp thu nhanh. Theo đó, Cam-pu-chia đang nỗ lực phát triển các dịch vụ tư vấn kỹ thuật và kế toán, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế.

Ngoài ra, vị trí địa lý của Cam-pu-chia nằm gần các trung tâm kinh tế lớn như Trung Quốc, giúp nước này dễ dàng tiếp cận và phát triển các dịch vụ liên quan đến kỹ thuật và xây dựng.

5.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia

Về mặt quản lý, quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Cam-pu-chia hiện tại còn nhiều bất cập, thiếu các cơ chế giám sát và quy định cụ thể. Sự thiếu hụt về luật pháp và quy định rõ ràng đã làm giảm hiệu quả quản lý và phát triển ngành. Trên thực tế nhiều doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài vẫn gặp khó khăn trong việc hiểu và tuân thủ các quy định của Cam-pu-chia, do sự phức tạp và thiếu minh bạch trong hệ thống quản lý. Trong những năm gần đây, cùng với việc tham gia và thực thi nhiều hiệp định thương mại tự do, Cam-pu-chia đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý và hệ thống quản lý ngành dịch vụ chuyên môn. Đồng thời, Cam-pu-chia đã và đang thực hiện các biện pháp để nâng cao trình độ chuyên môn cho lực lượng lao động và cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện cho ngành dịch vụ chuyên môn phát triển bền vững trong những năm tới, theo đó đảm bảo nhu cầu trong nước về những dịch vụ này được đáp ứng.

5.2. Cam kết của Cam-pu-chia về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

5.2.1. Cam kết chung

Cam kết của Campuchia về dịch vụ chuyên môn trong RCEP chịu sự điều chỉnh của Chương Dịch vụ và phụ lục về dịch vụ chuyên môn của Hiệp định. Theo đó, Campuchia cam kết tuân thủ các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc đối với các dịch vụ chuyên môn. Điều này có nghĩa, Campuchia sẽ bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ chuyên môn từ các nước thành viên RCEP sẽ được đối xử công

bằng như các nhà cung cấp trong nước, không áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử giữa các nước thành viên.

Đồng thời, cam kết của Campuchia theo phụ lục về dịch vụ chuyên môn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ từ các nước thành viên, bao gồm việc công nhận chứng chỉ nghề nghiệp, cấp phép hay đăng ký. Tuy nhiên, Campuchia vẫn bảo lưu quyền kiểm soát đối với một số ngành nhạy cảm bằng cách áp dụng các điều kiện cụ thể liên quan đến hiện diện thương mại trong biểu cam kết của mình.

5.2.2. Cam kết cụ thể

Cam-pu-chia đã cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Cam-pu-chia mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Cam-pu-chia; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Cam-pu-chia không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc cam kết các nghĩa vụ của Chương Thương mại Dịch vụ (xem thêm phần 2.1.2) và Phụ lục về Dịch vụ chuyên môn (xem thêm phần 2.2.4), cam kết cụ thể của Cam-pu-chia đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Việt Nam đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp và người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.

>>> *Đối với nhóm "khách kinh doanh":* Cam-pu-chia cam kết các cá nhân: (i) nhập cảnh vào Cam-pu-chia với mục đích tham gia các cuộc họp kinh doanh, thiết lập các mối quan hệ kinh doanh bao gồm đàm phán mua bán dịch vụ hoặc các hoạt động tương tự khác; (ii) lưu trú tại Cam-pu-chia mà không nhận thu nhập từ các nguồn ở Cam-pu-chia; và (iii) không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp dịch vụ; sẽ được cấp visa thời hạn 90 ngày và lưu trú lần đầu ở Cam-pu-chia trong 30 ngày và có thể được gia hạn.

>>> *Đối với nhóm "Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại":* Cam-pu-chia cam kết các nhà quản lý và giám đốc điều hành chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại của một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên tại Cam-pu-chia, sẽ không bị áp thời gian lưu trú tối đa mà sẽ theo yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp":* Việt Nam cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài, đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước đó ít nhất 1 năm, muốn nhập cảnh và lưu trú ở Cam-pu-chia để cung cấp dịch vụ thông qua chi nhánh hoặc công ty con ở Cam-pu-chia sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú ở Cam-pu-chia trong thời gian 2 năm và sau đó có thể được gia hạn hàng năm lên tổng thời gian không quá 5 năm. Đối với đối tượng chuyên gia, sẽ áp dụng yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ pháp lý (CPC 861): Cam-pu-chia không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2. Tuy nhiên, đối với mode 3, Cam-pu-chia yêu cầu các công ty luật nước ngoài phải hợp tác với các công ty luật của Cam-pu-chia khi cung cấp dịch vụ liên quan đến luật Cam-pu-chia (nhưng không bắt buộc đối với tư vấn về luật quốc tế hoặc luật nước ngoài) và không được trực tiếp đại diện cho khách hàng trước tòa.

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862): Cam-pu-chia chỉ yêu cầu đối với mode 1 là "phải có hiện diện thương mại ở Cam-pu-chia đối với dịch vụ kiểm toán. Mode 2 và 3 được mở hoàn toàn.

- Đối với dịch vụ thuế (CPC 863): Cam-pu-chia cam kết mở cửa hoàn toàn các mode 1, 2, 3.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671): Cam-pu-chia chỉ cam kết đối với dịch vụ tư vấn, lên kế hoạch và thiết kế theo hướng mở cửa hoàn toàn các mode 1, 2, 3.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) và dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674): Cam-pu-chia cam kết mở cửa hoàn toàn các mode 1, 2, 3.

- Đối với dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 932): Cam-pu-chia chỉ cam kết đối với dịch vụ y tế chuyên khoa (CPC 93122) và dịch vụ nha khoa (CPC 93123**) và những dịch vụ này chỉ giới hạn ở các dịch vụ chỉnh nha, phẫu thuật răng miệng và các dịch vụ nha khoa chuyên khoa khác. Các cam kết cụ thể là: mở cửa hoàn toàn đối với mode 2 nhưng không cam kết đối với mode 1. Đối với mode 3, Cam-pu-chia yêu cầu việc cung cấp dịch vụ được cho phép thông qua liên doanh với các pháp nhân Cam-pu-chia.

5.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Mặc dù đã đưa ra nhiều cam kết quan trọng trong lĩnh vực dịch vụ chuyên môn, Cam-pu-chia vẫn giữ một số ngoại lệ để bảo vệ lợi ích quốc gia và đảm bảo an ninh. Tiêu biểu như ngoại lệ về an ninh quốc gia, Cam-pu-chia có quyền từ chối hoặc hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ chuyên môn nếu có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Cam-pu-chia cũng có thể áp dụng các ngoại lệ để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường, và các giá trị văn hóa truyền thống.

Ví dụ, các dịch vụ liên quan đến kiến trúc và quy hoạch đô thị có thể phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ di sản văn hóa.

06
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 6 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A TRONG RCEP

6.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a

6.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a

In-đô-nê-xi-a, với dân số lớn nhất khu vực ASEAN và một nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng, đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc trong ngành dịch vụ chuyên môn. Ngành này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các lĩnh vực kinh tế khác, bao gồm cả tài chính, xây dựng, và sản xuất. Tuy nhiên, so với các nước láng giềng như Singapore hay Ma-lai-xi-a, ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a vẫn còn nhiều hạn chế về chất lượng và quy mô.

Theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới, dịch vụ chuyên môn tại In-đô-nê-xi-a đóng góp một phần quan trọng vào GDP, nhưng sự phát triển chưa đồng đều và tập trung chủ yếu ở các khu vực đô thị lớn như Jakarta và Surabaya. Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực này vẫn đang trong giai đoạn phát triển và thường gặp phải những thách thức về chất lượng dịch vụ, khả năng tiếp cận thị trường quốc tế, và cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

6.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a

Với dân số lớn và nền kinh tế đang phát triển, nhu cầu về các dịch vụ chuyên môn như pháp lý, kế toán, và tư vấn kỹ thuật dự kiến sẽ còn gia tăng trong tương lai gần, là động lực để ngành dịch vụ chuyên môn ở nước này phát triển hơn nữa. Tương tự các nước ASEAN khác, In-đô-nê-xi-a cũng sở hữu nguồn nhân lực trẻ. Các trường đại học và tổ chức giáo dục tại In-đô-nê-xi-a đã bắt đầu cải tiến chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về các kỹ năng chuyên môn cho nguồn nhân lực của nước này.

6.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của In-đô-nê-xi-a

Nhìn chung, hệ thống pháp luật của In-đô-nê-xi-a còn khá phức tạp với nhiều quy định về quy trình rườm rà, dễ gây khó khăn cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, do đó, Chính phủ cần cân nhắc đơn giản hóa quy trình cấp phép và giảm thiểu các rào cản pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong thời gian tới.

6.2. Cam kết của In-đô-nê-xi-a về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Cam kết của In-đô-nê-xi-a về dịch vụ chuyên môn trong RCEP cũng chịu sự điều chỉnh của Chương Dịch vụ và Phụ lục về dịch vụ chuyên môn của Hiệp định. Theo đó, In-đô-nê-xi-a cam kết tuân thủ các nguyên tắc chung (xem phần 2.1.5.) như đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc đối với các dịch vụ chuyên môn. Điều này có nghĩa, In-đô-nê-xi-a sẽ bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ chuyên môn từ các nước thành viên RCEP sẽ được đối xử công bằng như các nhà cung cấp trong nước, không áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử giữa các nước thành viên.

Đồng thời, cam kết của In-đô-nê-xi-a theo phụ lục về dịch vụ chuyên môn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ từ các nước thành viên, bao gồm việc công nhận chứng chỉ nghề nghiệp, cấp phép hay đăng ký (xem phần 2.2.4.).

6.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

In-đô-nê-xi-a áp dụng phương thức cam kết "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ của RCEP, trong đó bao gồm cả dịch vụ chuyên môn, tức là In-đô-nê-xi-a mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là có hạn chế hoặc cấm trong Danh mục NCM của nước này. Mặc dù nhiều dịch vụ chuyên môn được mở cửa hoàn toàn nhưng các yêu cầu về liên doanh, tỷ lệ sở hữu, và yêu cầu tuyển dụng nhân sự địa phương trong các bảo lưu quét (các bảo lưu có phạm vi bảo lưu rộng, xuyên suốt tất cả hoặc nhiều ngành) có thể vẫn đặt

ra một số hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này.

Các hạn chế mà Brunei còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn, gồm:

- Dịch vụ pháp lý (CPC 861)

Tại Phụ lục A, In-đô-nê-xi-a bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với dịch vụ pháp lý (chỉ đối với dịch vụ tư vấn về luật quốc tế và luật nước ngoài và dịch vụ tư vấn này không bao gồm việc đại diện pháp lý trước tòa In-đô-nê-xi-a, xử lý thủ tục pháp lý hay các hoạt động công chứng) theo hướng nhà cung cấp dịch vụ là các công ty luật nước ngoài không được thành lập hiện diện thương mại.

Hạn chế trên được quy định trong Luật số 18 năm 2003 về nội dung này.

- Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672 ngoại trừ CPC 86721, 86725, 86726), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673), dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 86741, CPC 86742):

Tại Phụ lục B, In-đô-nê-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành, và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 3 của các dịch vụ trên, cụ thể như sau:

+ Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải thành lập hiện diện thương mại tại In-đô-nê-xi-a thông qua một trong hai hình thức: (i) văn phòng đại diện (giấy phép có thời hạn ba năm, có thể gia hạn); (ii) liên doanh theo quy định của In-đô-nê-xi-a về hiện diện thương mại.

+ Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được sở hữu quá 51% cổ phần trong liên doanh.

+ Quy định yêu cầu giấy phép cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể khác với yêu cầu đối với các nhà cung cấp dịch vụ trong nước.

+ Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được cung cấp các dịch vụ liên quan đến các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, có rủi ro cao hoặc cần vốn đầu tư lớn. Các tiêu chí này sẽ được xác định theo các quy định pháp lý hiện hành tại thời điểm cung cấp dịch vụ.

In-đô-nê-xi-a cũng bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 1, 2 tại dịch vụ kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 86742).

- Dịch vụ tham vấn và tư vấn kỹ thuật (CPC 86721):

In-đô-nê-xi-a bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 3 của dịch vụ nêu trên. Cụ thể:

+ Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải thành lập hiện diện thương mại dưới hình thức liên doanh thông qua một văn phòng đại diện tại In-đô-nê-xi-a và đối tác trong nước của liên doanh phải là thành viên của một hiệp hội tư vấn In-đô-nê-xi-a.

*- Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho quy trình công nghiệp và sản xuất (CPC 86725**) chỉ áp dụng cho ngành thép, dầu & khí, và ngành tua-bin khí, quản lý nguyên liệu, bố trí thiết bị, hệ thống xử lý vật liệu, quy trình và kiểm soát quy trình (có thể tích hợp công nghệ máy tính) cho các nhà máy sản xuất)*:

In-đô-nê-xi-a bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 3 của dịch vụ nêu trên, bao gồm:

+ Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải thành lập hiện diện thương mại dưới hình thức liên doanh với điều kiện là đối tác trong nước của liên doanh là thành viên của một hiệp hội tư vấn In-đô-nê-xi-a.

- Dịch vụ y tế chuyên khoa (CPC 93122, CPC 93123)

Tại Phụ lục B, In-đô-nê-xi-a bảo lưu tất cả các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP đối với mode 1 (cung cấp xuyên biên giới) của các dịch vụ y tế chuyên khoa, bao y tế chuyên khoa và nha khoa chuyên khoa và các hạn chế cụ thể tại mode 3 như sau:

+ Dịch vụ phải được cung cấp thông qua hiện diện thương mại dưới hình thức liên doanh, phải thỏa mãn các điều kiện: (i) không quá 51% cổ phần trong liên doanh được sở hữu bởi các nhà đầu tư nước ngoài; (ii) các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được phép tuyển dụng các chuyên gia y tế nước ngoài nếu không có đủ chuyên gia y tế In-đô-nê-xi-a; (iii) phải được thành lập tại cơ sở thuộc bệnh viện lớp A hoặc B cho dịch vụ y tế chuyên khoa, hoặc cơ sở thuộc bệnh viện lớp B cho dịch vụ y tế chuyên khoa phụ; (iv) quản lý dịch vụ phải được tích hợp với bệnh viện.

- Dịch vụ điều dưỡng chuyên khoa cho các cơ sở đăng ký, được thành lập và tích hợp trong bệnh viện lớp A và B (CPC 93191):

Tại Phụ lục B, In-đô-nê-xi-a bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 3 của dịch vụ nêu trên, gồm:

+ Dịch vụ phải được cung cấp thông qua hiện diện thương mại dưới hình thức liên doanh, với các điều kiện sau: (i) không quá 51% cổ phần trong liên doanh được sở hữu bởi các nhà đầu tư nước ngoài; (ii) các

chuyên gia y tế phải là công dân In-đô-nê-xi-a; (iii) cơ sở chỉ được thành lập tại các tỉnh thuộc khu vực Đông In-đô-nê-xi-a, ngoại trừ Manado và Makassar.

In-đô-nê-xi-a cũng bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với mode 1 của dịch vụ nêu trên.

6.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép In-đô-nê-xi-a duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B như sau:

In-đô-nê-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, ngoại trừ các cam kết của các ngành, phân ngành được nêu tại Phụ lục A và Phụ lục B, các ngành được quy định tại Cam kết cụ thể về dịch vụ tài chính; cam kết mode 2 (ngoại trừ một số cam kết 'chưa cam kết'); và cam kết mode 4 tại Biểu IV.

In-đô-nê-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN đối với việc đối xử khác biệt hoặc ưu đãi hơn cho:

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia hiệp định quốc tế song phương, khu vực hoặc đa phương đã ký hoặc có hiệu lực trước ngày hiệp định RCEP có hiệu lực;

- Bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN nào tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận chung giữa các quốc gia thành viên ASEAN có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực;

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia vào các hiệp định quốc tế có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực, ngoại trừ các phân ngành được nêu tại Phụ lục A. Khi đó, các nước thành viên Hiệp định RCEP có thể đề nghị đàm phán được hưởng ưu đãi tương tự; và

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia vào các hiệp định quốc tế có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực liên quan đến: (i) dịch vụ hàng không; (ii) vấn đề cảng và hàng hải; (iii) ngư nghiệp.

In-đô-nê-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ LP (ngoại trừ tại phân ngành dịch vụ Tài chính), trong đó yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Bên nào để được cung cấp dịch vụ qua biên giới thì phải thành lập, duy trì văn phòng đại diện hoặc bất kỳ hình thức doanh nghiệp nào, phải là thường trú nhân, trong địa phận của In-đô-nê-xi-a. Các biện pháp không phù hợp với nghĩa

vụ LP mà được ban hành sau khi RCEP có hiệu lực sẽ được coi như là một biện pháp mới tại Phụ lục A (ngoại trừ lĩnh vực viễn thông).

In-đô-nê-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA dành cho phương thức cung cấp dịch vụ mode 3 (hiện diện thương mại), bao gồm các yêu cầu:

+ Hiện diện thương mại của nhà cung cấp nước ngoài phải được thành lập theo hình thức liên doanh hoặc văn phòng đại diện (ngoại trừ các hình thức khác được nêu tại Phụ lục A hoặc Phụ lục B) và liên doanh dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn (Perseroan Terbatas);

+ Liên doanh phải có khoản đầu tư tối thiểu 10 tỷ rupiah (không bao gồm đất và bất động sản) ngoại trừ tại các ngành In-đô-nê-xi-a đã cam kết tại GATS; Không quá 49% cổ phần trong liên doanh dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn (Perseroan Terbatas) được sở hữu bởi các nhà đầu tư nước ngoài;

+ Thể nhân không phải là thường trú nhân sẽ phải nộp thuế 20% nếu nguồn thu nhập đến từ In-đô-nê-xi-a, bao gồm: lãi suất, tiền bản quyền, cổ tức, hoặc phí dịch vụ được thực hiện tại In-đô-nê-xi-a .

+ Các cá nhân nước ngoài không được phép sở hữu đất. Tuy nhiên, một doanh nghiệp liên doanh có thể có quyền sử dụng đất (Hak Guna Usaha) và quyền xây dựng (Hak Guna Bangunan), để thuê hoặc cho thuê đất và bất động sản.

6.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của In-đô-nê-xi-a đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết chỉ bao gồm: khách kinh doanh và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

>>> *Đối với nhóm khách kinh doanh*, In-đô-nê-xi-a cam kết các cá nhân với mục đích tham gia các cuộc họp kinh doanh, đàm phán về việc bán dịch vụ hoặc các hoạt động tương tự khác, bao gồm chuẩn bị cho việc thành lập hiện diện thương mại tại In-đô-nê-xi-a, tham dự các hội nghị hoặc thuyết trình (không được nhận thù lao từ nội địa In-đô-nê-xi-a và không tham gia bán hàng trực tiếp hoặc cung cấp dịch vụ cho công chúng), được phép nhập cảnh và lưu trú tại In-đô-nê-xi-a với thời gian lưu trú không quá 90 ngày.

>>> *Đối với nhóm di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp* (hoạt động tại các lĩnh vực liệt kê tại Phụ lục IV-A đã được In-đô-nê-xi-a mở cửa và thỏa mãn các điều kiện đi kèm), bao gồm giám đốc, nhà quản lý làm việc cho doanh nghiệp hoặc một chuyên gia kỹ thuật là thể nhân được tuyển dụng

bởi nhà cung cấp dịch vụ-có bằng cấp được công nhận và kinh nghiệm cần thiết tại một lĩnh vực cụ thể, In-đô-nê-xi-a cam kết cho phép nhập cảnh và lưu trú tại In-đô-nê-xi-a tối đa là 02 năm, sau đó có thể gia hạn 02 năm thêm 02 lần.

Bất kỳ cá nhân nước ngoài nào cung cấp dịch vụ đều phải chịu các khoản phí do Chính phủ đánh thuế. Bất kỳ cá nhân nước ngoài nào được tuyển dụng tại lãnh thổ In-đô-nê-xi-a đều phải có giấy phép lao động hợp lệ do Bộ Nhân lực cấp.

Các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế có thể áp dụng cho các nhà quản lý và chuyên gia kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực trừ khi có quy định khác.

Những vị trí liên quan đến nhân sự hoặc nguồn nhân lực phải do công dân In-đô-nê-xi-a đảm nhận.

Phụ lục IV-A liệt kê thêm các điều kiện làm việc và hạn chế về xuất, nhập cảnh và thời gian lưu trú đối với nhóm di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp tại từng lĩnh vực cụ thể, như sau:

- *Dịch vụ pháp lý (CPC 861), chỉ đối với dịch vụ tư vấn về luật quốc tế và luật nước ngoài và dịch vụ tư vấn này không bao gồm việc đại diện pháp lý trước tòa In-đô-nê-xi-a, xử lý thủ tục pháp lý hay các hoạt động công chứng:* Chuyên gia kỹ thuật là luật sư nước ngoài: (i) chỉ được phép làm việc hoặc tham gia vào Công ty luật In-đô-nê-xi-a với tư cách là chuyên gia kỹ thuật về luật nước ngoài hoặc luật kinh doanh quốc tế và trọng tài tùy thuộc vào giấy phép của Chính phủ và khuyến nghị của Hiệp hội Luật sư; (ii) có nghĩa vụ chuyển giao kiến thức pháp lý và năng lực chuyên môn cho Luật sư In-đô-nê-xi-a; và (iii) có nghĩa vụ chuyển giao kiến thức cho tổ chức chính phủ, giáo dục hoặc nghiên cứu pháp lý ít nhất 10 giờ mỗi tháng miễn phí. Tỷ lệ luật sư nước ngoài trong công ty luật In-đô-nê-xi-a không được vượt quá 20% và tối đa 05 luật sư mỗi công ty.

- *Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672 không bao gồm CPC 86721, 86725, 86726), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 86721), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673):* cấp quản lý cao nhất tại một văn phòng đại diện phải là người mang quốc tịch In-đô-nê-xi-a.

- *Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho quy trình công nghiệp và sản xuất (CPC 86725**) chỉ áp dụng cho ngành thép, dầu & khí, và ngành tua-bin khí, quản lý nguyên liệu, bố trí thiết bị, hệ thống xử lý vật liệu, quy trình và kiểm soát quy trình (có thể tích hợp công nghệ máy tính) cho các nhà máy sản xuất:* không hạn chế

- *Dịch vụ kiến trúc cảnh quan (CPC 86742)*: không cam kết về nhập cảnh và lưu trú đối với thể nhân di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

- *Dịch vụ phòng khám y tế chuyên khoa cho cơ sở y tế đã đăng ký, được thành lập và tích hợp trong bệnh viện hạng A và B (CPC 93122), Dịch vụ phòng khám nha khoa chuyên khoa cho cơ sở y tế đã đăng ký, được thành lập và tích hợp trong bệnh viện hạng A và B (CPC 93123) Dịch vụ điều dưỡng chuyên khoa cho cơ sở đã đăng ký, được thành lập và tích hợp trong bệnh viện hạng A và B (CPC 93191)*: không cam kết về nhập cảnh và lưu trú đối với thể nhân di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

6.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Ngoài các bảo lưu cụ thể nêu trên, In-đô-nê-xi-a cũng có thể áp dụng một số ngoại lệ chung trong Hiệp định RCEP đối với các ngành dịch vụ chuyên môn nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia hay bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường. Ví dụ, In-đô-nê-xi-a có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, bao gồm cả việc hạn chế hoặc đình chỉ các cam kết liên quan đến dịch vụ chuyên môn trong trường hợp cần thiết.

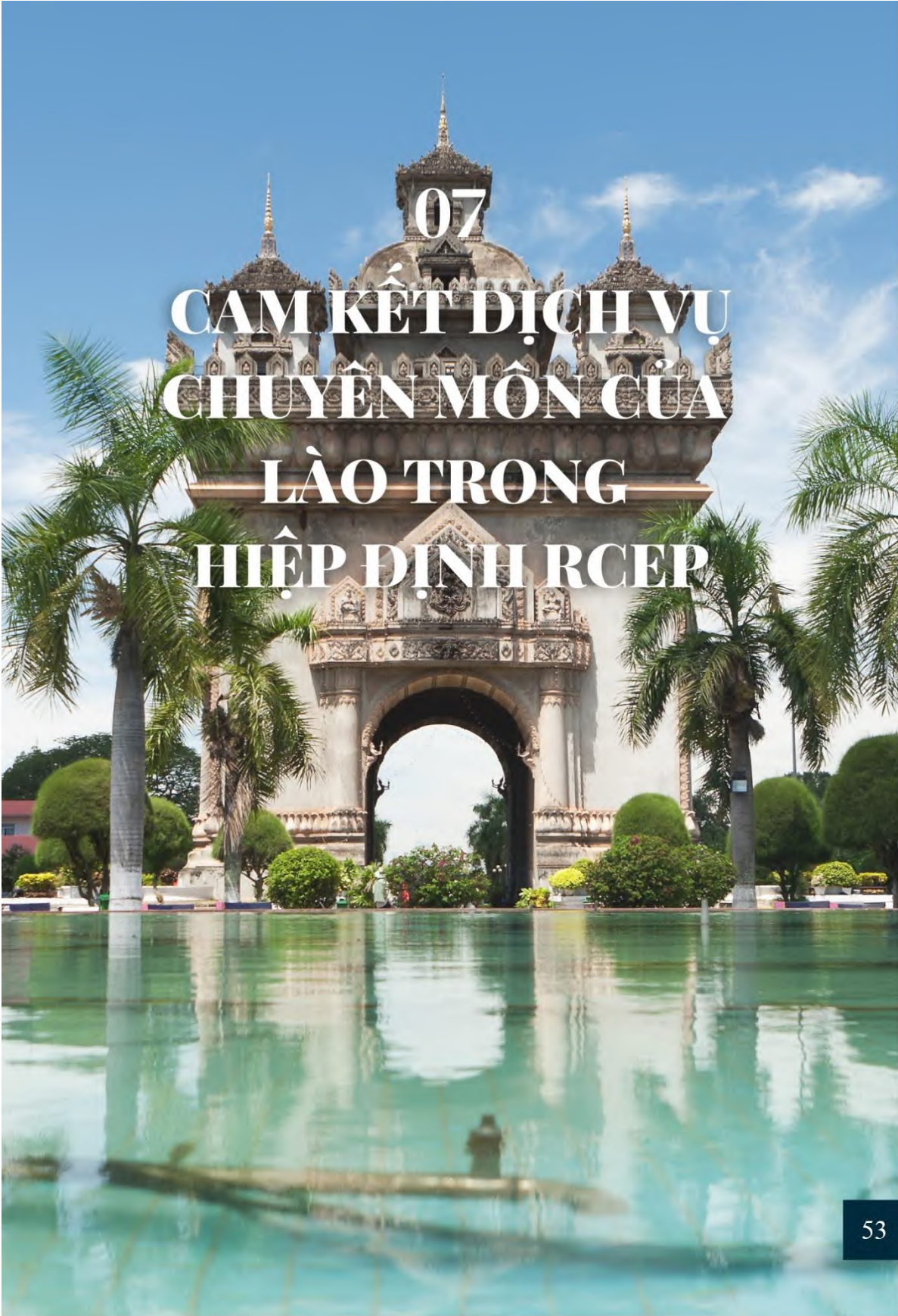

07
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA LÀO TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 7 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA LÀO TRONG RCEP

7.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Lào

7.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Lào

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Lào đang dần phát triển và trở thành một phần quan trọng đối với nền kinh tế của quốc gia. Ngành này bao gồm các lĩnh vực như dịch vụ tư vấn kỹ thuật, kế toán, kiểm toán, và dịch vụ pháp lý. Dù đang trong giai đoạn đầu phát triển, ngành dịch vụ chuyên môn ở Lào đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể nhờ vào các chính sách cải cách và khuyến khích đầu tư của chính phủ.

Theo dữ liệu từ Cục Thống kê Lào, số lượng các công ty dịch vụ chuyên môn đã tăng khoảng 8% từ năm 2021 đến năm 2022. Sự gia tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao về các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp.

Các công ty dịch vụ chuyên môn tại Lào chủ yếu tập trung tại thủ đô Viêng-chăn và các thành phố lớn như Luang Prabang và Pakse. Mặc dù số lượng công ty vẫn còn hạn chế, nhưng sự gia tăng của các công ty mới đã cho thấy tiềm năng phát triển của ngành.

7.1.2. Đặc điểm và thế mạnh trong ngành dịch vụ chuyên môn của Lào

Ngành dịch vụ chuyên môn ở Lào hiện đang đối mặt với thách thức lớn là sự thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Sự

thiếu hụt này không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực kỹ thuật và tư vấn, mà còn ảnh hưởng đến các dịch vụ pháp lý và kế toán. Theo một khảo sát của Liên hiệp các tổ chức doanh nghiệp Lào, gần 60% các công ty dịch vụ chuyên môn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự có kỹ năng phù hợp. Nhiều công ty tại Lào vẫn đang phải dựa vào dịch vụ từ các công ty quốc tế do sự thiếu hụt về chuyên gia trong ngành và dịch vụ trong nước. Ví dụ, các công ty kiểm toán và tư vấn quốc tế như PwC và Deloitte vẫn đóng vai trò chủ chốt trong thị trường dịch vụ chuyên môn tại Lào.

Dù vậy, một trong những lợi thế nổi bật của ngành dịch vụ chuyên môn tại Lào là chi phí dịch vụ tương đối thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), chi phí dịch vụ kế toán và tư vấn tại Lào thấp hơn khoảng 20-30% so với các nước láng giềng như Thái Lan và Việt Nam.

Ngoài ra, Chính phủ Lào cũng đã thực hiện nhiều chính sách khuyến khích đầu tư vào ngành dịch vụ chuyên môn, bao gồm các ưu đãi về thuế và hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp nước ngoài. Bản thân Lào cũng đang nằm ở vị trí chiến lược giữa các nền kinh tế lớn của Đông Nam Á. Vì vậy các công ty dịch vụ chuyên môn của Lào cũng như các nước trong khu vực RCEP có rất nhiều cơ hội mở rộng hoạt động và hợp tác quốc tế.

7.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Lào

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Lào được quản lý bởi một số cơ quan tiêu biểu như Bộ Công Thương và Cục đăng ký kinh doanh Lào. Tuy nhiên, hệ thống quản lý ngành của nước này vẫn còn nhiều điểm hạn chế. Cụ thể, nhiều lĩnh vực trong ngành dịch vụ chuyên môn chưa có quy định chi tiết và đồng nhất. Điều này dẫn đến việc thực hiện tiêu chuẩn và quy trình không đồng đều. Ví dụ, các quy định về kiểm toán và kế toán còn thiếu sự rõ ràng, dẫn đến sự khác biệt trong cách thức thực hiện giữa các công ty trong nước và quốc tế. Ngoài ra, quá trình thực thi các quy định quản lý ngành cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực và cơ sở hạ tầng.

Vì thế, hiện nay Chính phủ Lào đang tích cực thực hiện một số cải cách để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý ngành dịch vụ chuyên môn tiêu biểu như việc cải cách quy trình đăng ký kinh doanh điển hình như rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm bớt thủ tục hành chính, hay đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng. Ví dụ, Chính phủ Lào đã hợp tác để phát triển chương trình đào tạo nghề với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) để cung cấp các khóa đào tạo chuyên sâu cho các chuyên gia trong lĩnh vực

tư vấn và kế toán. Chính phủ Lào cũng triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành dịch vụ chuyên môn, bao gồm các khoản vay ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật.

Nhìn chung, ngành dịch vụ chuyên môn tại Lào đang trong quá trình phát triển với nhiều cơ hội và thách thức. Mặc dù vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết, sự nỗ lực cải cách và khuyến khích đầu tư từ chính phủ và các tổ chức quốc tế sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành này trong tương lai.

7.2. Cam kết của Lào về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Lào đã cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Lào sẽ mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Lào; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Lào không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc xem xét các cam kết cụ thể đối với từng phân ngành thuộc dịch vụ chuyên môn, ta cũng cần chú ý đến các cam kết được liệt kê ở phần cam kết chung vì phần này sẽ bao quát hết các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ chuyên môn) xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ.

7.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của Lào đối với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ như sau:

➢➢➢ *Về vấn đề quyền sở hữu đất:* Đối với mode 3 và mode 4, cá nhân, pháp nhân không phải công dân Lào không được phép sở hữu đất đai nhưng được phép sở hữu cơ sở sản xuất và được quyền thuê đất trong thời hạn tối đa là 75 năm.

➢➢➢ *Về vấn đề trợ cấp và các ưu đãi đầu tư:* Lào chưa cam kết nghĩa vụ NT với tất cả 04 mode. Các khoản trợ cấp và ưu đãi đầu tư này có thể được giới hạn cho một số vùng, nhóm người, hoặc pháp nhân cụ thể.

➢➢➢ *Về vấn đề thành lập hiện diện thương mại tại Lào:* Các nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập hiện diện thương mại theo hình thức pháp lý cụ thể theo luật pháp và các quy định của Lào. Ngoài ra, nhà đầu tư nước ngoài phải cung cấp cơ hội đào tạo đầy đủ cho công dân Lào. Lào có quyền áp dụng các biện pháp thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (điều này có thể tạo ra sự đối xử thuận lợi hơn cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Lào).

➢➢➢ *Về vấn đề di chuyển thể nhân cung cấp dịch vụ (mode 4):* Lào chưa cam kết đối với mode 4, ngoại trừ các biện pháp ảnh hưởng đến việc

nhập cảnh và lưu trú tạm thời của những thể nhân được đề cập trong Biểu cam kết của Lào trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân).

7.2.2. Cam kết cụ thể

Ngoài việc cam kết các nghĩa vụ của chương Thương mại dịch vụ (xem thêm phần 2.1.2) và Phụ lục về dịch vụ chuyên môn (xem thêm phần 2.2.4), cam kết cụ thể của Lào đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Lào đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

➢➢➢ *Đối với nhóm "khách kinh doanh"*, Lào cam kết các cá nhân: (i) nhập cảnh vào Lào để tham gia các hoạt động đại diện cho nhà cung cấp dịch vụ đàm phán mua bán dịch vụ; (ii) lưu trú tại Lào mà không nhận thù lao từ các nguồn ở Lào; và (iii) không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp dịch vụ; sẽ được nhập cảnh và lưu trú trong tối đa là 90 ngày.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"*, Lào cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài, đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước đó ít nhất 1 năm trước khi chuyển đến Lào, muốn nhập cảnh tạm thời vào Lào để cung cấp dịch vụ thông qua hiện diện thương mại của pháp nhân đó tại Lào (mà công dân Lào không đủ khả năng thay thế) sẽ được phép nhập cảnh tạm thời vào Lào với điều kiện tổng số lượng "người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp" không được vượt quá 20% tổng số nhân sự. Giấy phép tạm trú và giấy phép lao động đối với nhóm này sẽ được cấp trong thời hạn 1 năm và sau đó có thể được gia hạn 6 tháng/lần với tổng thời gian không quá 3 năm và đáp ứng đủ điều kiện.

Các cam kết mode 4 trên sẽ chỉ áp dụng cho các ngành, phân ngành dịch vụ chuyên môn sau: dịch vụ pháp lý (ngoại trừ việc tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Lào và dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Lào); dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán; dịch vụ tư vấn thuế (một phần của dịch vụ thuế - CPC 863); dịch vụ kiến trúc; dịch vụ kỹ thuật; dịch vụ kỹ thuật đồng bộ; dịch vụ quy hoạch đô thị và cảnh quan. Đối với

các ngành dịch vụ chuyên môn còn lại, các cam kết mode 4 trên không áp dụng.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ pháp lý (CPC 861)

Về phạm vi cam kết, Lào không cam kết đối với việc tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Lào cũng như dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Lào.

Lào không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2. Tuy nhiên, đối với mode 3, Lào yêu cầu các công ty luật nước ngoài nếu muốn thành lập công ty con hay chi nhánh ở Lào thì cần phải hợp tác góp vốn với các công ty luật địa phương với tỷ lệ vốn góp nước ngoài không quá 49%. Lào cũng không cam kết không áp dụng hạn chế mang tính phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ pháp lý trong nước với nhà cung cấp dịch vụ pháp lý nước ngoài.

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)

Lào không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2. Tuy nhiên, đối với mode 3, Lào yêu cầu các công ty nước ngoài nếu muốn thành lập công ty con hay chi nhánh cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán ở Lào thì phải thành lập liên doanh với một kiểm toán viên người Lào và với điều kiện người kiểm toán viên này phải là thành viên chính thức của Viện Kế toán công chứng Lào (LICPA). Ngoài ra, Lào cũng yêu cầu phần lớn các giám đốc của công ty phải là kế toán viên có chứng chỉ hành nghề và là công dân Lào.

- Đối với dịch vụ thuế (CPC 863): Lào chỉ cam kết với dịch vụ tư vấn thuế (một phần của CPC 863) theo hướng mở cửa hoàn toàn mode 1, 2 và 3.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671); dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672); dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673); dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674): Lào không áp đặt hạn chế đối với mode 3. Đối với mode 1 và mode 2, Lào yêu cầu dịch vụ được cung cấp bởi nhà cung cấp nước ngoài phải được một kiến trúc sư hoặc kỹ sư có chứng chỉ hành nghề phù hợp, làm việc tại một pháp nhân được thành lập tại Lào kiểm tra xác nhận.

7.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Lào có thể áp dụng một số ngoại lệ chung của các FTA đối với các cam kết về dịch vụ chuyên môn khi cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia. Các ngoại lệ chung cơ bản bao gồm các biện pháp môi trường cần thiết để bảo vệ sự sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật và ngoại lệ an ninh quốc gia. Những ngoại lệ này cho phép Lào duy trì các quy định và chính sách cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Ngoài ra, trong cam kết cụ thể đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn, Lào đã áp dụng một số bảo lưu quan trọng nhằm bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm tiêu biểu như pháp lý, hay kế toán. Các bảo lưu này phản ánh sự nhạy cảm của những lĩnh vực này đối với sự điều chỉnh và quản lý của quốc gia. Ví dụ đối với lĩnh vực pháp lý, Lào yêu cầu sự tham gia của các pháp nhân trong nước, đồng thời đặt ra các quy định về tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài. Đối với lĩnh vực kế toán, việc Lào quy định doanh nghiệp nước ngoài phải liên doanh với một kiểm toán viên người Lào thuộc LICPA giúp bảo vệ các doanh nghiệp và người tiêu dùng Lào khỏi rủi ro tài chính và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động tài chính tại nước này.

Ngoài ra Lào cũng bảo lưu việc sử dụng các biện pháp trợ cấp và ưu đãi đầu tư đối với một số vùng miền cụ thể. Điều này cho phép chính phủ Lào sử dụng các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy phát triển kinh tế tại các khu vực khó khăn hoặc ưu tiên, như các khu vực nông thôn hoặc miền núi, thay vì mở rộng hỗ trợ cho toàn quốc.

Nhìn chung, các ngoại lệ này giúp Lào bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm và điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế để thích nghi với năng lực quốc gia và mục tiêu phát triển.

08

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA MA-LAI-XI-A TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

»» CHƯƠNG 8 ««

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA MA-LAI-XI-A TRONG RCEP

8.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a

8.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a

Ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, bao gồm nhiều lĩnh vực như pháp lý, kế toán, kỹ thuật, và các dịch vụ tư vấn chuyên ngành. Chính phủ Ma-lai-xi-a đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý nghiêm ngặt nhằm bảo vệ thị trường trong nước và đảm bảo quyền kiểm soát của người Ma-lai-xi-a trong các lĩnh vực quan trọng này.

Một trong những biện pháp chính là quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty cung cấp dịch vụ chuyên môn. Thông thường, các công ty nước ngoài chỉ được phép sở hữu tối đa 49-51% cổ phần, và trong nhiều trường hợp, họ phải hợp tác với các đối tác địa phương để có thể hoạt động tại Ma-lai-xi-a. Điều này không chỉ áp dụng trong lĩnh vực kế toán hay pháp lý mà còn mở rộng sang các ngành kỹ thuật, xây dựng, và y tế, nơi mà chuyên gia nước ngoài phải được cấp phép và đăng ký bởi các cơ quan có thẩm quyền tại Ma-lai-xi-a.

Bên cạnh đó, yêu cầu về hiện diện địa phương và cư trú lâu dài cũng là một rào cản đối với các công ty và chuyên gia nước ngoài. Ví dụ, luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại Ma-lai-xi-a phải cư trú ít nhất 182 ngày trong một năm, và chỉ có thể làm việc trong các công ty luật được cấp phép đặc biệt. Tương tự, các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật và xây dựng phải có chứng nhận hành nghề từ các hội đồng chuyên môn Ma-lai-xi-a.

Những quy định này nhằm bảo vệ các ngành dịch vụ chuyên môn trong nước khỏi sự cạnh tranh mạnh mẽ từ nước ngoài, đồng thời thúc đẩy phát triển nguồn lực nội địa. Tuy nhiên, chúng cũng tạo ra thách thức cho Ma-lai-xi-a trong việc cân bằng giữa bảo hộ nội địa và thu hút đầu tư quốc tế, đặc biệt khi các hiệp định thương mại tự do đang được đàm phán.

8.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a

Ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a có nhiều đặc điểm và thế mạnh đáng chú ý, bao gồm:

- *Chất lượng dịch vụ cao:* Ma-lai-xi-a sở hữu một đội ngũ chuyên gia chất lượng cao trong các lĩnh vực như kế toán, pháp lý, kỹ thuật, và tư

vấn. Các tổ chức và công ty ở Ma-lai-xi-a thường được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm quốc tế.

- *Chi phí cạnh tranh:* So với nhiều quốc gia phát triển, chi phí cho các dịch vụ chuyên môn ở Ma-lai-xi-a thường thấp hơn. Điều này tạo lợi thế cạnh tranh cho các công ty quốc tế muốn tìm kiếm dịch vụ chất lượng cao với chi phí hợp lý.

- *Hệ thống pháp lý và quy định tiên tiến:* Ma-lai-xi-a có một hệ thống pháp lý và quy định tiên tiến, được xây dựng dựa trên luật pháp của Anh. Điều này giúp đảm bảo sự minh bạch và ổn định trong các dịch vụ chuyên môn, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý và kế toán.

- *Sự hỗ trợ của chính phủ:* Chính phủ Ma-lai-xi-a tích cực hỗ trợ phát triển ngành dịch vụ chuyên môn thông qua các chính sách và chương trình khuyến khích đầu tư. Các khu công nghiệp, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Kuala Lumpur và Penang, cung cấp cơ sở hạ tầng tốt và các tiện ích cần thiết cho các công ty chuyên môn.

- *Nguồn nhân lực dồi dào:* Ma-lai-xi-a có một nguồn nhân lực trẻ, năng động và đa dạng. Hệ thống giáo dục và đào tạo của Ma-lai-xi-a cung cấp các chương trình chuyên sâu trong các lĩnh vực dịch vụ chuyên môn, đảm bảo rằng lực lượng lao động có kỹ năng và kiến thức cập nhật.

- *Vị trí địa lý thuận lợi:* Nằm ở trung tâm của Đông Nam Á, Ma-lai-xi-a đóng vai trò là một điểm trung chuyển quan trọng cho các hoạt động kinh doanh và dịch vụ chuyên môn trong khu vực. Điều này giúp các công ty dễ dàng tiếp cận các thị trường khu vực và toàn cầu.

- *Sức hội nhập quốc tế:* Ma-lai-xi-a là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và hiệp định thương mại, điều này giúp các công ty dịch vụ chuyên

môn trong nước dễ dàng kết nối với các đối tác quốc tế và mở rộng thị trường.

Những yếu tố này góp phần làm cho ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a không chỉ mạnh mẽ và phát triển, mà còn có khả năng cạnh tranh cao trên trường quốc tế.

8.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a

Ngành dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a hiện đang được quản lý bằng các quy định và chính sách chặt chẽ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và sự ổn định của thị trường. Chính phủ Ma-lai-xi-a áp dụng quy định nghiêm ngặt về sở hữu nước ngoài trong các công ty cung cấp dịch vụ chuyên môn, cho phép các công ty nước ngoài sở hữu tối đa chỉ 49-51% cổ phần. Điều này yêu cầu các công ty nước ngoài phải liên kết với các đối tác địa phương để hoạt động tại Ma-lai-xi-a. Ngoài ra, các chuyên gia nước ngoài như luật sư và kỹ sư cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn về giấy phép và chứng nhận từ các cơ quan quản lý chuyên ngành, và thường phải cư trú ít nhất một phần năm trong năm tại Ma-lai-xi-a.

Chính phủ cũng hỗ trợ phát triển ngành dịch vụ chuyên môn thông qua các chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính, nhằm thu hút đầu tư và khuyến khích sự phát triển. Đồng thời, Ma-lai-xi-a đang tích cực tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế, điều này mở rộng cơ hội cho các dịch vụ chuyên môn của Ma-lai-xi-a tiếp cận thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, việc cân bằng giữa bảo vệ thị trường nội địa và thu hút đầu tư quốc tế là một thách thức lớn. Chính phủ phải liên tục điều chỉnh các quy định để vừa bảo vệ lợi ích nội địa, vừa đảm bảo rằng Ma-lai-xi-a vẫn là một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ chuyên môn.

8.2. Cam kết của Ma-lai-xi-a về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong khuôn khổ RCEP, Ma-lai-xi-a áp dụng phương thức cam kết "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó bao gồm cả dịch vụ chuyên môn, tức là Ma-lai-xi-a mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là có hạn chế hoặc cấm trong Danh mục NCM của nước này. Mặc dù nhiều dịch vụ chuyên môn được mở cửa hoàn toàn nhưng các yêu cầu về liên doanh, tỷ lệ sở hữu, và yêu cầu tuyển dụng nhân sự địa phương trong các bảo lưu quét (các bảo lưu có phạm vi bảo lưu rộng, xuyên suốt tất cả hoặc nhiều ngành) có thể vẫn đặt ra một số hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này.

Các hạn chế mà Ma-lai-xi-a còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn bao gồm:

8.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Dịch vụ pháp lý (CPC 861) ngoại trừ trọng tài

Ma-lai-xi-a bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP đối với dịch vụ pháp lý (ngoài trừ trọng tài) như sau:

Bán đảo Ma-lai-xi-a và Lãnh thổ liên bang Labuan:

+ Các công ty luật và luật sư nước ngoài không được phép hành nghề tại Ma-lai-xi-a, trừ khi được phép theo Luật Nghề luật 1976 và Quy định về cấp phép hợp tác quốc tế và công ty luật nước ngoài đủ điều kiện cũng như đăng ký luật sư nước ngoài năm 2014.

+ Các công ty luật nước ngoài đến từ các khu vực pháp lý được công nhận phải đăng ký với Ủy ban Tuyển chọn để được thành lập dưới hình thức Công ty Luật nước ngoài được công nhận (Qualified Foreign Law Firm - QFLF) hoặc Liên doanh Quốc tế (International Partnership - IP) với một công ty luật Ma-lai-xi-a. Tuy nhiên, số lượng giấy phép QFLF bị giới hạn ban đầu ở mức tối đa 5 giấy phép và các công ty phải có chuyên môn được chứng thực về tài chính Hồi giáo quốc tế.

+ Chỉ các luật sư nước ngoài từ các khu pháp lý được công nhận mới có thể nộp đơn để làm việc tại QFLF, IP hoặc một công ty luật của Ma-lai-xi-a và phải tuân thủ theo các quy định của Luật Nghề luật 1976.

+ Các luật sư nước ngoài làm việc trong QFLF hoặc IP phải cư trú tại Ma-lai-xi-a ít nhất 182 ngày trong mỗi năm dương lịch.

+ Luật sư nước ngoài cung cấp dịch vụ pháp lý tại Ma-lai-xi-a dưới hình thức "bay vào và bay ra" sẽ phải tuân theo các quy định tại khoản 37(2B) (b) của Luật Nghề luật 1976.

Khu vực Sabah và Sarawak

+ Các công ty luật nước ngoài và luật sư nước ngoài không được phép hành nghề tại Sabah hoặc Sarawak.

Hạn chế trên được Ma-lai-xi-a quy định tại các luật sau: Luật Nghề luật 1976 (Đạo luật 166); Quy định về Cấp phép hợp tác quốc tế và Công ty luật nước ngoài đủ điều kiện cũng như đăng ký luật nước ngoài năm 2014 (P.U. (A) 148/2014); Luật các công ty Labuan 1990 (Đạo luật 441); Luật Dịch vụ tài chính và Chứng khoán Lubuan 2010 (Đạo luật 704); Luật về Luật sư Sabah năm 1953 (Chương 2 của Sabah); Luật về Luật sư Sarawak năm 1953 (Chương 110 của Sarawak).

- Dịch vụ pháp lý liên quan đến hòa giải và luật Shari'a

+ Ma-lai-xi-a bảo lưu bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP, PPR và SMBD đối với dịch vụ hòa giải và luật Shari'a.

- Dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ kiến trúc

Ma-lai-xi-a bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, LP, PPR và SMBD đối với dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ kiến trúc như sau:

+ Bất kỳ cá nhân đủ điều kiện nào cư trú tại Ma-lai-xi-a và đã đăng ký với các hội đồng chuyên môn có liên quan đều được phép cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ kiến trúc.

+ Các dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ kiến trúc phải được xác thực bởi một chuyên gia đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a.

+ Việc hành nghề dịch vụ tư vấn kỹ thuật và kiến trúc phải được đăng ký với các hội đồng chuyên môn có liên quan.

+ Đối với mỗi doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, hai phần ba số giám đốc phải là những chuyên gia đã đăng ký và được cấp phép. Yêu cầu này cũng áp dụng cho các hoạt động đa ngành (MDP) có bao gồm các kiến trúc sư chuyên nghiệp đã đăng ký và được cấp phép và kỹ sư chuyên nghiệp.

Hạn chế trên được quy định trong các văn bản pháp luật như Đạo luật Đăng ký kỹ sư năm 1967 (Sửa đổi năm 1974) Quy định về Đăng ký kỹ sư năm 1990, Đạo luật Khảo sát đất đai được cấp phép năm 1958 (Sửa đổi năm 1992), Đạo luật Kiến trúc sư năm 1967, Quy tắc Kiến trúc sư năm 1996.

- Dịch vụ thú y (chỉ bao gồm ngựa trong các câu lạc bộ cưỡi ngựa hoặc sân cỏ)

Ma-lai-xi-a bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP và SMBD đối với dịch vụ trên theo hướng phải đăng ký và thành lập theo chấp thuận của Hội đồng thú y Ma-lai-xi-a.

Đối với các dịch vụ thú y khác, Ma-lai-xi-a bảo lưu mọi biện pháp không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR và SMBD.

- Dịch vụ y tế và nha khoa

Ma-lai-xi-a bảo lưu mọi biện pháp không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR và SMBD đối với các dịch vụ y tế tư nhân, bao gồm dịch vụ liên quan đến chăm sóc sức khỏe; phòng xét nghiệm; phòng khám nha khoa; bác sĩ nha khoa tổng quát; v.v...

8.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép Ma-lai-xi-a duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu sau:

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục A

Ma-lai-xi-a bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, LP, SMBD, PPR đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Chỉ có công dân Ma-lai-xi-a hoặc thường trú nhân mới có thể đăng ký doanh nghiệp tư nhân hoặc hợp danh tại Ma-lai-xi-a. Người nước ngoài có thể đăng ký Công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP), nhưng viên chức tuân thủ phải là công dân hoặc thường trú nhân Ma-lai-xi-a và cư trú tại Ma-lai-xi-a.

2. Người nước ngoài không được phép thành lập hoặc tham gia các hiệp hội hợp tác xã ở Ma-lai-xi-a.

3. Ít nhất một giám đốc của công ty tư nhân được thành lập tại Ma-lai-xi-a phải thường trú tại Ma-lai-xi-a bằng cách có nơi cư trú chính tại Ma-lai-xi-a.

4. Ít nhất hai giám đốc của công ty đại chúng được thành lập tại Ma-lai-xi-a phải thường trú tại Ma-lai-xi-a bằng cách có nơi cư trú chính tại Ma-lai-xi-a.

5. Việc áp dụng một mức tỷ lệ hoặc số tiền tiền bản quyền theo hợp đồng cấp phép có thể phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các hạn chế trên được Ma-lai-xi-a quy định tại Luật Đăng ký doanh nghiệp 1956 [Luật 197]; Luật Công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn 2012 [Luật 743]; Luật Hiệp hội hợp tác xã 1993 [Luật 502]; Sắc lệnh Tên doanh nghiệp 1932 [Sarawak Cap. 64] (Phiên bản 1958); Sắc lệnh Cấp phép kinh doanh, nghề nghiệp và thương mại 1955 [Sarawak Cap. 33] (Phiên bản 1958); Luật các Công ty 2016; Luật Điều phối công nghiệp 1975 và các văn bản pháp lý liên quan khác.

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B

Ma-lai-xi-a bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA đối với một danh mục các ngành dịch vụ (trong đó có bao gồm các ngành dịch vụ chuyên môn) theo các hạn chế và điều kiện (áp dụng cho mode 1, 2, 3) như sau:

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán (CPC 8621) và ghi sổ kế toán, ngoại trừ việc hoàn thuế (CPC 862): Ma-lai-xi-a yêu cầu đối với mode 3 là "Chỉ được thông qua liên doanh đã đăng ký tại địa phương với các kế toán Ma-lai-xi-a hoặc các công ty kế toán Ma-lai-xi-a và tổng cổ phần bên nước ngoài năm giữ không được vượt quá 51 phần trăm.". Mode 1 và 2 được mở hoàn toàn.

- Đối với dịch vụ thuế (CPC 8630): Ma-lai-xi-a yêu cầu đối với mode 3 là "chỉ được thông qua liên doanh đã được đăng ký tại địa phương hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân với các đại lý hoặc công ty thuế được ủy quyền tại Ma-lai-xi-a và tổng số cổ phần bên nước ngoài nắm giữ không vượt quá 51 phần trăm". Mode 1 và 2 được mở hoàn toàn.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671): Ma-lai-xi-a mở hoàn toàn đối với mode 1 và 2. Đối với mode 3, Ma-lai-xi-a yêu cầu như sau: (i) dịch vụ kiến trúc chỉ có thể được cung cấp bởi các cá nhân và (ii) đối với các kinh doanh đa ngành (kiến trúc, kỹ thuật, hoặc định giá khối lượng), các chuyên gia đã được đăng ký tại quốc gia của mình chỉ được nắm tối đa 30% vốn góp trong liên bởi. Không cho phép bổ nhiệm giám đốc nước ngoài.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672): Ma-lai-xi-a mở hoàn toàn đối với mode 1 và 2. Đối với mode 3, Ma-lai-xi-a yêu cầu như sau: (i) dịch vụ tư vấn kỹ thuật chỉ có thể được cung cấp bởi các cá nhân và (ii) đối với các kinh doanh đa ngành (kiến trúc, kỹ thuật, hoặc định giá khối lượng), các chuyên gia đã được đăng ký tại quốc gia của mình chỉ được nắm tối đa 30% vốn góp trong liên bởi. Không cho phép bổ nhiệm giám đốc nước ngoài.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673): Ma-lai-xi-a mở hoàn toàn đối với mode 1 và 2. Đối với mode 3, Ma-lai-xi-a yêu cầu (i) chỉ thông qua văn phòng đại diện, văn phòng khu vực, hoặc một công ty liên doanh được thành lập tại địa phương với các cá nhân Ma-lai-xi-a hoặc các công ty do Ma-lai-xi-a kiểm soát, hoặc cả hai, nhằm mục đích thực hiện các hợp đồng dịch vụ có được ở Ma-lai-xi-a; (ii) tổng số cổ phần bên nước ngoài nắm giữ trong công ty liên doanh không vượt quá 30 phần trăm; và (iii) việc thành lập công ty liên doanh như trên trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành hợp đồng dịch vụ.

- Đối với dịch vụ quy hoạch đô thị (CPC 86741) bao gồm các dịch vụ phát triển liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất, lựa chọn địa điểm, kiểm soát và sử dụng đất, hệ thống giao thông và dịch vụ đất đai nhằm mục đích tạo ra và duy trì quy hoạch đô thị có hệ thống và phối hợp:

Ma-lai-xi-a mở hoàn toàn đối với mode 1, 2 và không cam kết đối với mode 3.

- Đối với dịch vụ quy hoạch cảnh quan (CPC 86742) bao gồm việc cung cấp các dịch vụ tư vấn, lập kế hoạch và thiết kế cho việc tạo dựng cảnh quan thẩm mỹ của các sân golf và công viên chủ đề: Ma-lai-xi-a mở hoàn toàn đối với mode 1, 2. Đối với mode 3, Ma-lai-xi-a yêu cầu chỉ thông qua công ty liên doanh được thành lập tại địa phương với các kiến trúc sư cảnh quan đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a, hoặc các công ty do người Ma-lai-xi-a kiểm soát, hoặc cả hai, và tổng cổ phần bên nước ngoài nắm giữ trong công ty liên doanh không được vượt quá 30 phần trăm.

- Đối với dịch vụ thú ý (CPC 932) (Dịch vụ cung cấp cho ngựa trong câu lạc bộ cưỡi ngựa hoặc sân cỏ): Ma-lai-xi-a không cam kết với mode 1, mở hoàn toàn mode 2. Đối với mode 3, Ma-lai-xi-a yêu cầu chỉ thông qua công ty liên doanh được thành lập tại địa phương với các cá nhân Ma-lai-xi-a, hoặc các công ty do người Ma-lai-xi-a kiểm soát, hoặc cả hai, và tổng cổ phần bên nước ngoài nắm giữ không được vượt quá 51 phần trăm.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR, SMBD đối với việc chuyển giao toàn bộ hoặc một phần dịch vụ được cung cấp nhằm thực hiện quyền lực của chính phủ cho khu vực tư nhân; thoái vốn khỏi các cổ phần hoặc tài sản của một pháp nhân mà hoàn toàn hoặc một phần thuộc sở hữu của Chính phủ Ma-lai-xi-a; và tư nhân hóa các thực thể hoặc tài sản thuộc sở hữu của chính phủ.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, PPR, SMBD đối với

- Bumiputera[4], các công ty, công ty tín thác và tổ chức có hình thức Bumiputera, nhằm các mục tiêu chính sách phát triển và kinh tế xã hội.

- Các biện pháp liên quan đến quyền của các cơ quan nhà nước[5].

- Các biện pháp mà Ma-lai-xi-a cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình.

- Các biện pháp liên quan đến các khoản đầu tư và dịch vụ khác ngoài những ngành đã được Chính phủ Ma-lai-xi-a công nhận hoặc lẽ

[4] Một thuật ngữ được sử dụng tại Ma-lai-xi-a để mô tả người Mã Lai và các dân tộc bản địa khác tại Đông Nam Á.

[5] Để minh họa, các ví dụ về các cơ quan nhà nước bao gồm Quỹ Hưu trí (Employees Provident Fund) và Quỹ Haji (Lembaga Tabung Haji).

ra đã được công nhận tại thời điểm có hiệu lực của RCEP đối với Ma-lai-xi-a.

- Các khoản đầu tư và dịch vụ mà tại thời điểm có hiệu lực của Hiệp định này đối với Ma-lai-xi-a là không khả thi về mặt kỹ thuật.

- Các biện pháp liên quan đến Tầm nhìn Thịnh vượng Chung 2030 và Kế hoạch Thương mại Công nghiệp Mới.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT đến các quỹ tín thác quốc gia và tiểu bang. Hạn chế này bao gồm các chương trình quỹ tín thác được tạo ra hoặc điều hành nhằm theo đuổi các mục tiêu chính sách công liên quan đến Bumiputera hoặc hành động khẳng định cho những người có hoàn cảnh xã hội bất lợi.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN đối với việc đối xử khác biệt hoặc ưu đãi hơn cho:

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia hiệp định quốc tế song phương, khu vực hoặc đa phương đã ký hoặc có hiệu lực trước ngày hiệp định RCEP có hiệu lực;

- Bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN nào tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận chung giữa các quốc gia thành viên ASEAN có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày RCEP có hiệu lực;

- Bất kỳ quốc gia nào tham gia vào các hiệp định quốc tế có hiệu lực hoặc được ký sau ngày hiệu lực của RCEP liên quan đến (i) dịch vụ hàng không; (ii) vấn đề cảng và hàng hải; (iii) phát thanh; (iv) vận tải vũ trụ và (v) thủy sản;

Việc tự do hóa các biện pháp hạn chế cổ phần hoặc lợi ích của bên nước ngoài trong các công ty và doanh nghiệp tại Ma-lai-xi-a trong các chính sách hiện tại hoặc tương lai sẽ được thực hiện theo cách ưu đãi và có khác biệt đối với những khoản đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển cụ thể của Ma-lai-xi-a, cùng với khả năng và cơ sở vật chất mà các pháp nhân nước ngoài và các quốc gia mẹ của pháp nhân này cung cấp. Mục tiêu là nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế từ sự tham gia của nước ngoài vào nền kinh tế Ma-lai-xi-a. Biện pháp không phù hợp này áp dụng cho tất cả các quốc gia trong thời gian không xác định.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT đối với khi một công ty quy định giới hạn cổ phần nước ngoài, công ty có thể hạn chế một số quyền lợi liên quan đến cổ phiếu đã vượt quá giới hạn quy định (cổ phiếu vượt mức).

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN và SMBD đối với việc sử dụng người lao động nước ngoài.

Ma-lai-xi-a bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA đối với việc cung cấp dịch vụ thông qua sự hiện diện của thể nhân theo Chương 9 (Biểu cam kết về di chuyển thể nhân).

8.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Ma-lai-xi-a đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, người lắp đặt và làm dịch vụ

➢➢➢ *Đối với nhóm "Khách kinh doanh"*, Ma-lai-xi-a cam kết các cá nhân không có nguồn thu nhập từ nguồn tại lãnh thổ Ma-lai-xi-a muốn nhập cảnh tạm thời vào Ma-lai-xi-a để: (i) bán dịch vụ hoặc đại diện của nhà cung cấp dịch vụ đàm phán bán dịch vụ và không tham gia vào việc bán trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp dịch vụ trực tiếp; (ii) bán hàng hóa hoặc tham gia vào một thỏa thuận phân phối hoặc bán lẻ không liên quan đến việc bán trực tiếp cho công chúng; hoặc (iii) tham gia các hội nghị hoặc cuộc họp tư vấn với các đối tác kinh doanh, sẽ được nhập cảnh và lưu trú ở Ma-lai-xi-a trong thời gian không vượt quá 90 ngày.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"*, Ma-lai-xi-a cam kết các nhà quản lý cấp cao, chuyên gia và người có chuyên môn của một doanh nghiệp hoặc tổ chức nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện sẽ được nhập cảnh và lưu trú ở Ma-lai-xi-a trong lần đầu lên đến 2 năm và có thể gia hạn mỗi 02 năm. Quyền nhập cảnh tạm thời này chỉ được cấp cho:

(i) 01 quản lý cấp cao cho mỗi tổ chức;

(ii) 02 chuyên gia hoặc kỹ thuật viên cho mỗi tổ chức. Các chuyên gia hoặc kỹ thuật viên bổ sung có thể được phép nhập cảnh tạm thời, tùy thuộc vào yêu cầu kiểm tra thị trường và phải hoàn thành chương trình đào tạo dành cho người Ma-lai-xi-a trong lĩnh vực hoặc phân ngành dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, các chuyên gia hoặc kỹ thuật viên bổ sung này phải là nhân viên của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong thời gian ít nhất 01 năm trước ngày nộp đơn xin giấy phép lao động và phải phục vụ ít nhất ở vị trí tương đương.

➢➢➢ *Đối với nhóm "người lắp đặt và làm dịch vụ"*, Ma-lai-xi-a cam kết những người lắp đặt hoặc làm dịch vụ bảo trì được công ty cung cấp thuê

hoặc chỉ định và việc lắp đặt hoặc bảo trì đó là một điều kiện cho việc mua máy móc hoặc thiết bị nói trên, không thực hiện các hoạt động không liên quan đến các hoạt động lắp đặt hoặc bảo trì là đối tượng của hợp đồng, sẽ được nhập cảnh và lưu trú ở Ma-lai-xi-a trong thời gian 3 tháng hoặc theo thời hạn của hợp đồng, tùy thuộc khoảng thời gian nào ngắn hơn.

Đối với các cam kết mode 4 trên, Ma-lai-xi-a cụ thể hóa trong các ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

- Đối với dịch vụ pháp lý (không bao gồm trọng tài), Ma-lai-xi-a chưa cam kết trừ các cam kết đối với nhóm "khách kinh doanh" (i) và (iii), và cam kết đối với quản lý cấp cao và chuyên gia được đề cập trong các cam kết chung ở trên. Ngoài ra, Ma-lai-xi-a cũng quy định các cam kết này chỉ áp dụng cho các luật sư nước ngoài từ các khu vực pháp lý được công nhận, đủ khả năng xin làm việc tại QFLF, IP, hoặc một công ty luật của Ma-lai-xi-a. Những luật sư nước ngoài này phải cư trú tại Ma-lai-xi-a ít nhất là 182 ngày/năm dương lịch. Đồng thời, luật sư nước ngoài đã đăng ký làm việc tại một công ty luật của Ma-lai-xi-a phải tuân thủ các quy định của Đạo luật Nghề Luật 1976.

- Không cam kết thêm ngoại những cam kết chung trên với dịch vụ kế toán và kiểm toán (CPC 8621); dịch vụ ghi sổ kế toán, không bao gồm dịch vụ khai thuế (CPC 8622); dịch vụ thuế (CPC 8630).

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), Ma-lai-xi-a không cam kết thêm ngoài các cam kết chung. Tuy nhiên dịch vụ kiến trúc phải được chứng thực bởi một kiến trúc sư chuyên nghiệp đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a. Ngoài ra, đối với các dự án do nước ngoài tài trợ hoàn toàn, quyền nhập cảnh tạm thời chỉ được cấp cho kiến trúc sư là tư vấn viên cho một dự án hợp tác với một kiến trúc sư chuyên nghiệp người Ma-lai-xi-a.

- Đối với dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672), Ma-lai-xi-a không cam kết thêm ngoài các cam kết chung. Trong đó, các kỹ sư nhập cảnh vào Ma-lai-xi-a phải đăng ký tạm thời 01 năm cho mỗi lần đăng ký. Dịch vụ kỹ thuật cũng phải được chứng thực bởi một kỹ sư chuyên nghiệp đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673), Ma-lai-xi-a chưa cam kết trừ các cam kết chung. Trong đó, dịch vụ kỹ thuật đồng bộ phải được chứng thực bởi các chuyên gia đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a và phải tuân thủ khoảng thời gian tối đa một năm hoặc thời gian cần để hoàn thành hợp đồng dịch vụ.

- Đối với dịch vụ quy hoạch đô thị (CPC 86741), gồm các dịch vụ liên quan đến việc sử dụng đất, lựa chọn địa điểm, kiểm soát và sử dụng, hệ thống đường và cung cấp dịch vụ cho đất. Ma-lai-xi-a không chưa cam

kết ngoại trừ các cam kết đối với chuyên gia và người có chuyên môn trong phần cam kết chung. Ngoài ra, Ma-lay-si-a cũng quy định người cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có bằng cấp, ký hợp đồng lao động với một công ty quy hoạch đô thị đã đăng ký tại Ma-lai-xi-a và đăng ký tạm trú với các cơ quan liên quan.

- Đối với dịch vụ cảnh quan (CPC 86742), gồm việc cung cấp các dịch vụ tư vấn, quy hoạch và thiết kế cho việc xây dựng cảnh quan thẩm mỹ cho sân golf và công viên chủ đề, Ma-lai-xi-a cam kết thêm đối với phần dịch vụ này trừ các cam kết đối với việc nhập cảnh tạm thời của các chuyên gia trong phần cam kết chung.

- Đối với dịch vụ dịch vụ y tế chuyên biệt bao gồm pháp y, y học hạt nhân, lão khoa, phẫu thuật vi mạch, phẫu thuật thần kinh, phẫu thuật tim ngực, phẫu thuật thẩm mỹ, miễn dịch học và ung thư học, chấn thương học, gây mê, chuyên gia chăm sóc tích cực, tâm thần trẻ em, và y học phục hồi chức năng (CPC 93122), Ma-lai-xi-a không cam kết thêm đối với phần dịch vụ này ngoại trừ các cam kết đối với việc nhập cảnh tạm thời của các chuyên gia trong phần cam kết chung và chỉ phục vụ việc:

(a) hành nghề tại các bệnh viện tư nhân có ít nhất 70 giường; và

(b) hành nghề tại một địa điểm xác định, nếu thay đổi địa điểm thì phải được phê duyệt.

Việc thiết lập các phòng khám cá nhân hoặc phòng khám nhóm đối với thể nhân nước ngoài là không được phép.

8.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Mặc dù đã đưa ra nhiều cam kết quan trọng trong lĩnh vực dịch vụ chuyên môn, Ma-lai-xi-a vẫn giữ một số ngoại lệ để bảo vệ lợi ích quốc gia và đảm bảo an ninh. Tiêu biểu như ngoại lệ về an ninh quốc gia, Ma-lai-xi-a có quyền từ chối hoặc hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ chuyên môn nếu có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Ma-lai-xi-a cũng có thể áp dụng các ngoại lệ để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường, và các giá trị văn hóa truyền thống.

Các biện pháp bảo vệ này không chỉ giúp duy trì tính cạnh tranh của thị trường trong nước mà còn góp phần vào việc phát triển bền vững của nền kinh tế Ma-lai-xi-a. Việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải hợp tác với các công ty nội địa hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định nhằm bảo đảm rằng sự tham gia của họ không gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi và cơ hội của các doanh nghiệp địa phương. Bằng cách này, Ma-lai-xi-a không chỉ bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh và công bằng, thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề chuyên môn trong nước.

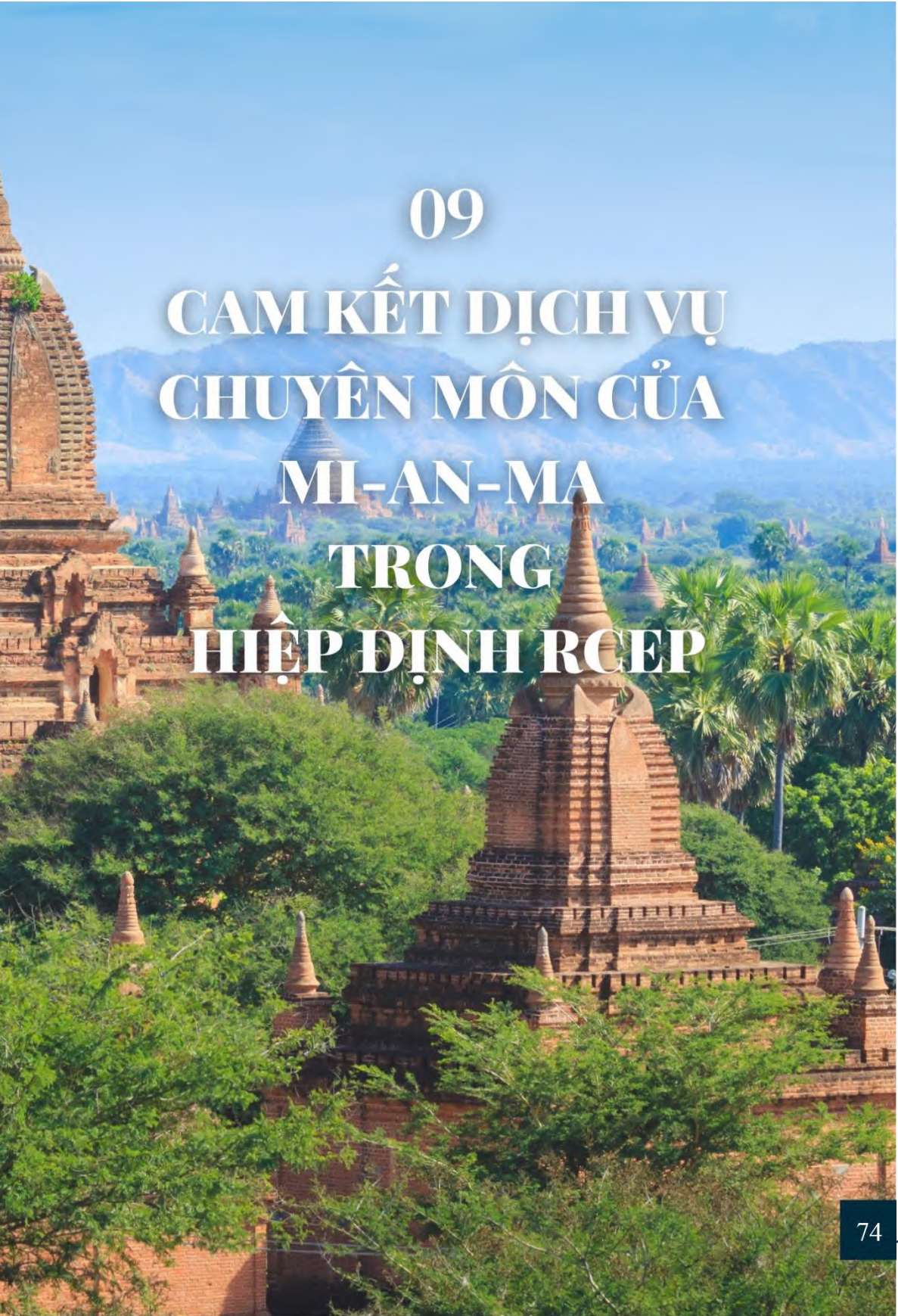

09
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA MI-AN-MA TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 9 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA MI-AN-MA TRONG RCEP

9.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Mi-an-ma

9.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Mi-an-ma

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Mi-an-ma hiện đang trong quá trình phát triển nhưng vẫn còn nhiều thách thức và bất ổn do tác động từ chính trị, kinh tế và các yếu tố nội tại khác. Các lĩnh vực chính trong ngành này bao gồm tư vấn quản lý, kế toán, kiểm toán, dịch vụ pháp lý, và dịch vụ kỹ thuật. Mặc dù Mi-an-ma có tiềm năng lớn nhờ vào sự mở cửa kinh tế và hội nhập quốc tế, ngành dịch vụ chuyên môn vẫn đang ở giai đoạn phát triển non trẻ.

Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), tỷ trọng của ngành dịch vụ chuyên môn trong GDP của Mi-an-ma hiện chỉ chiếm khoảng 4-5%, thấp hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Nền kinh tế Mi-an-ma chủ yếu dựa vào nông nghiệp và công nghiệp, trong khi ngành dịch vụ vẫn đang phát triển chậm do sự thiếu hụt về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. Tuy nhiên, với sự gia tăng của đầu tư nước ngoài và các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, nhu cầu về các dịch vụ chuyên môn đang dần tăng lên.

9.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Mi-an-ma

Một trong những yếu tố chính giúp ngành dịch vụ chuyên môn phát triển là nguồn nhân lực dồi dào và chi phí lao động cạnh tranh. Các trường đại học và viện đào tạo trong nước ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục, cung cấp nhân lực có kỹ năng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Ngoài ra, việc cải cách luật pháp và quy định cũng giúp tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các công ty trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, ngành dịch vụ chuyên môn vẫn đối mặt với một số thách thức. Cơ sở hạ tầng còn hạn chế và sự thiếu hụt về công nghệ hiện đại có thể cản trở sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tình hình chính trị không ổn định cũng gây lo ngại cho các nhà đầu tư. Để thúc đẩy ngành dịch vụ chuyên môn, Mi-an-ma cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng dịch vụ. Với những nỗ lực đúng đắn, ngành này có thể trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế của quốc gia trong tương lai.

9.2. Cam kết của Mi-an-ma về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

9.2.1. Cam kết chung

Cam kết của Mi-an-ma về dịch vụ chuyên môn trong RCEP chịu sự điều chỉnh bởi chương Dịch vụ và phụ lục về dịch vụ chuyên môn của Hiệp định. Theo đó, Mi-an-ma cam kết tuân thủ các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc đối với các dịch vụ chuyên môn. Điều này có nghĩa là Mi-an-ma sẽ bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ chuyên môn từ các nước thành viên RCEP sẽ được đối xử công bằng như các nhà cung cấp trong nước, không áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử giữa các nước thành viên.

Đồng thời, cam kết của Mi-an-ma theo phụ lục dịch vụ chuyên môn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ của các nước thành viên, bao gồm công nhận trình độ chuyên môn, cấp phép hoặc đăng ký. Tuy nhiên, Mi-an-ma vẫn bảo lưu quyền kiểm soát một số lĩnh vực nhạy cảm bằng cách áp đặt các điều kiện cụ thể liên quan đến hiện diện thương mại trong biểu cam kết của mình.

Đặc biệt, Mi-an-ma không cam kết mode 4 ở tất cả các lĩnh vực đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài là thể nhân của một nước thành viên RCEP nhưng không phải là công dân của nước thành viên RCEP đó.

Đối với cam kết chung về mở cửa thị trường, Mi-an-ma áp dụng một số quy định với tất cả lĩnh vực và mode 1, 2, 3, 4 như sau:

(a) Cho phép thành lập hiện diện thương mại của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp Mi-an-ma năm 2017, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2018, Đạo luật Liên doanh năm 1932, Đạo luật công ty đặc biệt năm 1950, Luật Đầu tư Mi-an-ma năm 2016, Quy định đầu tư Mi-an-ma năm 2017 và Thông báo hiện hành của Ủy ban Đầu tư Mi-an-ma. Theo quy định trong Luật đầu tư Mi-an-ma năm 2016, việc đầu tư có thể được thực hiện theo bất kỳ hình thức nào sau đây:

(i) đầu tư của người nước ngoài với 100% vốn nước ngoài vào doanh nghiệp do Ủy ban cho phép;

(ii) liên doanh giữa người nước ngoài và công dân hoặc bộ phận và tổ chức Chính phủ có liên quan;

(iii) bất kỳ cơ chế nào có trong hợp đồng được cả hai bên chấp thuận.

(b) Việc thành lập một doanh nghiệp, không liên quan đến doanh nghiệp nhà nước phải được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp Mi-an-ma năm 2017, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2018.

(c) Các hoạt động dịch vụ bị hạn chế theo điều 3 của Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 1989. Tuy nhiên, các hoạt động này có thể được cho phép thông qua thông báo của Nội các theo điều 4 của Luật Doanh nghiệp Nhà nước 1989.

Khoản đầu tư được đề xuất có thể bị từ chối tùy thuộc vào những vấn đề như rủi ro về bảo mật, sắp xếp tài chính và việc tuân thủ các điều kiện hiện hành.

(d) Ủy ban Đầu tư Mi-an-ma có thể cấp miễn hoặc giảm thuế theo Luật Đầu tư Mi-an-ma 2016.

(e) Tất cả các doanh nghiệp nước ngoài và người lao động nước ngoài phải tuân thủ theo Luật Đầu tư Mi-an-ma năm 2016, Đạo luật Nhập cư Mi-an-ma (Quy định khẩn cấp) năm 1947, Đạo luật Gia hạn Nhập cư Mi-an-ma (Quy định khẩn cấp) năm 1949, Đạo luật Người nước ngoài năm 1846, Đạo luật Người nước ngoài năm 1947, Đạo luật Đăng ký Người nước ngoài năm 1940, Đạo luật Đăng ký Người nước ngoài năm 1949, Luật năm 2013, Luật Hội đồng Kiến trúc sư Mi-an-ma năm 2014, Quy định Đăng ký Người nước ngoài năm 1948 và Quy định, Quy trình và Thủ tục Nhập cư của Nhà cung cấp dịch vụ cá nhân Mi-an-ma làm việc với sự chấp thuận của các cơ quan, luật, quy tắc, quy định và thủ tục tương ứng của Bộ Lao động, và các luật hiện hành, quy định và thủ tục của Mi-an-ma.

(f) Cho phép thành lập hiện diện thương mại của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài và việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới theo Luật Giao dịch điện tử năm 2014, Luật sửa đổi Luật Giao dịch điện tử năm 2014, Luật Viễn thông năm 2013, luật sửa đổi Luật Viễn thông năm 2017, Luật sửa đổi Đạo luật Bằng chứng năm 2015, Luật Bảo vệ quyền riêng tư và an ninh của Công dân năm 2017, Luật Phát triển khoa học máy tính năm 1996.

Ngoài ra, đối với mode 1, 2, 3, Mi-an-ma bảo lưu toàn quyền duy trì hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp nào đối với các yêu cầu Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) bao gồm các điều khoản và điều kiện, giới hạn, trình độ và các cuộc kiểm tra hoặc kỳ thi bắt buộc khác đối với việc nhập cảnh tạm thời của cá nhân.

Đối với mode 4, Mi-an-ma quy định các thể nhân của một nước thành viên RCEP sẽ không bao gồm thường trú nhân của nước đó và do vậy Mi-an-ma có toàn quyền duy trì hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp nào đối với thường trú nhân của nước thành viên RCEP.

Đối với cam kết chung về nguyên tắc đối xử quốc gia (NT), Mi-an-ma áp dụng một số quy định với tất cả lĩnh vực và mode 1, 2, 3, 4 như sau:

Theo thông báo số 47/20181, người nước ngoài không thường trú tại Mi-an-ma sẽ phải chịu thuế khấu trừ tại nguồn như sau:

- Lãi suất: 15%

- Tiền bản quyền cho việc sử dụng giấy phép, thương hiệu, quyền sáng chế: 15%

- Thanh toán của các tổ chức liên minh, các bộ liên minh, Hội đồng Nay Pyi Taw, chính quyền tiểu bang và khu vực, doanh nghiệp nhà nước, Ủy ban Phát triển mua hàng hóa, công việc thực hiện hoặc cung cấp dịch vụ trong tiểu bang theo đấu thầu, cuộc đấu giá, hợp đồng, thỏa thuận hoặc các phương thức khác: 2.5%

- Thanh toán của quan hệ hợp tác công tư, liên doanh, các công ty địa phương, tổ chức cá nhân: 2,5%.

9.2.2. Cam kết cụ thể

Mi-an-ma đã cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Mi-an-ma sẽ mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Mi-an-ma; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Mi-an-ma không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc cam kết các nghĩa vụ của chương Thương mại Dịch vụ

(xem thêm phần 2.1.2) và Phụ lục về dịch vụ chuyên môn (xem thêm phần 2.2.4), cam kết cụ thể của Mi-an-ma đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Mi-an-ma đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp. Cụ thể các nhóm thể nhân này sẽ được cấp Thị thực, Giấy phép lưu trú hoặc Giấy phép làm việc từ các cơ quan có thẩm quyền theo quy định và thủ tục hiện hành liên quan của Mi-an-ma. Thời gian lưu trú tối đa là 70 ngày và có thể gia hạn trong thời hạn từ ba tháng đến một năm trên cơ sở đề xuất của cơ quan có thẩm quyền liên quan.

Mi-an-ma quy định khách kinh doanh là thể nhân muốn nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời tại lãnh thổ Mi-an-ma, với nguồn thu nhập và hỗ trợ tài chính trong thời gian tại Mi-an-ma đến từ bên ngoài lãnh thổ nước này (i) với tư cách là đại diện của người bán hàng hóa hoặc nhà cung cấp dịch vụ, nhằm mục đích đàm phán bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ hoặc ký kết thỏa thuận bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho người bán hàng hóa hoặc nhà cung cấp dịch vụ đó, trong đó các cuộc đàm phán này không liên quan đến việc bán trực tiếp hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho công chúng; (ii) với tư cách là nhân viên của một doanh nghiệp theo định nghĩa trong người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (ICT) chỉ nhằm mục đích thiết lập đầu tư hoặc thiết lập sự hiện diện thương mại cho doanh nghiệp đó tại lãnh thổ của một nước thành viên Hiệp định RCEP khác; (iii) với mục đích tham gia vào các cuộc đàm phán hoặc cuộc họp kinh doanh; (iv) với mục đích thiết lập đầu tư hoặc thiết lập sự hiện diện thương mại tại lãnh thổ của một nước thành viên Hiệp định RCEP khác

Mi-an-ma quy định người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp bao gồm các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài, được điều động tạm thời để cung cấp dịch vụ thông qua sự hiện diện thương mại (thông qua văn phòng đại diện, chi nhánh, hoặc công ty con) trên lãnh thổ của Mi-an-ma và đã làm việc trước đó cho các công ty nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Mi-an-ma trong một khoảng thời gian do các cơ quan có thẩm quyền tại Mi-an-ma quy định ngay trước ngày nộp đơn xin nhập cảnh.

Các cam kết mode 4 trên của Mi-an-ma sẽ chỉ áp dụng cho dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ sách (CPC 862) với điều kiện kế toán viên hành nghề nước ngoài phải có chứng chỉ kế toán hoặc bằng cấp do bất kỳ quốc gia nước ngoài nào cấp và được Hội đồng Kế toán Mi-an-ma-MAC

công nhận; người đó được đăng ký trong danh sách kế toán viên hành nghề do quốc gia của người đó quản lý; tuân thủ các yêu cầu cấp phép của MAC và không được phép tham gia Dịch vụ kế toán và kiểm toán (CPC 8621) và, nếu cần, sẽ chịu thêm các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế. Cam kết mode 4 trên không áp dụng cho các ngành dịch vụ chuyên môn còn lại.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862): Mi-an-ma không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2, cho phép các nhà cung cấp quốc tế cung cấp dịch vụ từ xa và người dân Mi-an-ma có thể sử dụng dịch vụ kế toán ở nước ngoài mà không gặp rào cản pháp lý. Đối với mode 3, bên cạnh việc yêu cầu các công ty/cá nhân nước ngoài tuân thủ các yêu cầu theo quy định của Luật Đầu tư Mi-an-ma 2016, Mi-an-ma khuyến khích công ty/cá nhân nước ngoài liên doanh hoặc hợp tác với các kế toán công bản địa được đăng ký tại Mi-an-ma, với điều kiện là đối tác nước ngoài phải có đủ điều kiện và được đăng ký hành nghề kế toán công tại quốc gia của mình. Ngoài ra, tỷ lệ góp vốn nước ngoài tối đa cho phép đối việc hợp tác, liên doanh bị giới hạn ở mức 70%.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) và dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 86741, CPC 86742): Mi-an-ma không áp đặt hạn chế với mode 1, mode 2 và mode 3. Điều này có nghĩa Mi-an-ma cho phép các công ty quốc tế cung cấp các dịch vụ trên được cung cấp dịch vụ từ xa và người dân Mi-an-ma có thể sử dụng các dịch vụ này từ nước ngoài đồng thời không có hạn chế đối với các phương thức hiện diện thương mại tại Mi-an-ma của các công ty nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ trên.

- Đối với dịch vụ thú y (CPC 932): Mi-an-ma cam kết mở cửa thị trường tương đối thận trọng. Mặc dù Mi-an-ma mở cửa mode 1 và mode 2, cho phép các công ty dịch vụ thú ý quốc tế cung cấp dịch vụ từ xa và người dân Mi-an-ma có thể tiêu dùng các dịch vụ này ở nước ngoài, nước này vẫn duy trì các điều kiện kiểm soát nhất định. Cụ thể, Mi-an-ma quy định việc hiện diện thương mại (mode 3) của các công ty nước ngoài chỉ được phép dưới hình thức liên doanh với công dân Mi-an-ma hoặc công ty/tổ chức do công dân sở hữu và đảm bảo tuân thủ theo Luật Hội đồng thú y Mi-an-ma năm 2015. Ngoài ra, Mi-an-ma có thể có phân biệt đối xử giữa các công ty trong nước và công ty nước ngoài muốn có hiện diện thương mại (mode 3) dựa theo các quy định và luật hiện hành.

- Đối với dịch vụ y tế và nha khoa (chỉ gồm dịch vụ y tế tổng quát - CPC 93121 và nha khoa - CPC 93123) và dịch vụ được cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, nhân viên vật lý trị liệu và nhân viên y tế (CPC 93191): Mi-an-ma mở cửa thị trường cho các dịch vụ này với mode 1, mode 2, cho phép các công ty dịch vụ trong lĩnh vực này cung cấp dịch vụ từ xa và người dân Mi-an-ma có thể tiêu dùng các dịch vụ này ở nước ngoài. Đối với mode 3, Mi-an-ma quy định tỷ lệ góp vốn nước ngoài tối đa cho phép đối việc hợp tác, liên doanh bị giới hạn ở mức 70% và việc hợp tác phải tuân thủ theo luật liên quan đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe tư nhân năm 2007.

9.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Mi-an-ma có danh mục bảo lưu các biện pháp không tương thích về dịch vụ và đầu tư. Tuy nhiên, tại danh mục này, Mi-an-ma không bảo lưu các biện pháp không tương thích với các nghĩa vụ về đầu tư và thương mại dịch vụ như Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Tiếp cận thị trường, Nhân sự quản lý cấp cao, Hiện diện tại nước sở tại… đối với các nội dung liên quan đến dịch vụ chuyên môn trong cả hai Phụ lục A và Phụ lục B.

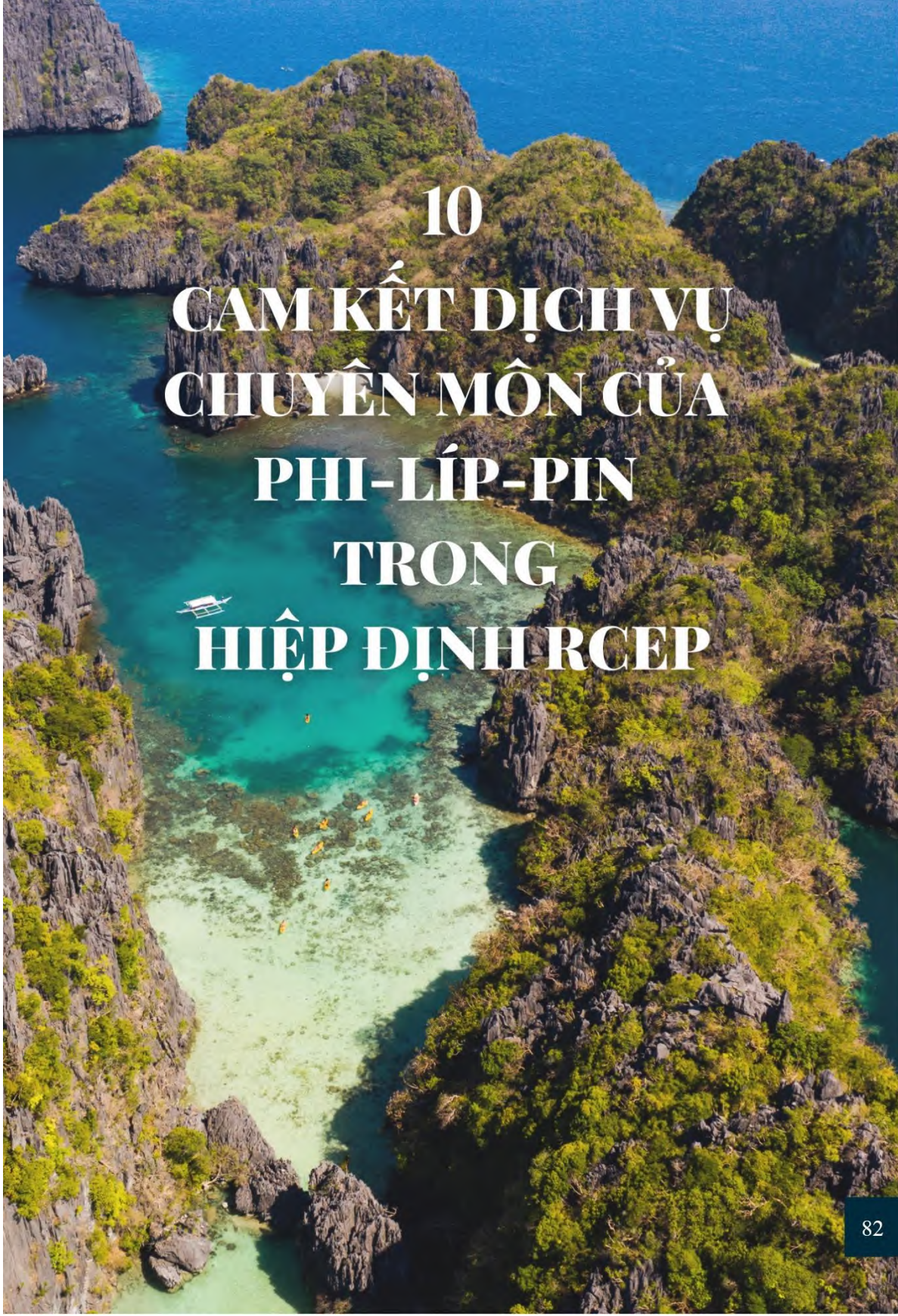

10 CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA PHI-LÍP-PIN TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 10 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA PHI-LÍP-PIN TRONG RCEP

10.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin

10.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Phi-líp-pin bao gồm một loạt lĩnh vực như thuế, tư vấn kỹ thuật, kiến trúc, thú y, y tế và nha khoa, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của quốc gia này. Với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế, ngành dịch vụ chuyên môn của nước này ngày càng phát triển, không những phục vụ đủ cho nhu cầu trong nước mà còn cả khu vực quốc tế. Các lĩnh vực như dịch vụ thuế, tư vấn kỹ thuật và kiến trúc đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào sự phát triển của ngành xây dựng và công nghiệp. Dịch vụ y tế và nha khoa cũng là những lĩnh vực nổi bật trong bối cảnh dân số đô thị và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng cao tại Phi-líp-pin. Dịch vụ thú y cũng ghi nhận những bước tiến mới, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc thú cưng tại các thành phố lớn.

10.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin

Ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin nổi bật trong khu vực với đội ngũ nhân sự có trình độ cao, được đào tạo bài bản và thường xuyên đáp ứng được các xu hướng mới trong lĩnh vực của mình. Các trường đại học hàng đầu của Phi-líp-pin điển hình như Đại học Ateneo de Manila và Đại học Phi-líp-pin có uy tín lớn trong việc cung cấp các chương trình đào

tạo chuyên sâu về kế toán, kỹ thuật, y khoa và kiến trúc, giúp đào tạo ra các sinh viên tốt nghiệp có trình độ chuyên môn cao.

Ví dụ, trong lĩnh vực tư vấn thuế và tài chính, các công ty lớn như SGV & Co. (một thành viên của mạng lưới EY Global) thường xuyên tuyển dụng những nhân sự từ các chương trình đào tạo uy tín. Những chuyên gia này không chỉ nắm vững các quy định về thuế nội địa mà còn hiểu rõ các quy tắc quốc tế như Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTAs) mà Phi-líp-pin tham gia. Điều này mang lại lợi ích lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài khi mở rộng hoạt động tại Phi-líp-pin.

Trong lĩnh vực y tế, nhiều bác sĩ và chuyên gia chăm sóc sức khỏe của Phi-líp-pin đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu tại các nước phát triển như Mỹ, Anh và Nhật Bản. Nhờ đó, họ có thể áp dụng những công nghệ tiên tiến nhất trong y học, đặc biệt là trong lĩnh vực phẫu thuật thẩm mỹ và nha khoa thẩm mỹ, hai ngành có nhu cầu cao từ cả khách hàng trong nước và quốc tế.

Phi-líp-pin có lợi thế lớn so với các quốc gia khác trong khu vực khi có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về dịch vụ chuyên môn không chỉ từ các doanh nghiệp nội địa mà còn từ khách hàng quốc tế. Điều này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế, cũng như các chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài của chính phủ. Các công ty kiến trúc nổi tiếng như Aidea hay Casas+Architects của Phi-líp-pin không chỉ đảm nhận thiết kế các dự án trong nước mà còn mở rộng thị trường ra nước ngoài, tham gia vào các dự án quốc tế tại các nước như Singapore và Trung Đông. Ngoài ra, Phi-líp-pin còn có thế mạnh trong việc cung cấp dịch vụ cho ngành công nghiệp BPO (Business Process Outsourcing). Nhiều công ty BPO nước ngoài tìm đến Phi-líp-pin để thuê các dịch vụ như kế toán, tư vấn pháp lý và thuế, nhờ vào lực lượng lao động thành thạo tiếng Anh và hiểu biết sâu rộng về các quy định quốc tế.

Ngành dịch vụ y tế cũng là một thế mạnh của Phi-líp-pin khi nhiều bệnh viện và cơ sở y tế tại quốc gia này đạt các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế như JCI (Joint Commission International) giúp Phi-líp-pin trở thành điểm đến ưa chuộng của bệnh nhân quốc tế. Trong đó dịch vụ nha khoa và y tế thẩm mỹ là hai lĩnh vực có sự phát triển vượt bậc. Các phòng khám nha khoa tại Manila hay Cebu nổi tiếng trong việc cung cấp dịch vụ như làm răng sứ, chỉnh nha, và cấy ghép với chất lượng cao nhưng chi phí thấp hơn nhiều so với các nước phát triển.

10.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin

Ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin được quản lý bởi một khung pháp lý đa dạng và tương đối phức tạp, với nhiều cơ quan chính phủ đảm nhiệm việc giám sát và điều chỉnh các lĩnh vực khác nhau. Cơ quan quản lý chính là Ủy ban Điều tiết Chuyên môn (PRC - Professional Regulation Commission), chịu trách nhiệm cấp giấy phép hành nghề cho các chuyên gia và đảm bảo các doanh nghiệp trong và ngoài nước tuân thủ các quy định về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp trong những lĩnh vực như kế toán, kỹ thuật, kiến trúc, và các dịch vụ y tế. PRC đặt ra các tiêu chuẩn cao về trình độ chuyên môn và quản lý cấp phép cho các ngành dịch vụ này.

Bên cạnh PRC, các bộ ngành khác như Bộ Y tế (DOH) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý các dịch vụ y tế và nha khoa. DOH đảm bảo các bệnh viện, phòng khám y tế và nha khoa tuân thủ các quy định về chất lượng dịch vụ, vệ sinh và an toàn y tế. Đối với ngành thú y, Bộ Nông nghiệp (DA - Department of Agriculture) giám sát các hoạt động liên quan đến chăn nuôi, sức khỏe động vật và dịch vụ thú y, đảm bảo các tiêu chuẩn chăm sóc và phòng ngừa dịch bệnh trong chăn nuôi.

Tuy nhiên, sự quản lý phân tán này đôi khi dẫn đến những khó khăn trong việc đồng bộ hóa và tối ưu hóa quản lý các ngành dịch vụ chuyên môn. Ví dụ, quá trình xin cấp phép cho các chuyên gia từ nước ngoài sẽ bị kéo dài và gặp nhiều trở ngại khi phải xin từ nhiều cơ quan quản lý, gây khó khăn cho việc thu hút nhân tài quốc tế vào Phi-líp-pin.

Một đặc điểm nổi bật trong hệ thống quản lý dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin là quy trình cấp phép hành nghề khá nghiêm ngặt. Mọi chuyên gia trong các lĩnh vực như kế toán, kỹ thuật, kiến trúc, và y tế đều phải trải qua các kỳ thi quốc gia do PRC tổ chức để được cấp phép hành nghề. Ví dụ, kỳ thi dành cho kiến trúc sư hay kỹ sư đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu rộng và thời gian đào tạo dài, giúp đảm bảo chỉ những người có đủ năng lực mới có thể hành nghề.

Trong lĩnh vực y tế, các bác sĩ và nha sĩ phải hoàn thành nhiều giờ học thực tế và thực tập tại các cơ sở y tế trước khi được cấp phép hành nghề. Điều này đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế tại Phi-líp-pin luôn đạt tiêu chuẩn cao. Ví dụ, các bệnh viện lớn như St. Luke's Medical Center thường chỉ tuyển dụng những chuyên gia đã được cấp phép và có kinh nghiệm, đảm bảo rằng các bác sĩ và y tá đều đủ năng lực để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng.

Mặc dù Phi-líp-pin đã có nhiều nỗ lực trong việc hội nhập với thị trường quốc tế, ngành dịch vụ chuyên môn của quốc gia này vẫn gặp phải

một số thách thức trong việc tiêu chuẩn hóa và tuân thủ các quy định quốc tế. Các thỏa thuận thương mại khu vực như RCEP hay Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) yêu cầu các quốc gia thành viên, bao gồm Phi-líp-pin, phải điều chỉnh và đồng bộ các tiêu chuẩn dịch vụ chuyên môn với các nước khác. Chẳng hạn, trong lĩnh vực y tế và nha khoa, các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ và công nghệ áp dụng trong điều trị đôi khi chưa thể sánh ngang với những quốc gia phát triển như Singapore hay Nhật Bản. Điều này có thể hạn chế khả năng cạnh tranh của Phi-líp-pin trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe quốc tế. Ngoài ra, trong lĩnh vực tư vấn kỹ thuật và kiến trúc, mặc dù Phi-líp-pin đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc phát triển các dự án quy mô lớn, nhưng khả năng cạnh tranh quốc tế vẫn còn hạn chế do thiếu sự đồng bộ về tiêu chuẩn thiết kế và xây dựng. Nhiều công ty kỹ thuật Phi-líp-pin phải đối mặt với khó khăn trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đến việc mất hợp đồng lớn với các đối tác nước ngoài.

Nhằm khắc phục những thách thức hiện tại, chính phủ Phi-líp-pin đang triển khai các biện pháp cải cách nhằm cải thiện hệ thống quản lý dịch vụ chuyên môn. Một trong những ưu tiên hàng đầu là đơn giản hóa quy trình cấp phép cho các chuyên gia trong và ngoài nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho những người muốn hành nghề tại Phi-líp-pin. PRC cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào hệ thống kiểm soát chất lượng, giúp các chuyên gia dễ dàng hội nhập và làm việc ở nước ngoài.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số cũng mang lại cơ hội cho ngành dịch vụ chuyên môn của Phi-líp-pin. Các dịch vụ y tế từ xa (telemedicine) và tư vấn kỹ thuật trực tuyến đang ngày càng trở nên phổ biến, giúp các chuyên gia cung cấp dịch vụ hiệu quả hơn, đồng thời mở ra cánh cửa cho việc phát triển các lĩnh vực như y tế và kiến trúc ở quy mô toàn cầu. Một ví dụ điển hình là sự phát triển của nền tảng dịch vụ y tế từ xa KonsultaMD, cung cấp các dịch vụ chăm sóc y tế trực tuyến với chi phí thấp. Điều này giúp người dân, đặc biệt là ở các khu vực xa xôi, có thể tiếp cận dịch vụ y tế mà không cần phải di chuyển đến các thành phố lớn.

10.2. Cam kết của Phi-líp-pin về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Phi-líp-pin cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Phi-líp-pin sẽ mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Phi-líp-pin; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Phi-líp-pin không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc xem xét các cam kết cụ thể đối với từng phân ngành thuộc dịch vụ chuyên môn, ta cũng cần chú ý đến các cam kết được liệt kê

ở phần cam kết chung vì phần này sẽ bao quát hết các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ (bao gồm cả Dịch vụ chuyên môn) xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ.

10.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của Phi-líp-pin đối với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ như sau:

- Phi-líp-pin bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà theo đó nước này có quyền đối xử ưu đãi hơn đối với các dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ thỏa thuận quốc tế song phương hoặc đa phương nào còn hiệu lực hoặc đã ký kết trước ngày RCEP có hiệu lực.

- Phi-líp-pin bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà theo đó nước này được đối xử ưu đãi hơn với các dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của một Bên hoặc của các quốc gia trong khuôn khổ thỏa thuận quốc tế của Phi-líp-pin còn hiệu lực hoặc đã ký kết sau ngày hiệu lực của RCEP.

- Nếu, sau ngày RCEP có hiệu lực, Phi-líp-pin ký kết bất kỳ thỏa thuận nào với các quốc gia khác mà theo đó nước này có sự đối xử ưu đãi hơn với các quốc gia trên, Phi-líp-pin sẽ xem xét, theo yêu cầu của một Bên, để đàm phán việc đối xử không kém thuận lợi hơn cho so với thỏa thuận có thể được ký kết sau khi RCEP có hiệu lực.

- Phi-líp-pin cũng bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào theo đó nước này có quyền đối xử ưu đãi hơn với một số các dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ sau:

1. Đối với các quốc gia thành viên ASEAN theo bất kỳ thỏa thuận nào của ASEAN còn hiệu lực hoặc đã ký kết sau ngày hiệu lực của Hiệp định này;

2. Liên quan đến các lợi ích được cấp cho các quốc gia liền kề trong phạm vi được quy định tại đoạn 3, Điều II của GATS; và

3. Đối với bất kỳ dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ nào trong khuôn khổ thỏa thuận quốc tế còn hiệu lực hoặc đã ký kết sau ngày RCEP có hiệu lực liên quan đến: (i) dịch vụ hàng không; (ii) ngành thủy sản; (iii) việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các cá nhân cung cấp dịch vụ; (iv) dịch vụ vận tải biển; (v) viễn thông và công nghệ thông tin; (vi) thương mại điện tử; hoặc (vii) ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác.

- Đối với các hoạt động được pháp luật quy định dành riêng cho công dân Phi-líp-pin hoặc các hoạt động có giới hạn về vốn đầu tư nước ngoài: Phí-líp-pin yêu cầu:

1. Các nhà đầu tư nước ngoài làm việc trong bộ phận quản lý của công ty hoạt động trong các lĩnh vực mà pháp luật quy định dành riêng cho công dân Phi-líp-pin sẽ bị giới hạn tỷ lệ vốn góp không được vượt quá 40%.

2. Tất cả các nhân sự cấp cao và quản lý của công ty hoạt động trong các lĩnh vực này phải là công dân Phi-líp-pin. Đối với người nước ngoài giữ vị trí quản lý hoặc được giao thực hiện chức vụ vận hành mảng kỹ thuật, phải có hai người Phi-líp-pin được đào tạo kế cận.

- *Về vấn đề quyền sở hữu đất*, Phi-líp-pin quy định:

1. Tất cả đất công đều thuộc sở hữu của Nhà nước. Chỉ có công dân Phi-líp-pin hoặc các công ty hay hiệp hội của người Phi-líp-pin mới có thể sở hữu các loại đất khác ngoài đất công và có thể thuê đất công.

2. Các nhà đầu tư nước ngoài chỉ có thể thuê đất tư nhân.

- *Về vấn đề nhập cảnh và tạm trú của cá nhân cung cấp dịch vụ*: Phi-líp-pin chưa cam kết đối với mode 4, ngoại trừ các điều khoản, điều kiện, ngoại trừ các biện pháp ảnh hưởng đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của những thể nhân được đề cập trong Biểu cam kết của Phi-líp-pin trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân).

- *Về vấn đề tiếp cận nguồn tín dụng nội địa:*

Các công ty nước ngoài tham gia vào các hoạt động phi sản xuất và vay bằng đồng peso sẽ phải tuân thủ tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 50:50 theo quy định tại thời điểm vay, bao gồm:

1. Các công ty hợp danh mà hơn 40% vốn chủ sở hữu thuộc về công dân không phải người Phi-líp-pin; và

2. Các công ty cổ phần mà hơn 40% tổng số cổ phần đã đăng ký do người không phải công dân Phi-líp-pin sở hữu.

Yêu cầu này không áp dụng đối với các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Ngoài các nội dung trên, phần cam kết cho các dịch vụ chuyên môn nói chung của Phi-líp-pin cũng đặt ra một số hạn chế áp dụng cho tất cả các ngành dịch vụ chuyên môn. Cụ thể, đối với mode 1 và 2 các phân ngành dịch vụ chuyên môn có đầu ra cụ thể (ví dụ: kế hoạch, bản vẽ kỹ thuật, báo cáo kiểm toán), các đầu ra này sẽ chỉ được chính phủ Phi-líp-pin công nhận

khi được ký bởi một chuyên gia thuộc PRC hoặc một chuyên gia nước ngoài có Giấy phép hành nghề tạm thời do PRC cấp. Việc hành nghề các nghề được quản lý sẽ tuân theo các yêu cầu mang tính đối đẳng.

10.2.2. Cam kết cụ thể

Ngoài các cam kết chung và cam kết cụ thể đối với tất cả các phân ngành dịch vụ chuyên môn như trên, cam kết cụ thể của Phi-líp-pin đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Phi-líp-pin đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV). Trong đó quy định:

Theo Điều XII, phần 14 của Hiến pháp Phi-líp-pin năm 1987, chỉ công dân Phi-líp-pin được hành nghề chuyên môn tại Phi-líp-pin, trừ những trường hợp được pháp luật quy định. Đối với các lao động nước ngoài đến Phi-líp-pin để phục vụ dịch vụ chuyên môn, một khi công việc của cá nhân đó thuộc phạm vi ngành nghề được quản lý theo luật pháp và quy định của Phi-líp-pin, cá nhân đó phải xin giấy phép hành nghề đặc biệt từ Ủy ban PRC theo Điều 7(j) của Đạo luật Cộng hòa số 8981 (Luật Hiện đại hóa PRC năm 2000) và phải có giấy phép lao động cho người nước ngoài do Bộ Lao động và Việc làm cấp theo Điều 40 của Bộ luật Lao động Phi-líp-pin. Cá nhân đó cũng phải tuân thủ các yêu cầu liên quan đến việc hành nghề của công dân nước ngoài được quy định trong luật.

Đối với các hoạt động được pháp luật quy định dành riêng cho công dân Phi-líp-pin, tất cả các nhân sự cấp cao và quản lý của công ty hoạt động trong các lĩnh vực này phải là công dân Phi-líp-pin. Số lượng công dân nước ngoài trong Ban Giám đốc của công ty phải tương ứng với tỷ lệ tổng vốn góp nước ngoài.

Ngoài ra, theo Điều 40 của Bộ luật Lao động, đã được sửa đổi, và các quy định hướng dẫn thi hành, người nước ngoài không cư trú chỉ được phép đến Phi-líp-pin cung cấp dịch vụ khi không có người Phi-líp-pin nào có đủ năng lực và sẵn sàng nhận vị trí vào thời điểm nộp đơn.

Các nhóm thể nhân nước ngoài được Phi-líp-pin cam kết bao gồm: khách kinh doanh và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

Đối với nhóm "khách kinh doanh", Phi-líp-pin cam kết các cá nhân muốn nhập cảnh tạm thời vào Phi-líp-pin có thu nhập hay khoản hỗ trợ tài chính từ nước ngoài: (i) với tư cách là đại diện cho nhà bán hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ tham gia đàm phán hoặc ký kết hợp đồng để bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ, trong đó hoạt động đàm phán không

liên quan đến việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trực tiếp cho công chúng; (ii) với tư cách là nhân viên của một pháp nhân với mục đích thiết lập đầu tư hoặc thành lập hiện diện thương mại cho pháp nhân đó tại Phi-líp-pin; (iii) với mục đích tham gia đàm phán hoặc cuộc họp kinh doanh; hoặc (iv) với mục đích thiết lập đầu tư hoặc thành lập hiện diện thương mại tại Phi-líp-pin, sẽ được nhập cảnh và lưu trú lần đầu ở Phi-líp-pin trong 30 ngày và có thể được gia hạn.

Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp", Phi-líp-pin cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài được uỷ quyền tạm thời để cung cấp dịch vụ thông qua sự hiện diện thương mại (liên doanh, văn phòng đại diện, chi nhánh, công ty con hoặc công ty liên kết) tại Phi-líp-pin sẽ được nhập cảnh và lưu trú lần đầu ở Phi-líp-pin trong 30 ngày và có thể được gia hạn.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

Về cơ bản, Phi-líp-pin cam kết mở cửa đối với mode 1 và 2 nhưng không cam kết mode 3 cho các ngành dịch vụ chuyên môn. Phạm vi các dịch vụ chuyên môn được mở cửa theo cam kết trên cũng hạn chế, không bao gồm toàn bộ các hoạt động như theo phân loại, cụ thể:

- *Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862),* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với dịch vụ kế toán và ghi sổ kế toán, không cam kết đối với các hoạt động còn lại, bao gồm cả dịch vụ kiểm toán.

- *Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672),* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với dịch vụ kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật luyện kim và kỹ thuật vệ sinh.

- *Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673),* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với dịch vụ kỹ thuật đồng bộ trong công trình vệ sinh.

- *Đối với dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674),* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với phân ngành kiến trúc cảnh quan (CPC 86742), quy hoạch môi trường và kiến trúc.

- *Đối với dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 9312):* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với phân ngành dịch vụ y tế (CPC 93122), nhãn khoa, và nha khoa (CPC 93123).

- *Đối với dịch vụ do nữ hộ sinh, y tá, chuyên viên vật lý trị liệu và nhân viên y tế cung cấp,* Phi-líp-pin chỉ cam kết đối với liệu pháp hô hấp.

10.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Phi-líp-pin có thể áp dụng một số ngoại lệ đối với các cam kết về dịch vụ chuyên môn khi cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia. Một trong số đó có thể kể đến như:

Phi-líp-pin chưa cam kết đối với các biện pháp do chính quyền địa phương thực hiện. Điều này cho phép Phi-líp-pin linh hoạt trong việc áp dụng các chính sách và quy định liên quan đến dịch vụ trên các cấp độ khác nhau và đảm bảo rằng chính quyền địa phương có thể áp dụng các biện pháp phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của khu vực mà họ quản lý.

Bên cạnh đó, Phi-líp-pin cũng chưa cam kết đối với tất cả các biện pháp liên quan đến thường trú nhân. Quốc gia này bảo lưu quyền ban hành các luật liên quan đến việc đối xử với thường trú nhân từ các quốc gia khác. Trước khi Phi-líp-pin ban hành một bộ luật cụ thể, các nghĩa vụ của Phi-líp-pin đối với thường trú nhân của các nước khác sẽ chỉ giới hạn trong các nghĩa vụ đã được cam kết theo Hiệp định GATS. Tương tự, nghĩa vụ của các quốc gia khác đối với thường trú nhân của Phi-líp-pin cũng sẽ bị giới hạn trong các cam kết tại GATS.

Ngoài ra, Phi-líp-pin chưa cam kết đối với tất cả các biện pháp liên quan đến thuế, cho phép quốc gia này có quyền tự quyết trong việc điều chỉnh các chính sách thuế phù hợp với lợi ích kinh tế của mình.

Theo quy định của Hiến pháp Phi-líp-pin năm 1987, trong các lĩnh vực đầu tư hoặc hoạt động nhất định, khi cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia, Quốc hội có quyền dựa vào khuyến nghị từ các cơ quan kinh tế và tham mưu để dành riêng một số hoạt động cho công dân Phi-líp-pin hoặc yêu cầu các công ty, hiệp hội trong lĩnh vực này có ít nhất 60% vốn thuộc sở hữu của công dân Phi-líp-pins. Điều này giúp Phi-líp-pin đảm bảo rằng lợi ích quốc gia và quyền lợi của công dân được bảo vệ trong các lĩnh vực nhạy cảm.

Phi-líp-pin cũng bảo lưu tất cả các biện pháp mà chính phủ cho là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu, kiểm soát, phát triển và bảo vệ lãnh thổ, quyền lợi, cũng như hệ thống bản địa của các dân tộc và cộng đồng bản địa. Những biện pháp này cho phép Phi-líp-pin bảo vệ quyền lợi và an ninh của cộng đồng dân cư địa phương và các dân tộc thiểu số.

Cuối cùng, Phi-líp-pin có quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến dữ liệu và thương mại điện tử, miễn là các biện pháp đó không tạo ra sự phân biệt vô lý. Điều này thể hiện cam kết của Phi-líp-pin trong việc tạo ra một môi trường thương mại điện tử công bằng và minh bạch, đồng thời bảo vệ dữ liệu và nền thương mại điện tử của nước này.

Các bảo lưu trong cam kết về dịch vụ của Phi-líp-pin cho thấy sự thận trọng trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và quyền lợi của công dân, đồng thời cho phép linh hoạt trong quản lý và điều chỉnh các chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương. Điều này có thể tạo ra cơ hội cho sự phát triển kinh tế bền vững nhưng cũng cần đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong các hoạt động thương mại và đầu tư của quốc gia này.

11
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA XINH-GA-PO TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 11 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA SINGAPORE TRONG RCEP

11.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Singapore

11.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Singapore

Singapore từ lâu đã được công nhận là một trung tâm tài chính, dịch vụ và thương mại quốc tế hàng đầu, với thương mại dịch vụ đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế đất nước, chiếm tỷ trọng 75% trong GDP theo ngành và tỷ lệ thương mại dịch vụ với GDP năm 2022 là 126%, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới. Theo Cục Thống kê Singapore, kim ngạch thương mại dịch vụ của Singapore đã tăng gấp ba lần từ 273,9 tỷ đô la năm 2010 lên 870,7 tỷ đô la năm 2022, trong đó tỷ trọng giữa xuất khẩu và nhập khẩu tương đối cân bằng.

Ngành dịch vụ chuyên môn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế Singapore. Là một trong những ngành phát triển nhất, ngành dịch vụ chuyên nghiệp của Singapore chiếm 6,5% GDP của quốc gia này với giá trị gia tăng 25 tỷ đô la Mỹ vào năm 2016 và chiếm 5,9% tổng giá trị gia tăng năm 2021, theo kết quả nghiên cứu Toàn cảnh kinh tế Singapore. Ngành này đã tạo việc làm cho hơn 230.000 người, chiếm 6,4% tổng lực lượng lao động (tuy nhiên, cần lưu ý là các thống kê này bao gồm cả các ngành tư vấn quản lý và doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng chính khoảng 34% trong cơ cấu dịch vụ chuyên nghiệp của Singapore, trong khi phân ngành này không được xếp loại nhóm dịch vụ chuyên môn theo Danh mục W/120).

Đóng góp của ngành này không chỉ giới hạn trong nước mà còn mở rộng ra quốc tế, thông qua việc cung cấp dịch vụ cho nhiều tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các quốc gia khác. Nhờ vào hệ thống pháp lý minh bạch và môi trường kinh doanh thuận lợi, nước này đã trở thành điểm đến lý tưởng cho các công ty quốc tế cung cấp dịch vụ chuyên môn.

11.1.2. Đặc điểm và thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Singapore

Singapore được biết đến với hệ thống pháp lý vững chắc và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chuyên môn nói riêng. Điều này đã giúp thu hút một lượng lớn các công ty luật quốc tế, các hãng kiểm toán lớn, và các công ty tư vấn kỹ thuật đến Singapore để thiết lập văn phòng và cung cấp dịch vụ trong nước cũng như xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài.

Singapore liên tục được xếp hạng là một trong những nơi dễ kinh doanh nhất thế giới. Đó là lý do tại sao rất nhiều tập đoàn đa quốc gia thành lập trụ sở khu vực hoặc toàn cầu của họ tại đây để thu thập thông tin thị trường châu Á, tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển và triển khai các chiến lược khu vực. Điều này không chỉ tạo ra nhu cầu nội địa sử dụng dịch vụ chuyên nghiệp rất lớn, mà còn là nền tảng xuất khẩu dịch vụ quy mô lớn do phạm vi hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia trên toàn thế giới.

Ngoài ra, nước này cũng có lực lượng lao động có trình độ cao, được đào tạo bài bản trong các lĩnh vực chuyên môn. Các trường đại học và tổ chức giáo dục tại Singapore thường xuyên nằm trong số các cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Một điểm mạnh nữa của Singapore trong ngành dịch vụ chuyên môn là hệ thống quản lý chuyên nghiệp và tiêu chuẩn cao trong việc cung cấp dịch vụ. Điều này không chỉ đảm bảo chất lượng dịch vụ mà còn giúp nâng cao uy tín của Singapore trên thị trường quốc tế.

Với sự tham gia tích cực vào các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức quốc tế, Singapore đã thiết lập được mạng lưới kết nối toàn cầu, giúp các dịch vụ chuyên môn của quốc gia này dễ dàng tiếp cận với thị trường quốc tế.

11.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Singapore

Chính phủ Singapore luôn chú trọng đến việc xây dựng và quản lý một hệ thống quy định hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng và tính cạnh tranh của ngành dịch vụ chuyên môn, có chính sách công nhận các bằng cấp và chứng chỉ quốc tế trong các lĩnh vực như luật, kế toán, và tư vấn kỹ thuật. Điều này giúp thu hút các chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Singapore, đồng thời thúc đẩy sự trao đổi tri thức và kinh nghiệm quốc tế. Chính phủ Singapore luôn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dịch vụ chuyên môn phát triển thông qua các chính sách hỗ trợ tài chính, khuyến khích đầu tư và hợp tác quốc tế. Ngoài ra, các chính sách khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cũng đóng góp vào việc phát triển lĩnh vực dịch vụ chuyên môn. Một điểm đặc biệt trong quản lý dịch vụ chuyên môn của Singapore là sự chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Singapore thành lập các cơ quan quản lý nhằm giám sát chất lượng dịch vụ và giải quyết các tranh chấp giữa người tiêu dùng và nhà cung cấp dịch vụ. Điểm này thúc đẩy hơn nữa việc nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên môn được cung cấp tại nước này.

11.2. Cam kết của Singapore về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP

11.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của Singapore về dịch vụ chuyên môn phù hợp với các cam kết trong chương dịch vụ của RCEP, đảm bảo tiếp cận thị trường cho các nhà cung cấp dịch vụ từ các quốc gia thành viên RCEP khác và duy trì một môi trường kinh doanh không phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ nội địa và nước ngoài, cam kết về hiện diện địa phương, v.v... Đồng thời, các cam kết này cũng tương thích với phụ lục về dịch vụ chuyên môn, thúc đẩy sự công nhận lẫn nhau về trình độ và tiêu chuẩn chuyên môn giữa các nước thành viên.

Tuy nhiên, do Singapore áp dụng biểu "chọn-bỏ" (negative-list), nước này có quyền không tuân thủ những cam kết chung nêu trên đối với những lĩnh vực dịch vụ cụ thể được liệt kê trong danh sách loại trừ của mình, cho phép Singapore linh hoạt trong việc bảo vệ các lĩnh vực mà họ coi là nhạy cảm trong cam kết cụ thể đối với từng ngành dịch vụ chuyên môn. Ngoài những bảo lưu cụ thể được nêu trong biểu cam kết, Singapore sẽ mở cửa cho các dịch vụ chuyên môn còn lại không được liệt kê trong danh sách loại trừ.

Ngoài ra, cần lưu ý là Singapore phân loại ngành, phân ngành theo Hướng dẫn xây dựng cam kết ban đầu trong Thương mại dịch vụ ngày 03/9/1993 (MTN.GNS/W/164) và sửa đổi ngày 30/11/1993

(MTN.GNS/W/164 Add.1), vì vậy cách sắp xếp phân loại tương đối khác so với Danh mục W/120.

11.2.2. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Dịch vụ kiến trúc

Tại Phụ lục A, Singapore bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA và LP như sau:

+ Chỉ những người cư trú tại Singapore và những người đã đăng ký với Hội đồng Kiến trúc sư (BOA) hoặc cơ quan kế nhiệm được phép cung cấp dịch vụ kiến trúc.

+ Các công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn và liên doanh (bao gồm cả đơn cung cấp dịch vụ kiến trúc thuộc công ty hoạt động đa ngành) cung cấp dịch vụ kiến trúc phải xin giấy phép từ BOA hoặc cơ quan kế nhiệm. Điều kiện xin giấy phép là công ty hoặc liên doanh phải:

(a) nằm dưới sự quản lý của một giám đốc hoặc đối tác là kiến trúc sư đã đăng ký tại Singapore; trong trường hợp doanh nghiệp đa ngành, hoạt động kinh doanh liên quan đến dịch vụ kiến trúc phải dưới sự quản lý của một giám đốc hoặc đối tác là kiến trúc sư đã đăng ký tại Singapore; và

(b) tại các công ty trách nhiệm hữu hạn, đa số giám đốc phải là kiến trúc sư đã đăng ký tại Singapore hoặc các chuyên gia liên quan; tại các công ty trách nhiệm vô hạn đa số giám đốc phải là kiến trúc sư đã đăng ký hoặc các chuyên gia liên quan có chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực; tại các liên doanh, lãi từ tài sản vốn và lợi nhuận sẽ do các kiến trúc sư đã đăng ký tại Singapore hoặc các chuyên gia liên quan có chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực nắm giữ.

Hạn chế trên được quy định trong Luật Kiến trúc năm 2000.

- Dịch vụ kế toán công (bao gồm kiểm toán theo luật định) - tương đương CPC 86211 và 86309

Tại Phụ lục A, Singapore bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA, LP và SMBD như sau:

+ Chỉ có các kế toán viên công, công ty hoặc tập đoàn kế toán, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn kế toán (LLP) được cung cấp dịch vụ kế toán công. Các kế toán viên công phải được đăng ký với Cơ quan quản lý kế toán và công ty (ACRA) và đáp ứng các yêu cầu đăng ký theo Đạo luật kế toán, bao gồm các yêu cầu liên quan đến trình độ, kinh nghiệm cũng như tư cách thành viên của Viện Kế toán công chứng Singapore (ISCA). Các công ty, tập đoàn kế toán và LLP kế toán phải được Ủy ban

giám sát kế toán công chấp thuận, đây là ủy ban của Hội đồng quản trị ACRA theo Đạo luật kế toán.

+ Phải có ít nhất một giám đốc (trong trường hợp tập đoàn kế toán) hoặc một đối tác (trong trường hợp của công ty kế toán) là một kế toán viên công thường trú tại Singapore.

Các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Đạo luật Kế toán, Đạo luật Doanh nghiệp, Quy định về Kế toán viên (công).

- Dịch vụ khảo sát đất đai

Tại Phụ lục A, Singapore bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA, LP và SMBD như sau:

+ Mọi cá nhân muốn cung cấp dịch vụ khảo sát đất đai tại Singapore phải đăng ký với Hội đồng Đo đạc đất đai hoặc cơ quan kế nhiệm của tổ chức này, và phải có mặt tại Singapore trong suốt quá trình dự án

+ Các công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, và đối tác (bao gồm cả những đơn vị cung cấp dịch vụ đo đạc đất đai trong các công ty hoặc thực hành đa ngành) muốn cung cấp dịch vụ đo đạc đất đai phải có giấy phép từ Hội đồng Đo đạc đất đai.

+ Để đủ điều kiện cấp giấy phép, công ty hoặc đối tác phải: (i) được quản lý và điều hành bởi một giám đốc hoặc đối tác là một chuyên gia đo đạc đất đai đã đăng ký tại Singapore; nếu là công ty hoặc đối tác đa ngành, lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dịch vụ đo đạc đất đai phải được quản lý bởi một giám đốc hoặc đối tác đã đăng ký; (ii) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, phần lớn giám đốc phải là chuyên gia đo đạc đất đai hoặc các chuyên gia liên quan (kỹ sư hoặc kiến trúc sư đã đăng ký tại Singapore); đối với công ty không giới hạn, các giám đốc hoặc thành viên phải là các chuyên gia đo đạc đất đai hoặc chuyên gia liên quan; đối với đối tác, chỉ có chuyên gia đo đạc đất đai hoặc chuyên gia liên quan mới được sở hữu quyền lợi trong tài sản vốn và lợi nhuận của đối tác.

Các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Đạo luật Đo đạc đất đai, mục 156, phiên bản sửa đổi năm 2012, các điều từ 12 đến 23 và các quy tắc đo đạc đất đai, quy tắc từ 2 đến 20.

- Dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp

Tại Phụ lục A, Singapore bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA, và LP như sau:

+ Mọi cá nhân, tổ chức muốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật liên quan đến cầu đường, điện và cơ khí tại Singapore phải đăng ký với Hội đồng

Kỹ thuật chuyên nghiệp (PEB) và phải có mặt tại Singapore trong suốt quá trình dự án.

+ Các công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, và đối tác muốn cung cấp dịch vụ phải có giấy phép từ Hội đồng Kỹ thuật chuyên nghiệp hoặc cơ quan kế nhiệm.

+ Để đủ điều kiện cấp giấy phép, công ty hoặc đối tác phải: (i) được quản lý và điều hành bởi một giám đốc hoặc đối tác là một kỹ sư chuyên nghiệp đã đăng ký tại Singapore và bằng hành nghề được công nhận; và là người đưa ra các quyết định kỹ thuật cuối cùng trong trường hợp tập đoàn hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn; (ii) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc vô hạn, tối thiểu 51% giám đốc phải là kỹ sư chuyên nghiệp đăng ký tại Singapore hoặc chuyên gia liên quan (kiến trúc sư và chuyên gia đo đạc đất đai đã đăng ký tại Singapore); đối với công ty không giới hạn, các giám đốc hoặc thành viên phải là các kỹ sư chuyên nghiệp hoặc chuyên gia liên quan; đối với đối tác, chỉ có chuyên gia đo đạc đất đai hoặc chuyên gia liên quan mới được sở hữu quyền lợi trong tài sản vốn và lợi nhuận của đối tác.

Các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Đạo luật Kỹ sư chuyên nghiệp.

- Dịch vụ y tế, y dược, dịch vụ được cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, nhân viên vật lý trị liệu và nhân viên y tế

Tại Phụ lục A, Singapore bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ LP như sau: chỉ thường trú nhân tại Singapore được cung cấp các dịch vụ nêu trên.

Các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Đạo luật Đăng ký y tế, Đạo luật Đăng ký dược sỹ, Đạo luật Thuốc, Đạo luật Y tá và nữ hộ sinh, Đạo luật Nghề hỗ trợ y tế,v.v...

- Dịch vụ pháp lý

Tại Phụ lục B, Singapore bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP, PPR, SMBD đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý tại Singapore.

11.2.3. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép Singapore duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu sau:

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục A

Singapore bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, SMBD, đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau: Trong trường hợp một người được yêu cầu đăng ký theo Đạo luật Đăng ký tên doanh nghiệp năm 2014, hoặc, tại các tổ chức có các giám đốc hoặc thư ký không cư trú tại Singapore, thì phải chỉ định một đại diện được ủy quyền là người phải thường trú tại Singapore (công dân Singapore, thường trú nhân Singapore và người sở hữu EntrePass (tất cả đều có địa chỉ tại địa phương)).

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B

Singapore bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP:

+ Đối với phương thức 4, hiện diện thể nhân, và di chuyển thể nhân theo Chương 9 (Di chuyển tạm thời của thể nhân).

+ Đối với việc phát triển hoặc sử dụng đất hoặc loại hoạt động có thể được tiến hành trên đất theo chính sách phân vùng đất, sử dụng đất, quy hoạch đô thị, kiểm soát phát triển, bảo tồn cùng các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường, khu bảo tồn thiên nhiên và công viên quốc gia.

Singapore bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR, SMBD:

+ Đối với việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và khoản đầu tư vào các cơ sở chăm sóc sức khỏe do chính phủ sở hữu hoặc quản lý, như bệnh viện và phòng khám đa khoa.

+ Đối với việc cung cấp các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội, đào tạo công, thực thi pháp luật công, dịch vụ xe cứu thương, dịch vụ cải huấn và dịch vụ chữa cháy.

+ Đối với việc thu thập và quản lý thông tin độc quyền của các hệ thống điện quốc gia.

11.2.4. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Singapore đối mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV). Theo đó, Singapore không cam kết đối với việc cung cấp dịch vụ thông qua sự hiện diện của cá nhân của một thành viên Hiệp định RCEP trên lãnh thổ Singapore, ngoại trừ nhóm thể nhân được cam kết là người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp. Cụ thể, các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia (i) làm

việc cho một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ở Singapore thông qua chi nhánh, công ty con được thành lập ở Singapore và (ii) trước đó đã làm việc cho công ty ở ngoài Singapore trong tối thiểu 01 năm ngay trước khi họ xin được nhập cảnh và lưu trú ở Singapore thì sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú ở Singapore trong thời gian 03 năm và sau đó có thể được gia hạn thêm 02 năm, tổng không quá 05 năm.

Cam kết này áp dụng cho hầu hết tất cả các phân ngành dịch vụ chuyên môn (Dịch vụ kế toán/kiểm toán (CPC862**); Dịch vụ thuế trừ các dịch vụ liên quan đến thuế khác (CPC 863**); Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671); Dịch vụ cảnh quan (CPC 86742**); Dịch vụ y tế; cụ thể là Dịch vụ y tế tổng quát (CPC 93121) và Dịch vụ y tế chuyên khoa (CPC 93122); Dịch vụ nha khoa (CPC 93123); Dịch vụ thú y (CPC 932); Dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672**) dân dụng, sản xuất, cơ khí, điện, điện tử, hàng không, hàng hải, kiến trúc hàng hải, công nghiệp, hóa học), khống áp dụng cho dịch vụ pháp lý.

11.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Trong Hiệp định RCEP, các quốc gia thành viên, bao gồm Singapore, có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, đạo đức công cộng, và bảo vệ sức khỏe con người, động vật, và thực vật. Áp dụng các ngoại lệ này có thể bao gồm việc hạn chế hoặc ngăn cấm các hoạt động thương mại dịch vụ trong trường hợp có những nguy cơ đối với an ninh quốc gia, đạo đức công cộng, và bảo vệ sức khỏe con người, động vật, và thực vật. Ví dụ, Singapore có thể áp dụng các quy định hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ chuyên môn từ các quốc gia thành viên khác nếu có lý do hợp lý rằng các hoạt động của họ có thể gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

12
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA THÁI LAN TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

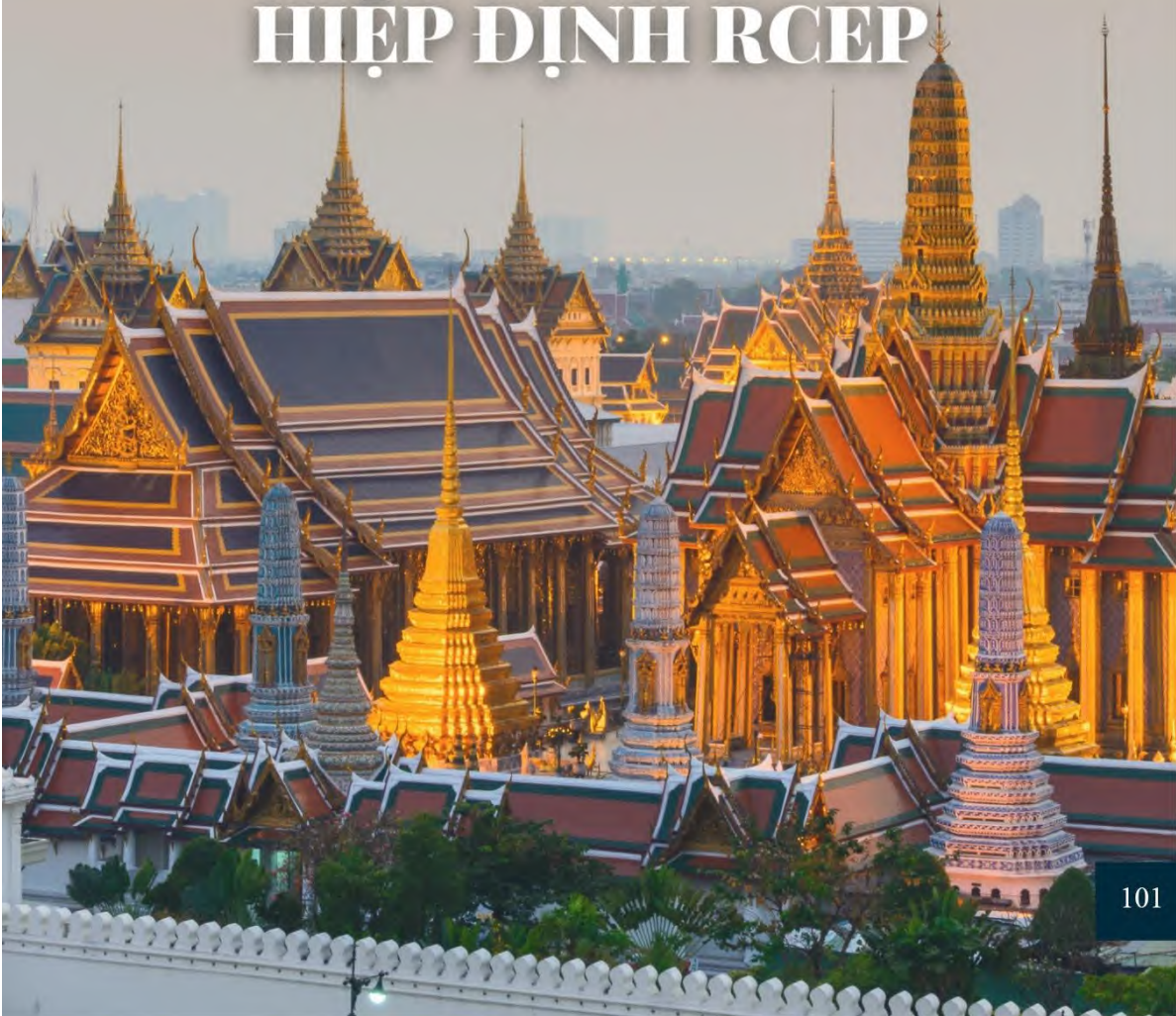

>>> CHƯƠNG 12 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA THÁI LAN TRONG RCEP

12.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan

12.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan

Ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào nền kinh tế quốc gia. Theo số liệu của World Bank, tính đến năm 2023, ngành dịch vụ chiếm hơn 50% GDP của Thái Lan, với sự tăng trưởng đáng kể trong các lĩnh vực như tài chính, chăm sóc sức khỏe, và giáo dục. Trong những năm gần đây, ngành dịch vụ này đã phát triển mạnh mẽ nhờ vào các chính sách khuyến khích đầu tư và sự hội nhập vào nền kinh tế ASEAN. Thái Lan đã trở thành một quốc gia thu nhập trung bình cao, và lĩnh vực dịch vụ chuyên môn đóng góp quan trọng vào sự chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ. Thái Lan không chỉ nổi bật trong các ngành dịch vụ truyền thống mà còn mở rộng sang các lĩnh vực dịch vụ chuyên môn có giá trị gia tăng cao, phục vụ cả thị trường nội địa và quốc tế.

Ban đầu, Thái Lan tập trung vào các hoạt động liên quan đến du lịch như spa, mát-xa truyền thống và các liệu pháp thảo dược. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các bệnh viện tư nhân đã nhận ra rằng họ có thể thu hút và điều trị bệnh nhân nước ngoài không chỉ đối với các điều trị thiết yếu mà còn cho các dịch vụ y tế tự chọn, như phẫu thuật thẩm mỹ. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng đáng kể trong số lượng bệnh viện tư nhân

và kéo theo hiện tượng "chảy máu chất xám" từ khu vực công sang khu vực tư.

12.1.2. Đặc điểm và thế mạnh trong ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan

Thái Lan có những lợi thế cạnh tranh rõ rệt trong ngành dịch vụ chuyên môn. Thứ nhất, quốc gia này có hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và mạng lưới giao thông phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ chuyên môn như tư vấn kỹ thuật, tài chính, và công nghệ thông tin. Thứ hai, Thái Lan có một lực lượng lao động chất lượng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực như y tế và giáo dục, với nhiều chuyên gia được đào tạo tại các cơ sở giáo dục hàng đầu thế giới. Hơn nữa, Thái Lan còn nổi tiếng với ngành du lịch y tế, thu hút hàng triệu khách hàng quốc tế mỗi năm đến sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ liên quan như kế toán, kiểm toán và tư vấn tài chính. Chính phủ Thái Lan cũng đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ để thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ chuyên môn, bao gồm việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp các ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp dịch vụ, và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển.

12.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Thái Lan

Về mặt quản lý, Thái Lan đã xây dựng một khung pháp lý vững chắc để quản lý và thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ chuyên môn. Nhiều chính sách hỗ trợ được Chính phủ nước này ban hành, bao gồm việc cấp phép nhanh chóng cho các doanh nghiệp dịch vụ và giảm thiểu các rào cản pháp lý đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, một số thách thức vẫn tồn tại, chẳng hạn như việc cải thiện tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý dịch vụ y tế và giáo dục. Việc đảm bảo chất lượng dịch vụ và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế là những yếu tố then chốt để duy trì và nâng cao uy tín của ngành dịch vụ chuyên môn Thái Lan trên thị trường toàn cầu.

Thái Lan cũng đang đối mặt với vấn đề di cư lao động trong ngành y tế, khi các bác sĩ và y tá có xu hướng rời bỏ khu vực nông thôn để làm việc tại các thành phố lớn hoặc các quốc gia khác có mức lương cao hơn. Việc gia tăng các bệnh viện tư nhân đã dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế và các nguồn lực khác từ khu vực công, khiến cho các bệnh viện công gặp khó khăn trong việc cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho những bệnh nhân có thu nhập thấp và trung bình. Để giải quyết những thách thức này, Thái Lan đã triển khai các chính sách như đầu tư vào giáo dục và đào tạo nhiều chuyên gia y tế hơn, yêu cầu các sinh viên y khoa phải làm việc tại các vùng nông thôn trong một thời gian nhất định sau khi tốt nghiệp,

đồng thời cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính để khuyến khích họ tiếp tục ở lại làm việc tại các khu vực này.

12.2. Cam kết của Thái Lan về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP

12.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của Thái Lan đối với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ như sau:

Thái Lan không cam kết đối với thường trú nhân của các bên khác theo Hiệp định RCEP.

Đối với Mode 1 (cung cấp dịch vụ xuyên biên giới), tất cả các lĩnh vực đều phải tuân theo luật và quy định của Thái Lan. Hạn chế này sẽ được sửa đổi khi các luật và quy định liên quan đến giao dịch điện tử có hiệu lực và sẽ theo những yêu cầu của luật và quy định đó.

Đối với Mode 3 (Hiện diện thương mại), chỉ có công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc các loại hình pháp nhân được quy định trong biểu cam kết này, được thành lập và đăng ký tại Thái Lan theo luật pháp Thái Lan mới được phép hoạt động. Hiện diện thương mại phải đáp ứng một trong các điều kiện sau theo các cam kết cụ thể của từng ngành: (a) Tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 49% vốn đăng ký, trừ khi có quy định khác trong cam kết; số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một nửa tổng số cổ đông; (b) Tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 51% vốn đăng ký, trừ khi có quy định khác trong cam kết; và (c) tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký, trừ khi có quy định khác trong cam kết.

Với mục (b) và (c) nêu trên, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc loại hình pháp nhân do người nước ngoài sở hữu hoặc kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) phải hoạt động thông qua liên doanh với pháp nhân mang quốc tịch Thái Lan; (ii) trước khi nhận được giấy phép hoặc chứng nhận, pháp nhân do người nước ngoài sở hữu hoặc kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; (iii) yêu cầu về mức vốn tối thiểu theo quy định của luật pháp Thái Lan sẽ được áp dụng; (iv) Ban giám đốc, bao gồm các vị trí hành chính và điều hành, phải là người Thái và cư trú tại Thái Lan; (v) Người hoặc đại diện của công ty chịu trách nhiệm xin giấy phép phải là công dân Thái. Yêu cầu về hiện diện thương mại trong các ngành hoặc phân ngành phải tuân theo các điều kiện bổ sung (nếu có) theo cam kết cụ thể của từng ngành.

Đối với Mode 4 (Di chuyển thể nhân): Tất cả các biện pháp liên quan đến việc di chuyển tạm thời của thể nhân đều không cam kết, ngoại trừ các điều khoản, điều kiện, giới hạn hoặc tiêu chuẩn liên quan đến việc

nhập cảnh và tạm trú của thể nhân thuộc các nhóm được đề cập trong Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân của Thái Lan tại Phụ lục IV. Thể nhân phải đáp ứng các tiêu chí do Bộ Lao động và các cơ quan liên quan đặt ra để được cấp giấy phép hoặc chấp thuận trong bất kỳ ngành hoặc phân ngành nào mà luật pháp Thái Lan yêu cầu.

Thể nhân hoặc pháp nhân của một bên khác nếu mua hoặc sở hữu đất sẽ không đủ điều kiện để thực hiện quyền và đặc quyền theo Hiệp định này. Thể nhân hoặc pháp nhân nhận được các đặc quyền hoặc ưu đãi đặc biệt từ cơ quan Thái Lan để cung cấp dịch vụ sẽ không được yêu cầu hưởng lợi ích theo Hiệp định này.

12.2.2. Cam kết cụ thể

Thái Lan cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Thái Lan sẽ mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Thái Lan; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Thái Lan không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài ra, theo cách phân loại của Thái Lan, có 02 phân ngành khác thuộc nhóm dịch vụ chuyên môn, gồm dịch vụ dự báo thời thiết và khí tượng thủy văn (CPC 83550) và dịch vụ thiết kế công nghiệp (CPC phiên bản 2.1: 83912). Các cam kết cụ thể của Thái Lan đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Thái Lan đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: Khách kinh doanh ngắn hạn và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

Đối với nhóm "khách kinh doanh ngắn hạn", Thái Lan cam kết các cá nhân xin nhập cảnh hoặc lưu trú tạm thời ở Thái Lan, nhận thù lao và hỗ trợ tài chính trong thời gian lưu trú từ bên ngoài Thái Lan nếu là: (i) đại diện cho người bán hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ, vì mục đích thương thảo bán hàng, cung cấp dịch vụ hoặc ký kết hợp đồng để bán hàng; (ii) nhân viên của một pháp nhân chỉ nhằm mục đích thiết lập đầu tư hoặc thành lập hiện diện thương mại tại Thái Lan; (iii) tham gia vào các cuộc thương thảo hoặc cuộc họp kinh doanh; hoặc (iv) thiết lập đầu tư hoặc thành lập hiện diện thương mại ở Thái Lan, thì sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời không qua 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

Đối với nhóm "người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp", Thái Lan cam kết các cá nhân là nhân viên của công ty nước ngoài được điều chuyển tạm thời để cung cấp dịch vụ thông qua văn phòng đại diện,

chi nhánh, công ty con hoặc công ty liên kết tại Thái Lan và là một trong những vị trí sau: (i) cán bộ điều hành chỉ đạo việc quản lý tổ chức và thực hiện quyền hạn lớn trong việc ra quyết định, nhận chỉ đạo và giám sát chung từ các cán bộ điều hành cấp cao hơn; (ii) quản lý chỉ đạo tổ chức, phòng ban hoặc bộ phận và thực hiện các chức năng giám sát và kiểm soát đối với các nhân viên giám sát, quản lý hoặc chuyên nghiệp khác; và (iii) chuyên gia có kiến thức ở mức độ chuyên môn cao cần thiết cho việc thiết lập hoặc cung cấp dịch vụ, hoặc có kiến thức độc quyền về dịch vụ, thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hoặc quản lý của tổ chức, sẽ được nhập cảnh và lưu trú trong thời gian đầu không vượt quá 01 năm kể từ ngày nhập cảnh, sẽ được gia hạn thêm 3 lần, mỗi lần không quá 01 năm.

Trong số các ngành dịch vụ chuyên môn, Thái Lan chỉ áp dụng cam kết trên của mình cho dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672) nhưng trong đó, không cam kết với kỹ sư dân dụng.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ pháp lý (CPC 86111, 86119, 86120, 86130, 86190): Thái Lan cam kết mở cửa đối với dịch vụ pháp lý nhưng với một số hạn chế. Thái Lan không cam kết nghĩa vụ MA, NT đối với mode 1, nghĩa là Thái Lan có quyền hạn chế, quyết định về việc công ty luật nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới theo hình thức trực tuyến, ngoại trừ Thái Lan vẫn mở cửa mode 1 riêng đối với dịch vụ tư vấn pháp lý cho việc soạn thảo các văn bản chỉ liên quan đến luật thương mại quốc tế, không bao gồm luật và quy định địa phương (*một phần của CPC Phiên bản 1.1 82119*). Đối với mode 2, Thái Lan không áp đặt hạn chế và cho phép người dân Thái Lan sử dụng dịch vụ pháp lý ở nước ngoài. Về mode 3, Thái Lan chỉ cho phép các công ty luật được thành lập theo luật pháp Thái Lan, với điều kiện vốn góp của bên nước ngoài không vượt quá 49%.

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 86211 đến 86213, 86219, 86220): Thái Lan mở cửa mode 1 cho các dịch vụ nêu trên nhưng yêu cầu dịch vụ kiểm toán phải được xác thực bởi kiểm toán viên được cấp phép tại Thái Lan. Đối với mode 3, công ty nước ngoài chỉ có thể hoạt động thông qua liên doanh hoặc đối tác với các công ty Thái Lan, với hạn chế tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 49% vốn đăng ký, số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một nửa tổng số cổ đông.

Trong dịch vụ ghi sổ kế toán, Thái Lan chỉ cam kết đối với việc hoàn thuế cho công ty liên kết của chính công ty gốc (CPC phiên bản 1.1: một phần của 82220) theo hướng mở cửa mode 2 nhưng không cam kết đối với mode 1 và yêu cầu đối với mode 3 là công ty nước ngoài chỉ có thể hoạt động thông qua liên doanh hoặc đối tác với các công ty Thái Lan, với hạn chế tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ thuế (gồm dịch vụ lập kế hoạch và chuẩn bị thuế cá nhân cho nhân viên toàn bộ doanh nghiệp (một phần của CPC Phiên bản 1.1: 82330)): Thái Lan mở cửa mode 1 và mode 2. Với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 51% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 86711-86714, 86719): Thái Lan mở cửa mode 1 và 2 đối với dịch vụ này nhưng dịch vụ cung cấp theo mode 1 phải được chứng thực bởi kiến trúc sư được cấp phép tại Thái Lan. Đối với mode 3, tỷ lệ sở hữu vốn nước ngoài không được vượt quá 49% tổng vốn đăng ký và số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một nửa tổng số cổ đông.

- Đối với dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672): Thái Lan mở cửa đối với mode 1 và mode 2 nhưng dịch vụ cung cấp theo mode 1 cần được chứng thực bởi kỹ đã được cấp phép tại Thái Lan. Đối với mode 3, Thái Lan chỉ cho phép hiện diện thương mại tại Thái Lan dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, liên doanh hữu hạn hoặc liên doanh thông thường đã đăng ký, với trụ sở đặt tại Thái Lan, và (a) có tỷ lệ góp vốn nước ngoài không quá 49% và số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một nửa tổng số cổ đông, (b) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn: tối thiểu một nửa giám đốc quản lý là người Thái Lan và có cấp phép từ Hội đồng Kỹ sư; và (c) đối với liên doanh hữu hạn hoặc liên doanh thường: quản lý đứng đầu phải là người Thái Lan và tối thiểu một nửa quản lý đứng đầu phải là người Thái Lan và có cấp phép từ Hội đồng Kỹ sư.

- Đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673): Thái Lan mở cửa đối với mode 1 và mode 2 nhưng yêu cầu dịch vụ được cung cấp theo mode 1 phải được chứng thực bởi các kỹ sư được cấp phép tại Thái Lan. Đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 86741-86742 và CPC 863211 theo phiên bản 1.1): Thái Lan cam kết mở cửa đối với mode 1 và mode 2, nhưng yêu cầu dịch vụ cung cấp theo mode 1 phải được chứng thực bởi các kiến trúc sư được cấp phép tại Thái Lan. Đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 49% vốn đăng ký, số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một

nửa tổng số cổ đông. Riêng với dịch vụ phát triển liên quan đến sử dụng đất, hệ thống đường bộ và dịch vụ đất đai (CPC 863211), tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 51% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ thú y (CPC 932): Thái Lan chỉ cam kết với dịch vụ thú y cho gia súc (CPC bản 1.1: 93220) theo hướng mở cửa đối với mode 1 và mode 2 và, đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ cung cấp bởi nữ hộ sinh, y tá, chuyên gia vật lý trị liệu và hộ tá (CPC 93191): Thái Lan chỉ cam kết với dịch vụ điều dưỡng vật lý trị liệu và dịch vụ y tế được cung cấp trong bệnh viện (CPC bản 1.1: 93191) theo hướng mở cửa đối với mode 1 và mode 2, và đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ dự báo thời thiết và khí tượng thủy văn (CPC bản 1.1: 83550): Thái Lan mở cửa đối với mode 1 và mode 2, và đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 70% vốn đăng ký.

- Đối với dịch vụ thiết kế công nghiệp (CPC phiên bản 2.1: 83912): Thái Lan không cam kết mở cửa mode 1, mở cửa hoàn toàn mode 2 và đối với mode 3, tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được vượt quá 49% vốn đăng ký, số lượng cổ đông nước ngoài phải ít hơn một nửa tổng số cổ đông.

12.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Trong các cam kết dịch vụ của Thái Lan, chính phủ thường đặt ra một số ngoại lệ nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, an ninh và văn hóa. Việc áp dụng ngoại lệ giúp đảm bảo quyền tự chủ trong quản lý các dịch vụ thiết yếu và bảo vệ tài nguyên quốc gia, cho phép Thái Lan giữ lại quyền điều chỉnh và kiểm soát các lĩnh vực nhạy cảm mà không vi phạm các cam kết chung trong RCEP.

Một số ngoại lệ tiêu biểu của Thái Lan có thể kể đến như:

Thái Lan giữ quyền quản lý hoặc chưa cam kết mở cửa đối các dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục, điện, nước và giao thông để bảo vệ lợi ích quốc gia. Việc này đảm bảo các dịch vụ thiết yếu được cung cấp ổn định, an toàn và phù hợp với quyền lợi của người dân. Chính phủ có thể kiểm soát sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài nhằm tránh tư nhân hóa quá mức và bảo vệ giá cả hợp lý. Điều này giúp duy trì an sinh xã hội và đảm bảo các dịch vụ luôn nằm dưới sự kiểm soát của quốc gia này.

Ngoài ra, các dịch vụ có tác động đến an ninh quốc gia như viễn thông, năng lượng và cơ sở hạ tầng quan trọng có thể bị hạn chế. Thái Lan

kiểm soát chặt các lĩnh vực này nhằm đảm bảo quyền lợi và an ninh quốc gia không bị đe dọa bởi yếu tố bên ngoài. Việc bảo vệ các dịch vụ này không chỉ ngăn chặn những rủi ro tiềm tàng từ bên ngoài mà còn giúp Thái Lan tự chủ và bảo vệ lợi ích quốc gia trước các tình huống khủng hoảng.

Thái Lan cũng có thể loại trừ một số lĩnh vực dịch vụ ra khỏi các cam kết mở cửa nếu những dịch vụ này có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, ngăn chặn ô nhiễm và đảm bảo sự bền vững của đa dạng sinh học.

Đối với nội dung về di chuyển thể nhân, Thái Lan áp dụng các quy định nghiêm ngặt đối với việc sử dụng lao động nước ngoài, đặc biệt trong những lĩnh vực nhạy cảm hoặc yêu cầu kỹ năng đặc biệt. Chính phủ yêu cầu các doanh nghiệp quốc tế phải tuân thủ các quy định nội địa liên quan đến việc tuyển dụng và sử dụng lao động, nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động trong nước. Điều này giúp đảm bảo rằng thị trường lao động trong nước được bảo vệ và phát triển bền vững.

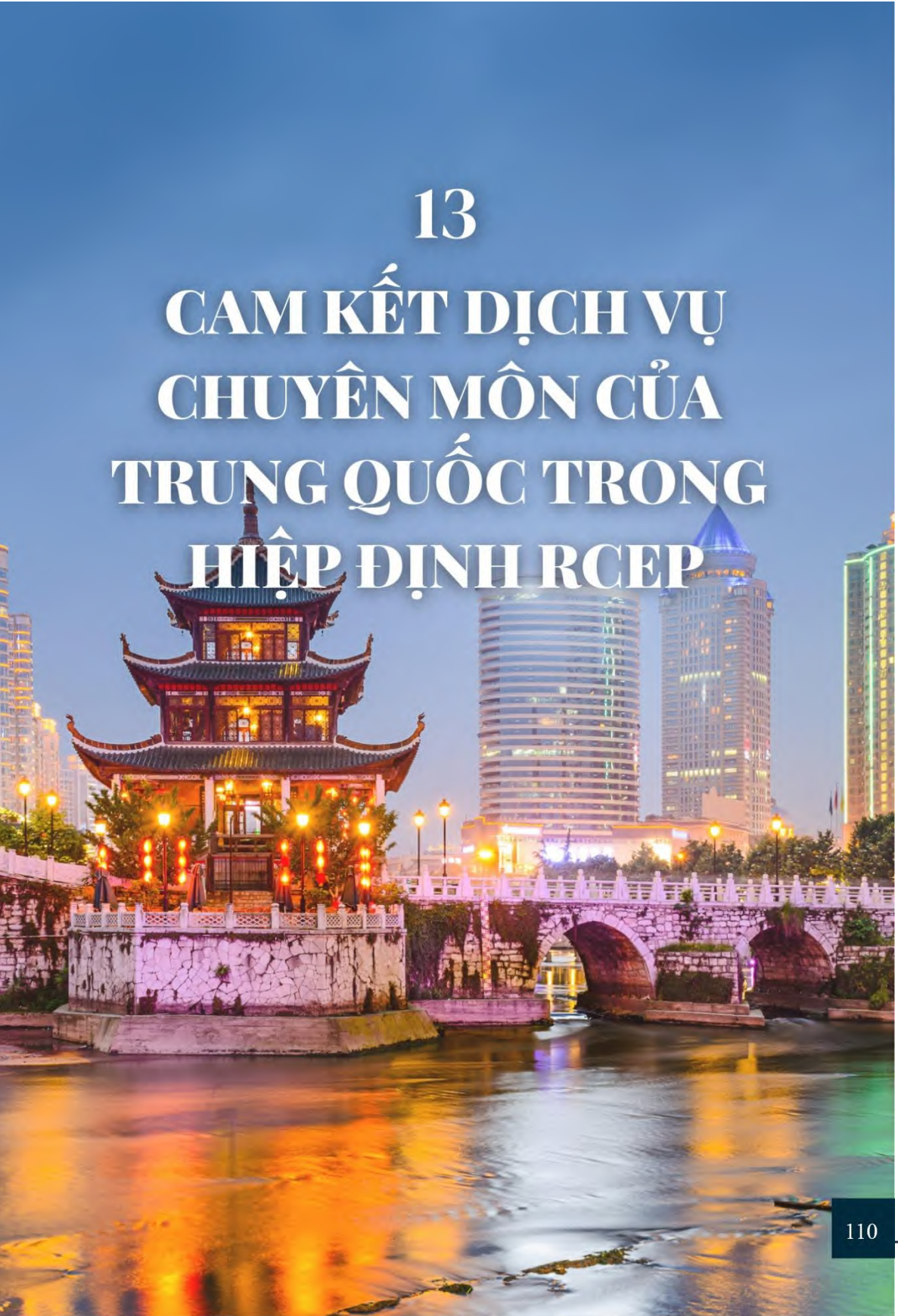

13
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA TRUNG QUỐC TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

»» CHƯƠNG 13 ««

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA TRUNG QUỐC TRONG RCEP

13.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc

13.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc

Ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng trong thập kỷ qua và ngày càng trở thành một phần quan trọng của nền kinh tế quốc gia này. Ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc nổi bật như dịch vụ pháp lý, kế toán, kiểm toán, thuế, kiến trúc, tư vấn kỹ thuật... Các công ty dịch vụ chuyên môn ở Trung Quốc đã chứng kiến sự mở rộng đáng kể nhờ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế và nhu cầu ngày càng cao từ các doanh nghiệp trong nước cũng như quốc tế. Chính sách mở cửa và các sáng kiến của chính phủ nhằm thúc đẩy đổi mới và hợp tác quốc tế cũng đóng góp vào sự phát triển này.

13.1.2. Đặc điểm, thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Trung Quốc nổi bật với quy mô lớn và chất lượng dịch vụ cao. Các công ty trong các lĩnh vực tư vấn quản lý, luật pháp, và kế toán như Deloitte Trung Quốc và Zhong Lun Law Firm đều có sự hiện diện rộng rãi không chỉ trong nước mà còn trên thị trường quốc tế. Điều này cho thấy, Trung Quốc có khả năng cung cấp dịch vụ chuyên môn với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu từ các doanh nghiệp toàn cầu.

Ngoài ra, Trung Quốc đã và đang đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ chuyên môn. Các trường đại học hàng đầu như Đại học Thanh Hoa và Đại học Bắc Kinh

hiện đang cung cấp các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các lĩnh vực dịch vụ như luật pháp, kế toán, và tư vấn quản lý. Sự phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao đã giúp ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế.

Trung Quốc cũng đang tích cực quốc tế hóa ngành dịch vụ chuyên môn của mình. Các công ty dịch vụ chuyên môn lớn của Trung Quốc đã mở rộng hoạt động ra quốc tế, cung cấp dịch vụ cho các khách hàng toàn cầu. Ví dụ, các công ty luật như King & Wood Mallesons và các công ty kế toán như BDO China đã thiết lập văn phòng ở nhiều quốc gia và khu vực, hỗ trợ các khách hàng quốc tế và tham gia vào các dự án xuyên biên giới.

Với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, Trung Quốc có nhu cầu cao đối với các dịch vụ chuyên môn. Các công ty trong nước, đặc biệt là các tập đoàn lớn như Alibaba và Baidu, cần nhiều bên cung ứng các dịch vụ tư vấn và kỹ thuật chất lượng cao để duy trì và mở rộng hoạt động. Điều này tạo ra cơ hội lớn cho các công ty dịch vụ chuyên môn trong việc cung cấp các giải pháp tùy chỉnh và phát triển các dịch vụ chuyên sâu.

Với quy mô lớn, ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc đã nhanh chóng vươn lên trở thành một trong những ngành có tiềm năng phát triển cao nhất. Các doanh nghiệp lớn trong ngành, như các công ty luật quốc tế có văn phòng tại Trung Quốc và các công ty kiến trúc như China State Construction Engineering Corporation, đã chứng minh khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Không những vậy, Trung Quốc cũng đang tập trung vào việc quốc tế hóa ngành dịch vụ chuyên môn của mình. Các công ty Trung Quốc không chỉ cung cấp dịch vụ trong nước mà còn mở rộng ra thị trường quốc tế. Ví dụ, các công ty luật và kế toán lớn như Zhong Lun Law Firm và King & Wood Mallesons Trung Quốc đã mở văn phòng tại nhiều quốc gia và khu vực, hỗ trợ các khách hàng quốc tế và tham gia vào các dự án xuyên biên giới.

13.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Trung Quốc được quản lý bởi các cơ quan và tổ chức chuyên ngành như Hiệp hội Luật sư Trung Quốc (All China Lawyers Association - ACLA) trong lĩnh vực luật pháp, và Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Trung Quốc (CICPA) trong lĩnh vực kế toán. Các tổ chức này giám sát hoạt động của các chuyên gia, cấp phép hành nghề, và đảm bảo các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên môn trong ngành.

Bộ Tư pháp Trung Quốc chịu trách nhiệm về quản lý dịch vụ pháp lý, đặc biệt là việc cấp phép và kiểm soát chất lượng của các công ty luật.

Tương tự, Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị - Nông thôn (Ministry of Housing and Urban-Rural Development - MOHURD) giám sát các dịch vụ liên quan đến kiến trúc và kỹ thuật, đặt ra các tiêu chuẩn về xây dựng và thiết kế.

Các chuyên gia trong ngành dịch vụ chuyên môn ở Trung Quốc phải đáp ứng các yêu cầu cấp phép nghiêm ngặt. Ví dụ, luật sư phải vượt qua kỳ thi tư pháp quốc gia và được Hiệp hội Luật sư Trung Quốc cấp phép hành nghề. Tương tự, các kỹ sư và kiến trúc sư phải tuân theo các quy định nghiêm ngặt của MOHURD và các hiệp hội chuyên ngành liên quan. Các chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ này nhằm đảm bảo rằng chỉ những người có trình độ và kinh nghiệm cao nhất mới được phép hành nghề trong các lĩnh vực chuyên môn này.

Để duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, Trung Quốc đã thiết lập các chương trình đào tạo liên tục cho các chuyên gia trong ngành dịch vụ chuyên môn. Các hiệp hội nghề nghiệp như ACLA và CICPA yêu cầu các thành viên của mình tham gia các khóa đào tạo hàng năm để cập nhật kiến thức mới về pháp luật, kế toán, và các lĩnh vực chuyên môn khác. Ví dụ, trong ngành kiến trúc, các kỹ sư và kiến trúc sư thường phải hoàn thành các khóa đào tạo liên quan đến công nghệ xây dựng mới hoặc các tiêu chuẩn thiết kế xanh, đảm bảo rằng họ luôn đáp ứng các yêu cầu mới nhất của ngành.

Chính phủ Trung Quốc triển khai nhiều chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ chuyên môn. Một ví dụ điển hình là sáng kiến “Made in China 2025”, trong đó chính phủ khuyến khích sự phát triển của các dịch vụ tư vấn kỹ thuật và quản lý, giúp các doanh nghiệp chuyển đổi và áp dụng công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, các chính sách ưu đãi về thuế và hỗ trợ tài chính cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ chuyên môn phát triển.

Ngành dịch vụ chuyên môn của Trung Quốc đã và đang chứng tỏ vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Với sự quản lý chặt chẽ của các cơ quan chuyên ngành, các quy định rõ ràng, cùng với nguồn nhân lực có trình độ cao, Trung Quốc đang phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực tư vấn quản lý, dịch vụ pháp lý, kế toán và kỹ thuật. Việc quốc tế hóa và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ giúp Trung Quốc gia tăng vị thế của mình trong ngành dịch vụ chuyên môn toàn cầu.

13.2. Cam kết của Trung Quốc về Dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trung Quốc đã cam kết về dịch vụ chuyên môn theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là Trung Quốc sẽ mở cửa thị trường cho

những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của Trung Quốc; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì Trung Quốc không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc xem xét các cam kết cụ thể đối với từng phân ngành thuộc dịch vụ chuyên môn, ta cũng cần chú ý đến các cam kết được liệt kê ở phần cam kết chung vì phần này sẽ bao quát hết các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ (bao gồm cả Dịch vụ chuyên môn) xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ.

13.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của Trung Quốc đối với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ như sau:

"Các doanh nghiệp hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài" được đề cập trong Biểu cam kết này bao gồm các doanh nghiệp được các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn hoàn toàn hoặc một phần, được đăng ký trong lãnh thổ Trung Quốc theo Luật Đầu tư Nước ngoài (2019), và tuân thủ theo các điều khoản và hạn chế được quy định trong Biểu cam kết này. Trung Quốc không đưa ra ràng buộc đối với các chi nhánh được thành lập từ vốn đầu tư nước ngoài, trừ khi có quy định khác trong các lĩnh vực cụ thể. Các văn phòng đại diện của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép thành lập tại Trung Quốc nhưng không được tham gia vào bất kỳ hoạt động sinh lợi nhuận nào, ngoại trừ các văn phòng đại diện thuộc CPC 861, 862, 863, 865 trong các cam kết cụ thể theo ngành.

- *Về vấn đề quyền sở hữu đất*, đất đai ở Trung Quốc thuộc sở hữu nhà nước. Việc sử dụng đất của các doanh nghiệp và cá nhân phải tuân theo các giới hạn thời gian tối đa như sau:

1. 70 năm cho mục đích dân cư;

2. 50 năm cho mục đích công nghiệp;

3. 50 năm cho mục đích giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế công cộng và thể dục thể thao;

4. 40 năm cho mục đích thương mại, du lịch và giải trí;

5. 50 năm cho mục đích sử dụng tổng hợp hoặc các mục đích khác.

- *Về vấn đề di chuyển thể nhân (mode 4)*, Trung Quốc chưa cam kết đối với mode 4, ngoại trừ các biện pháp ảnh hưởng đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của những thể nhân được đề cập trong Biểu cam kết của Trung Quốc trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân).

13.2.2. Cam kết cụ thể

Ngoài việc cam kết các nghĩa vụ của chương Thương mại dịch vụ (xem thêm phần 2.1.2) và Phụ lục về dịch vụ chuyên môn (xem thêm phần 2.2.4), cam kết cụ thể của Trung Quốc đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Trung Quốc đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, vợ/chồng đi kèm và người phụ thuộc.

Đối với nhóm "khách kinh doanh", Trung Quốc cam kết các cá nhân không nhận thu nhập từ các nguồn ở Trung Quốc: (i) người bán dịch vụ, đại diện bán hàng của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài muốn nhập cảnh và lưu trú tạm thời vào Trung Quốc với mục đích tham gia đàm phán để bán dịch vụ, trong đó không bao gồm hoạt động bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp dịch vụ trực tiếp; (ii) một nhà đầu tư, hoặc một đại diện được ủy quyền hợp lệ của một nhà đầu tư muốn nhập cảnh tạm thời vào Trung Quốc để thiết lập, mở rộng, giám sát hoặc thanh lý hiện diện thương mại của nhà đầu tư đó; hoặc (iii) một nhà bán hàng muốn nhập cảnh tạm thời vào lãnh thổ Trung Quốc để đàm phán bán hàng hóa, trong đó không bao gồm hoạt động bán hàng trực tiếp cho công chúng, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời tại Trung Quốc trong 90 ngày.

Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp", Trung Quốc cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài, muốn nhập cảnh và lưu trú ở Trung Quốc để cung cấp dịch vụ thông qua văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc công ty con, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời theo các điều khoản của hợp đồng liên quan hoặc lưu trú lần đầu ở Trung Quốc trong 3 năm, tùy theo điều kiện nào ngắn hơn. Thời gian lưu trú tạm thời có thể được gia hạn cho các giai đoạn tiếp theo, với điều kiện: (i) điều khoản hợp đồng còn hiệu lực và (b) nhân sự di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp đó tuân thủ các biện pháp nhập cư áp dụng cho việc nhập cảnh tạm thời. Trung Quốc cũng cam kết sẽ không áp đặt giới hạn số lượng và không yêu cầu kiểm tra thị trường lao động hoặc các thủ tục tương tự đối với việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của nhóm này miễn là nước RCEP khác cũng cam kết tương tự.

Đối với nhóm "Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS)", Trung Quốc cam kết các cá nhân nước ngoài nhập cảnh tạm thời vào Trung Quốc để thực hiện dịch vụ theo hợp đồng của công ty chủ quản và người tiêu dùng dịch vụ tại Trung Quốc, trong đó công ty chủ quản phải là một công ty, đối tác hoặc doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại lãnh thổ Trung Quốc, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng nhận thù lao từ công ty chủ quản của mình khi đang ở nước ngoài và có trình độ giáo dục và kỹ thuật (chuyên môn) phù hợp với dịch vụ được cung cấp, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời tại Trung Quốc theo thời hạn của hợp đồng nhưng không được vượt quá 1 năm. Ngoài ra Trung Quốc có thể tiến hành kiểm tra thị trường lao động hoặc có thể áp đặt số lượng nhập cảnh tạm thời giới hạn với nhóm thể nhân này.

Cam kết CSS trên của Trung Quốc sẽ áp dụng cho các ngành dịch vụ chuyên môn sau: dịch vụ kế toán, dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ quy hoạch đô thị (không bao gồm dịch vụ quy hoạch đô thị chung). Cam kết CSS trên không áp dụng cho các dịch vụ chuyên môn khác.

Đối với nhóm "Vợ/chồng và người phụ thuộc", Trung Quốc cam kết vợ/chồng và người phụ thuộc đi kèm của người nhập cảnh gồm quản lý và giám đốc điều hành (thuộc nhóm "*Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp*") được cấp thời gian lưu trú tạm thời không dưới 12 tháng, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời tại Trung Quốc không quá 12 tháng, và không được vượt quá thời gian lưu trú của người nhập cảnh. Quyền làm việc của Nhóm thể nhân này phải tuân theo các quy định và pháp luật của Trung Quốc.

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

- Đối với dịch vụ pháp lý (CPC 861): Trung Quốc loại trừ việc hành nghề với luật Trung Quốc khỏi phạm vi cam kết. Cam kết đối với các hoạt động còn lại như sau:

Trung Quốc không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2.

Đối với mode 3, các công ty luật nước ngoài chỉ có thể cung cấp dịch vụ pháp lý dưới hình thức văn phòng đại diện. Văn phòng đại diện có thể tham gia các hoạt động kinh doanh sinh lợi. Phạm vi kinh doanh của văn phòng đại diện nước ngoài chỉ bao gồm:

1. Cung cấp tư vấn cho khách hàng về pháp luật của quốc gia/khu vực mà luật sư của công ty luật được phép hành nghề và về các công ước quốc tế và thực tiễn;

2. Xử lý các vụ việc pháp lý thuộc quốc gia/khu vực mà luật sư của công ty luật được phép hành nghề theo uỷ thác của khách hàng hoặc các công ty luật Trung Quốc;

3. Thay mặt khách hàng nước ngoài, hoặc nhận ủy thác các công ty luật Trung Quốc giải quyết các vụ việc pháp lý tại Trung Quốc;

4. Ký kết hợp đồng ủy thác dài hạn với các công ty luật Trung Quốc để xử lý các vụ việc pháp lý; và

5. Cung cấp thông tin về tác động của môi trường pháp lý Trung Quốc.

Theo thỏa thuận giữa hai bên, thông qua ủy thác văn phòng đại diện nước ngoài được phép trực tiếp hướng dẫn các luật sư trong công ty luật Trung Quốc được ủy thác. Đại diện của công ty luật nước ngoài phải là các luật sư có chứng chỉ hành nghề với thời gian hành nghề ít nhất là hai năm ngoài lãnh thổ Trung Quốc và phải là thành viên của đoàn luật sư hoặc hiệp hội luật sư tại một quốc gia thành viên RCEP. Trưởng đại diện của văn phòng phải là đối tác hoặc có vị trí tương đương của một công ty luật thuộc một quốc gia thành viên RCEP (ví dụ, thành viên của công ty luật thuộc tập đoàn trách nhiệm hữu hạn) và đã hành nghề ít nhất 3 năm ngoài lãnh thổ Trung Quốc.

Trung Quốc cũng yêu cầu tất cả các đại diện của văn phòng đại diện phải cư trú tại Trung Quốc ít nhất là 6 tháng/năm đồng thời không được tuyển dụng luật sư người Trung Quốc có chứng chỉ hành nghề.

Ngoài ra, theo luật pháp và quy định của Trung Quốc, các công ty luật nước ngoài đã thành lập văn phòng đại diện tại Khu Thí điểm Thương mại Tự do Trung Quốc tại Thượng Hải (FTZ) được phép ký kết hợp đồng với các công ty luật Trung Quốc tại khu vực này. Dựa trên các hợp đồng đã ký kết, các công ty luật nước ngoài và Trung Quốc có thể cử luật sư của mình sang bên còn lại làm cố vấn pháp lý. Điều này đồng nghĩa công ty luật Trung Quốc có thể cử luật sư của mình sang công ty luật nước ngoài làm cố vấn pháp lý về pháp luật Trung Quốc và thực tiễn pháp luật quốc tế, tương tự các công ty luật nước ngoài có thể cử luật sư của mình sang các công ty luật Trung Quốc. Hai bên sẽ hợp tác trong phạm vi kinh doanh tương ứng của mình.

Theo luật pháp và quy định của Trung Quốc, các công ty luật nước ngoài đã thành lập văn phòng đại diện tại FTZ được phép liên doanh với các công ty luật Trung Quốc tại khu vực này. Trong thời gian hiệu lực của liên doanh, hai công ty luật vẫn sẽ giữ tư cách pháp lý độc lập, tên riêng và hoạt động tài chính độc lập, đồng thời chịu trách nhiệm dân sự một cách

độc lập. Khách hàng của liên doanh này không bị giới hạn tại FTZ. Tuy nhiên, luật sư nước ngoài trong trong hoạt động liên doanh này không được phép tư vấn luật pháp Trung Quốc.

- Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862): Trung Quốc không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2. Tuy nhiên, đối với mode 3, Trung Quốc yêu cầu nếu công ty dịch vụ nước ngoài muốn thành lập hiện diện thương mại hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán ở Trung Quốc thì phải thành lập dưới dạng công ty kế toán hợp danh hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn, và phải được cấp chứng chỉ Kế toán chuyên nghiệp (CPA) bởi cơ quan chức năng Trung Quốc.

Ngoài ra, Trung Quốc cam kết các công ty kế toán nước ngoài được phép liên kết với các công ty Trung Quốc và ký kết hợp đồng với các công ty liên kết đến từ các quốc gia RCEP khác. Việc cấp giấy phép cho thể nhân nước ngoài đã vượt qua kỳ thi CPA quốc gia của Trung Quốc sẽ được áp dụng theo chế độ đối xử quốc gia và ứng viên sẽ được thông báo kết quả bằng văn bản không quá 30 ngày sau khi nộp hồ sơ.

Đối với các công ty kế toán cung cấp dịch vụ CPC 862, các công ty này có thể tham gia vào các dịch vụ thuế và tư vấn quản lý và sẽ không bị áp đặt các yêu cầu về hình thức thành lập trong CPC 865 và 8630.

- Đối với dịch vụ thuế (CPC 863): Trung Quốc không áp đặt hạn chế đối với mode 1, mode 2 và mode 3. Trong đó, Trung Quốc còn cho phép các công ty nước ngoài thành lập công ty con 100% vốn nước ngoài.

- Đối với dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673), dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674): Trung Quốc không áp đặt hạn chế đối với mode 2 và mode 3. Trong đó, Trung Quốc còn cho phép các công ty nước ngoài thành lập công ty con có toàn bộ vốn góp nước ngoài. Đối với mode 1, trừ dịch vụ giải pháp thiết kế, những dịch vụ còn lại bắt buộc phải thông qua hợp tác với các tổ chức chuyên nghiệp Trung Quốc.

- Đối với dịch vụ y tế và nha khoa (CPC 9312): Trung Quốc không áp đặt hạn chế đối với mode 1 và mode 2. Đối với mode 3, Trung Quốc chỉ cho phép hình thức liên doanh hợp tác với đối tác người Trung Quốc với số lượng hạn chế. Tuy nhiên, Trung Quốc cho phép thành lập hiện diện thương mại với phần lớn tỷ lệ vốn góp từ nước ngoài. Ngoài ra Trung Quốc yêu cầu phần lớn bác sĩ và nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện và phòng khám có vốn đầu tư nước ngoài phải mang quốc tịch Trung Quốc.

Đối với dịch vụ này, Trung Quốc không hạn chế mode 4 tuy nhiên các bác sĩ nước ngoài có chứng chỉ hành nghề do nước chủ nhà cấp sẽ chỉ được cung cấp dịch vụ ngắn hạn từ 6 tháng đến 1 năm.

13.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Trung Quốc có thể áp dụng một số ngoại lệ chung của các FTA đối với các cam kết về dịch vụ chuyên môn khi cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia. Các ngoại lệ chung cơ bản bao gồm các biện pháp môi trường cần thiết để bảo vệ sự sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật và ngoại lệ an ninh quốc gia. Những ngoại lệ này cho phép Trung Quốc duy trì các quy định và chính sách cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Một số ngoại lệ tiêu biểu của Trung Quốc có thể kể đến như:

Trung Quốc chưa cam kết nghĩa vụ MA và NT đối với các dịch vụ xã hội vì mục đích công cộng cho cả 4 mode. Các dịch vụ này có thể thuộc về các công ty tư nhân độc quyền để cho phép Trung Quốc giữ vai trò quản lý mạnh mẽ trong lĩnh vực nhạy cảm này.

Ngoài ra, Trung Quốc bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà nước này cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình. Trong đó bao gồm việc kiểm tra các khoản đầu tư trong trường hợp bên còn lại bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì biện pháp mà nước đó cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh của mình. Quyền này được quy định trong Danh mục cam kết của Trung Quốc tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ) hoặc Phụ lục III (Danh mục bảo lưu các biện pháp không tương thích về dịch vụ và đầu tư), nhằm đảm bảo rằng Trung Quốc có thể bảo vệ các lợi ích cốt lõi trong môi trường đầu tư quốc tế.

Các công ty cung cấp dịch vụ chuyên môn từ nước ngoài cũng thường bị giới hạn về tỷ lệ sở hữu vốn hoặc phải hợp tác với các đối tác địa phương để thành lập hiện diện thương mại tại Trung Quốc.

Một số lĩnh vực dịch vụ chuyên môn cũng có thể bị giới hạn hoặc không được chính quyền Trung Quốc cho phép cung cấp bởi các công ty hoặc cá nhân nước ngoài.

Các ngoại lệ này giúp Trung Quốc bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm hoặc quan trọng của nền kinh tế, trong khi vẫn mở cửa cho đầu tư và hợp tác quốc tế.

14
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA NHẬT BẢN TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

»» CHƯƠNG 14 ««

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA NHẬT BẢN TRONG RCEP

14.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản

14.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản

Ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, với nhiều lĩnh vực như tư vấn pháp lý, kế toán, kiểm toán, bảo hiểm, tư vấn lao động và quản lý an toàn lao động. Đây là những dịch vụ yêu cầu trình độ chuyên môn cao, quy định nghiêm ngặt và cấp phép chặt chẽ từ các cơ quan chính phủ. Để hành nghề trong các ngành này, cá nhân hoặc doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý, được chứng nhận bởi các cơ quan chuyên ngành như Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi, cũng như các hiệp hội nghề nghiệp tương ứng.

Văn phòng tư vấn luật, kế toán và kiểm toán là những lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong ngành dịch vụ chuyên môn. Các quy định nghiêm ngặt về bằng cấp, kinh nghiệm và điều kiện hành nghề đã giúp ngành duy trì chất lượng cao. Nhật Bản cũng có những quy định cụ thể dành cho các dịch vụ liên quan đến tư vấn thuế, bảo hiểm xã hội, và lao động, với yêu cầu khắt khe về bằng cấp và đăng ký hành nghề.

Ngoài ra, ngành dịch vụ tư vấn kỹ thuật như thiết kế kiến trúc và xây dựng, kiểm tra an toàn công nghiệp, và đo lường môi trường làm việc cũng đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của các ngành công nghiệp khác. Quy định về an toàn lao động và môi trường làm việc đang ngày

càng được tăng cường, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Tuy nhiên, các thách thức lớn của ngành bao gồm việc cạnh tranh gia tăng và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Các công ty và chuyên gia dịch vụ chuyên môn đang phải thích nghi với các thay đổi, nâng cao kỹ năng và áp dụng công nghệ để duy trì sự cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

14.1.2. Đặc điểm, thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản

Ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản có những đặc điểm và thế mạnh nổi bật, góp phần làm nên uy tín và chất lượng cao của các dịch vụ này trên trường quốc tế:

- Đặc điểm đầu tiên là tính chuyên nghiệp và quy chuẩn cao. Nhật Bản có hệ thống pháp lý chặt chẽ, quy định rõ ràng về bằng cấp, chứng chỉ và kinh nghiệm để các cá nhân và tổ chức có thể hành nghề trong các lĩnh vực chuyên môn như pháp lý, kế toán, kiểm toán, và tư vấn lao động. Các cơ quan như Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi cùng các hiệp hội chuyên ngành chịu trách nhiệm giám sát và quản lý hoạt động của các dịch vụ này, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng.

- Thứ hai, ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản nổi bật với sự chú trọng vào đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Các chuyên gia và doanh nghiệp trong ngành đều cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng cao, đảm bảo tính minh bạch và trung thực. Điều này giúp duy trì lòng tin của khách hàng và cộng đồng đối với các dịch vụ như tư vấn pháp lý, kiểm toán, và bảo hiểm xã hội.

- Thế mạnh lớn nhất của ngành dịch vụ chuyên môn Nhật Bản nằm ở việc ứng dụng công nghệ và sáng tạo trong quá trình cung cấp dịch vụ. Các công ty và cá nhân trong ngành luôn đi đầu trong việc áp dụng công nghệ số và tự động hóa để nâng cao hiệu quả công việc. Các dịch vụ như kiểm toán, tư vấn tài chính và đo lường môi trường làm việc ngày càng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu, giúp cải thiện quy trình và tăng cường độ chính xác.

- Cuối cùng, sự ổn định và tính bền vững cũng là một thế mạnh của ngành. Với hệ thống quy định chặt chẽ và sự kiểm soát từ các cơ quan quản lý, dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản được đánh giá cao về độ tin cậy và ổn định. Điều này giúp Nhật Bản duy trì vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực tư vấn pháp lý, tài chính và kỹ thuật.

14.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản

Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Nhật Bản phản ánh sự nghiêm ngặt và tính hiệu quả cao, giúp duy trì chất lượng dịch vụ và sự tin cậy từ cả trong và ngoài nước thông qua một số nội dung sau:

- Hệ thống pháp luật Nhật Bản yêu cầu các cá nhân và tổ chức hoạt động trong ngành dịch vụ chuyên môn như pháp lý, kế toán, kiểm toán, và tư vấn lao động phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt. Mỗi ngành đều có luật riêng quy định rõ ràng về bằng cấp, chứng nhận, và quy trình hành nghề, ví dụ như Luật Chứng nhận kế toán Công (CPA) hay Luật Tư vấn pháp lý (Bengoshi). Các cơ quan chức năng như Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi có trách nhiệm cấp phép, giám sát, và kiểm tra hoạt động của các chuyên gia và doanh nghiệp trong ngành.

- Nhiều hiệp hội chuyên ngành đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và điều chỉnh hoạt động của các chuyên gia. Ví dụ, hiệp hội luật sư, kế toán công và kiểm toán viên đều có quyền giám sát việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, và xử lý các vi phạm. Các hiệp hội này đảm bảo rằng mọi hoạt động trong ngành đều diễn ra minh bạch và đúng chuẩn mực.

- Ngoài ra, một trong những đặc điểm nổi bật của quản lý ngành dịch vụ chuyên môn tại Nhật Bản là yêu cầu về đào tạo liên tục. Các chuyên gia phải tham gia các khóa học bồi dưỡng để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, giúp họ cập nhật với các xu hướng và quy định mới nhất. Điều này đảm bảo rằng chất lượng dịch vụ không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và môi trường kinh doanh.

- Tuy nhiên, dù có hệ thống quản lý chặt chẽ, ngành dịch vụ chuyên môn Nhật Bản cũng đối mặt với những thách thức. Sự toàn cầu hóa và phát triển công nghệ đang làm thay đổi nhu cầu của thị trường, đòi hỏi các cơ quan quản lý phải điều chỉnh chính sách nhanh chóng để bắt kịp xu thế. Ngoài ra, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài cũng tạo áp lực lớn lên hệ thống quản lý hiện tại.

Nhìn chung, Nhật Bản đã xây dựng một hệ thống quản lý ngành dịch vụ chuyên môn vững chắc, nhưng vẫn cần tiếp tục cải thiện để đáp ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế và công nghệ.

14.2. Cam kết của Nhật Bản về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong RCEP, Nhật Bản áp dụng phương thức cam kết "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó bao gồm cả dịch vụ chuyên môn, tức là Nhật Bản mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là có hạn chế hoặc cấm trong Danh

mục NCM của nước này. Mặc dù nhiều dịch vụ chuyên môn được mở cửa hoàn toàn nhưng các yêu cầu về liên doanh, tỷ lệ sở hữu, và yêu cầu tuyển dụng nhân sự địa phương trong các bảo lưu quét (các bảo lưu có phạm vi bảo lưu rộng, xuyên suốt tất cả hoặc nhiều ngành) có thể vẫn đặt ra một số hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này.

Các hạn chế mà Nhật Bản còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn bao gồm:

14.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Dịch vụ pháp lý (CPC 861)

Nhật Bản bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ pháp lý như sau (các hạn chế này đều được quy định trong luật pháp của Nhật Bản):

Đối với văn phòng luật sư:

+ Một người nếu muốn cung cấp dịch vụ pháp lý thì phải có trình độ luật sư theo luật pháp và quy định của Nhật Bản ("Bengoshi") và phải thành lập một văn phòng trong khu vực mà hiệp hội luật sư địa phương mà người đó là thành viên hoạt động.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ pháp lý thì phải thành lập một công ty luật chuyên nghiệp theo luật pháp và quy định của Nhật Bản ("Bengoshi-Hojin").

+ Một người nếu muốn cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý về luật nước ngoài thì phải có trình độ luật sư nước ngoài theo luật pháp và quy định của Nhật Bản ("Gaikokuho-Jimu-Bengoshi") và phải thành lập một văn phòng trong khu vực mà hiệp hội luật sư địa phương mà người đó là thành viên hoạt động.

+ Luật sư nước ngoài phải cư trú tại Nhật ít nhất 180 ngày mỗi năm.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý liên quan đến luật nước ngoài thì phải thành lập một công ty luật nước ngoài theo luật pháp và quy định của Nhật Bản ("Gaikokuho-Jimu-Bengoshi-Hojin").

Đối văn phòng luật sư sở hữu trí tuệ:

+ Phải được công nhận là luật sư sở hữu trí tuệ (Benrishi) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ luật sở hữu trí tuệ thì phải thành lập một công ty luật sở hữu trí tuệ theo luật pháp và quy định của Nhật Bản ("Tokkyo-Gyomu-Hojin").

Đối với Văn phòng công chứng và văn phòng thư ký tư pháp (hạn chế đối với phân ngành này có thể thêm việc vi phạm nghĩa vụ NT)

+ Chỉ công dân Nhật Bản mới có thể được bổ nhiệm làm công chứng viên tại Nhật Bản.

+ Công chứng viên phải thành lập một văn phòng tại địa điểm do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

+ Phải được công nhận là thư ký tư pháp (Shiho-Shoshi) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản và phải thành lập một văn phòng trong khu vực mà hiệp hội thư ký tư pháp mà cá nhân là thành viên hoạt động.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ thư ký tư pháp thì phải thành lập một công ty thư ký tư pháp theo luật pháp và quy định của Nhật Bản (““Shiho-Shoshi-Hojin””).

- Dịch vụ kế toán

Nhật Bản bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ kế toán như sau (các hạn chế này đều được quy định trong luật pháp của Nhật Bản):

+ Phải được công nhận là kế toán viên công chứng (Koninkaikeishi) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ kế toán viên công chứng thì phải thành lập một công ty kiểm toán (Kansa-Hojin) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản.

- Dịch vụ thuế

Nhật Bản bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ kế toán thuế viên như sau (các hạn chế này đều được quy định trong luật pháp của Nhật Bản):

+ Phải được công nhận là kế toán thuế viên (Zeirishi) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản và phải thành lập một văn phòng trong khu vực hoạt động của hiệp hội kế toán thuế viên mà cá nhân là thành viên.

+ Một doanh nghiệp nếu muốn cung cấp dịch vụ kế toán thuế thì phải thành lập một công ty kế toán thuế (Zeirishi-Hojin) theo luật pháp và quy định của Nhật Bản.

- Dịch vụ kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng

Nhật Bản bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ kiến trúc sư vã kỹ sư xây dựng như sau (các hạn chế này đều được quy định trong luật pháp của Nhật Bản):

+ Kiến trúc sư hoặc kỹ sư xây dựng, được công nhận theo luật pháp và quy định của Nhật Bản là kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng ("Kenchikushi"), hoặc người thuê kiến trúc sư hoặc kỹ sư xây dựng như

vậy, có ý định thực hiện các công việc thiết kế, giám sát thi công, công việc hành chính liên quan đến hợp đồng xây dựng, giám sát công việc xây dựng, khảo sát và đánh giá công trình, và đại diện trong các thủ tục theo luật pháp và quy định của Nhật Bản liên quan đến xây dựng, theo yêu cầu của người khác và nhận thù lao, phải thành lập một văn phòng tại Nhật Bản.

14.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép Nhật Bản duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu sau:

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B:

Nhật Bản bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, SMBD đối với việc chuyển nhượng hoặc thoái vốn hoặc tài sản của một doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan chính phủ, Nhật Bản có quyền: (i) cấm hoặc áp đặt hạn chế về quyền sở hữu cổ phần hoặc tài sản đó của các nhà đầu tư của một Bên khác hoặc các khoản đầu tư của họ; (ii) áp đặt hạn chế về khả năng của các nhà đầu tư của một Bên khác hoặc các khoản đầu tư của họ trong việc kiểm soát bất kỳ doanh nghiệp nào được thành lập sau khi chuyển nhượng; hoặc (iii) áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến quốc tịch của giám đốc điều hành, quản lý hoặc thành viên hội đồng quản trị của bất kỳ doanh nghiệp nào được thành lập.

Tuy nhiên, chính quyền trung ương của Nhật Bản sẽ không áp dụng bất kỳ lệnh cấm, hạn chế hoặc biện pháp nào được đề cập trong đoạn 1 bằng các luật hoặc quy định mới sau khi đã chuyển nhượng ban đầu từ chính quyền trung ương Nhật Bản cho nhà đầu tư các lợi ích hoặc tài sản được đề cập trong đoạn 1[6].

Nhật Bản bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR, SMBD đối với các ngành dịch vụ không phải là các ngành đã được công nhận hoặc đáng ra phải được Chính phủ Nhật Bản tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực; cũng như các ngành dịch vụ không khả thi về mặt kỹ thuật vào thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.

[6] Để rõ ràng hơn, chính quyền trung ương của Nhật Bản có thể duy trì các lệnh cấm, giới hạn hoặc biện pháp như vậy đã được áp dụng hoặc duy trì tại thời điểm chuyển nhượng ban đầu.

Nhật Bản bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN để áp dụng đối xử khác biệt đối với các quốc gia theo bất kỳ hiệp định song phương hoặc đa phương nào có hiệu lực vào hoặc đã được ký kết trước ngày Hiệp định này có hiệu lực, cũng như bất kỳ sửa đổi hoặc hiệp định kế nhiệm nào của hiệp định song phương hoặc đa phương đó. Nhật Bản có quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mang lại đối xử khác biệt cho các quốc gia theo bất kỳ hiệp định song phương hoặc đa phương nào liên quan đến:(i) ngư nghiệp; hoặc (ii) các vấn đề hàng hải, bao gồm cứu hộ.

Nhật Bản bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN đối với việc cung cấp một dịch vụ thông qua phương thức 4, ngoại trừ cam kết theo Chương 9 (Di chuyển tạm thời của thể nhân) và Bản cam kết của Nhật Bản trong Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân).

14.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Nhật Bản đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh ngắn hạn, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, nhà đầu tư, chuyên gia đủ điều kiện, chuyên gia độc lập, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, vợ/chồng và con cái đi kèm.

➤➤➤ *Đối với nhóm "Khách kinh doanh ngắn hạn",* Nhật Bản cam kết cá nhân lưu trú tại Nhật Bản mà không nhận thù lao từ Nhật Bản và không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp dịch vụ cho chính mình, với mục đích tham gia vào các mối liên hệ kinh doanh bao gồm thương thảo việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ, hoặc các hoạt động tương tự khác, bao gồm cả việc chuẩn bị để thiết lập sự hiện diện thương mại tại Nhật Bản sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 90 ngày.

➤➤➤ *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp",* Nhật Bản cam kết cá nhân được tuyển dụng bởi một tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc đầu tư tại Nhật Bản, trong thời gian không dưới một năm ngay trước ngày nộp đơn xin nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời tại Nhật Bản, người sẽ được chuyển đến một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của tổ chức đó tại Nhật Bản để tham gia vào một trong các hoạt động sau đây trong thời gian lưu trú tạm thời tại Nhật Bản gồm: (i) chỉ đạo chi nhánh hoặc văn phòng đại diện với tư cách là người đứng đầu; (ii) chỉ đạo tổ chức với tư cách là thành viên hội đồng quản trị hoặc kiểm toán viên; (iii) chỉ đạo một hoặc nhiều bộ phận của tổ chức đó; và (iv) các hoạt động yêu cầu

công nghệ hoặc kiến thức ở cấp độ cao liên quan đến khoa học tự nhiên, kỹ thuật hoặc các ngành khoa học tự nhiên khác; hoặc luật học, kinh tế, quản lý kinh doanh, kế toán hoặc các ngành khoa học xã hội khác, hoặc các hoạt động yêu cầu ý tưởng và sự nhạy cảm dựa trên văn hóa của một quốc gia khác ngoài Nhật Bản, được công nhận theo tư cách lưu trú "Kỹ sư/Chuyên gia về khoa học nhân văn/dịch vụ quốc tế" theo Luật Kiểm soát nhập cư và nhận dạng Người tị nạn của Nhật Bản, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 05 năm, có thể được gia hạn. Nhật Bản sẽ cố gắng thông báo cho người nộp đơn về quyết định liên quan đến đơn xin trong một khoảng thời gian hợp lý, tối đa là 90 ngày sau khi tiếp nhận đơn xin cấp visa nhập cảnh.

>>> *Đối với nhóm "Nhà đầu tư",* Nhật Bản cam kết cá nhân tham gia vào các hoạt động sau: (i) hoạt động đầu tư vào kinh doanh tại Nhật Bản và quản lý kinh doanh đó; (ii) hoạt động quản lý kinh doanh tại Nhật Bản thay mặt cho một người không phải là công dân Nhật Bản đã đầu tư vào kinh doanh đó; hoặc (iii) thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Nhật Bản mà trong đó một người không phải là công dân Nhật Bản đã đầu tư, sẽ được nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 05 năm, có thể được gia hạn.

>>> *Đối với nhóm "Chuyên gia đủ điều kiện",* Nhật Bản cam kết cá nhân là nhà cung cấp dịch vụ pháp lý, kế toán hoặc thuế được đủ tiêu chuẩn như được quy định theo luật và quy định của Nhật Bản và sẽ cung cấp các dịch vụ chỉ định bao gồm:

(a) Đối với dịch vụ pháp lý, cá nhân phải là (i) một luật sư đủ tiêu chuẩn là "Bengoshi"; (ii) một luật sư về sáng chế đủ tiêu chuẩn là "Benrishi"; (iii) một đại lý thủ tục hàng hải đủ tiêu chuẩn là "Kaijidairishi"; (iv) một thư ký tư pháp đủ tiêu chuẩn là "Shiho-Shoshi"; (v) một thư ký hành chính đủ tiêu chuẩn là "Gyosei-Shoshi"; (vi) một tư vấn viên bảo hiểm xã hội và lao động đủ tiêu chuẩn là "Shakai-Hoken-Romushi"; hoặc (vii) một khảo sát viên đất và nhà đủ tiêu chuẩn là "Tochi-Kaoku-Chosashi";

(b) Đối với dịch vụ tư vấn pháp lý về luật, cá nhân phải là một luật sư đủ tiêu chuẩn và được công nhận là "Gaikokuho-Jimu-Bengoshi";

(c) Đối với dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ, cá nhân phải là một kế toán viên đủ tiêu chuẩn là "Koninkaikeishi";

(d) Đối với dịch vụ thuế, cá nhân phải đủ tiêu chuẩn là "Zeirishi".

Sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 05 năm, có thể được gia hạn.

>>> *Đối với nhóm "chuyên gia độc lập",* Nhật Bản cam kết cá nhân tham gia các hoạt đông kinh doanh gồm: (i) hoạt động yêu cầu công nghệ

hoặc kiến thức ở cấp độ cao liên quan đến khoa học tự nhiên, kỹ thuật hoặc các ngành khoa học tự nhiên khác; hoặc luật học, kinh tế, quản lý kinh doanh, kế toán hoặc các ngành khoa học xã hội khác; hoặc (ii) hoạt động yêu cầu ý tưởng và sự nhạy cảm dựa trên văn hóa của một quốc gia khác ngoài Nhật Bản, được công nhận theo tư cách lưu trú "Kỹ sư/Chuyên gia về khoa học nhân văn/Dịch vụ quốc tế", theo quy định của Luật Kiểm soát nhập cư và nhận dạng người tị nạn, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 05 năm, có thể được gia hạn.

>>> *Đối với nhóm "Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng",* Nhật Bản cam kết cá nhân tham gia vào các hoạt động kinh doanh gồm: (i) hoạt động yêu cầu công nghệ hoặc kiến thức ở cấp độ cao liên quan đến khoa học tự nhiên, kỹ thuật hoặc các ngành khoa học tự nhiên khác; hoặc luật học, kinh tế, quản lý kinh doanh, kế toán hoặc các ngành khoa học xã hội khác; hoặc (ii) hoạt động yêu cầu ý tưởng và sự nhạy cảm dựa trên văn hóa của một quốc gia khác ngoài Nhật Bản, được công nhận theo tư cách lưu trú "Kỹ sư/Chuyên gia về khoa học nhân văn/Dịch vụ quốc tế", theo quy định của Luật Kiểm soát nhập cư và nhận dạng người tị nạn. Cá nhân cần phải ký hợp đồng dịch vụ giữa tổ chức công/tư tại Nhật Bản và tổ chức nước ngoài và hợp đồng lao động giữa cá nhân và tổ chức Nhật Bản. Nhật Bản cam kết mở cửa cho các đối tác theo các lĩnh vực tương tự mà bên đối tác đã cam kết, sẽ được nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời trong thời gian lên đến 05 năm, có thể được gia hạn.

>>> *Đối với nhóm "vợ/chồng và con cái đi kèm",* Nhật Bản cam kết cá nhân có Vợ/chồng và con cái đi cùng một cá nhân nước ngoài đã được cấp phép nhập cảnh và tạm trú theo các loại hình từ B đến F. Thuật ngữ "vợ/chồng" hoặc "con cái" được hiểu là vợ/chồng và con cái được công nhận theo pháp luật và quy định của Nhật Bản. Thời hạn nhập cảnh và tạm trú tạm thời cho vợ/chồng và con cái sẽ diễn ra trong cùng khoảng thời gian với cá nhân nước ngoài đã được cấp phép nhập cảnh theo các loại hình từ B đến F, sẽ được cấp phép tạm trú theo quy định này có thể nộp đơn xin thay đổi loại hình cư trú để được phép làm việc, tùy thuộc vào sự chấp thuận của Chính phủ Nhật Bản.

14.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Nhật Bản có thể áp dụng một số ngoại lệ chung trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) đối với các cam kết về dịch vụ chuyên môn nhằm bảo vệ các lợi ích quốc gia. Những ngoại lệ này cho phép Nhật Bản duy trì các quy định và chính sách cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Một số ngoại lệ tiêu biểu của Nhật Bản có thể kể đến như:

Nhật Bản chưa cam kết nghĩa vụ đối với các dịch vụ công cộng trong lĩnh vực xã hội cho cả bốn hình thức. Các dịch vụ này thường được quản lý bởi các cơ quan công, nhằm đảm bảo rằng chính phủ giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực nhạy cảm.

Nhật Bản bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà nước này cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình. Điều này bao gồm việc kiểm tra các khoản đầu tư nước ngoài nếu bên còn lại cũng bảo lưu quyền tương tự.

Ngoài ra, các công ty cung cấp dịch vụ chuyên môn từ nước ngoài thường bị giới hạn về tỷ lệ sở hữu vốn hoặc yêu cầu hợp tác với các đối tác địa phương để thiết lập hiện diện thương mại tại Nhật Bản.

Cuối cùng, một số lĩnh vực dịch vụ chuyên môn có thể bị hạn chế hoặc không được cho phép cung cấp bởi các công ty hoặc cá nhân nước ngoài, nhằm bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm trong nền kinh tế.

Các bảo lưu trong cam kết về dịch vụ của Nhật Bản cho thấy sự thận trọng trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và quyền lợi của công dân, đồng thời cho phép linh hoạt trong quản lý và điều chỉnh các chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương. Các ngoại lệ này giúp Nhật Bản bảo vệ các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế trong khi vẫn tạo điều kiện cho đầu tư và hợp tác quốc tế.

15
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA HÀN QUỐC TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 15 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA HÀN QUỐC TRONG RCEP

15.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc

15.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc

Thương mại dịch vụ nói chung của Hàn Quốc theo xu thế của thế giới phát triển mạnh mẽ và đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc gia (theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, tỷ trọng thương mại dịch vụ đối với GDP Hàn Quốc năm 2023 là 16%). Trong năm 2023, giá trị xuất khẩu thương mại dịch vụ của Hàn Quốc đạt 125 tỷ USD, nhập khẩu thương mại dịch vụ cũng lên tới 150 tỷ USD, thể hiện tiềm năng to lớn của sự phát triển dịch vụ cả trong và ngoài nước.

Hàn Quốc là thị trường tiềm năng cho thương mại dịch vụ cho các nước Hiệp định RCEP. Hàn Quốc là quốc gia có thu nhập trung bình cao (dân số 51,5 triệu người và GDP bình quân đầu người khoảng 29.800 USD). Sản lượng dịch vụ của Hàn Quốc chỉ tương đương hơn một nửa GDP (52,8% vào năm 2017) và năng suất trong lĩnh vực này còn thấp. Hàn Quốc có thế mạnh trong việc xuất khẩu các dịch vụ công nghệ thông tin, truyền thông (ICT), với các giải pháp phần mềm và hạ tầng mạng 5G tiên tiến. Các dịch vụ y tế và giáo dục cũng mang lại nguồn thu lớn từ giá trị các dịch vụ cao cấp. Đồng thời, Hàn Quốc cũng nhập khẩu nhiều dịch vụ chuyên môn từ nước ngoài, như dịch vụ liên quan đến công nghệ, kỹ sư sản xuất tiên tiến, dịch vụ tài chính quốc tế và các giải pháp tư vấn quản

lý chiến lược. Việc nhập khẩu này giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và hiện đại hóa các lĩnh vực công nghệ, tài chính và y tế trong nước.

15.1.2. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc

Các cam kết cụ thể về dịch vụ chuyên môn của Hàn Quốc cho thấy nước này có mức độ mở cửa thấp cho các ngành dịch vụ chuyên môn, thể hiện qua các quy định quản lý chặt chẽ và hệ thống cơ quan quản lý lớn nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch và chất lượng cao. Mỗi lĩnh vực đều có hệ thống giám sát và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt, giúp tạo ra môi trường hành nghề đáng tin cậy và hiệu quả.

Ngành luật sư ở Hàn Quốc được quản lý bởi Hiệp hội Luật sư Hàn Quốc, với các quy định nghiêm ngặt về điều kiện hành nghề. Các luật sư cần vượt qua kỳ thi quốc gia và hoàn thành chương trình đào tạo tại trường luật được công nhận. Quản lý nhà nước chặt chẽ, cùng với việc duy trì quy tắc đạo đức nghề nghiệp, giúp giảm thiểu các vấn đề như cạnh tranh không lành mạnh hoặc hành nghề trái pháp luật.

Ngành kế toán tại Hàn Quốc chịu sự giám sát của Ủy ban Giám sát Tài chính và Hiệp hội Kế toán viên Hàn Quốc (KICPA). Để trở thành kế toán viên chuyên nghiệp, cá nhân phải hoàn thành các kỳ thi cấp quốc gia và đăng ký hành nghề với hiệp hội nghề nghiệp. Đặc biệt, các công ty lớn và doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về báo cáo tài chính, và các kế toán viên cần đảm bảo tuân thủ chuẩn mực quốc tế.

Ngành kiểm toán cũng có quy trình quản lý nghiêm ngặt tương tự như kế toán, với yêu cầu cao về tính minh bạch và trung thực trong việc kiểm tra tài chính doanh nghiệp. Các công ty kiểm toán phải được đăng ký và giám sát bởi cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra, hệ thống kiểm toán nội bộ và quy trình đánh giá chất lượng kiểm toán được thiết lập nhằm đảm bảo rằng các báo cáo kiểm toán đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Ngành kỹ sư tại Hàn Quốc được quản lý bởi nhiều cơ quan khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như kỹ sư xây dựng, kỹ sư công nghệ thông tin, hay kỹ sư cơ khí. Để hành nghề kỹ sư, cá nhân phải có bằng cấp phù hợp và hoàn thành các kỳ thi cấp chứng chỉ quốc gia. Hiệp hội Kỹ sư Hàn Quốc là tổ chức giám sát và đảm bảo rằng các kỹ sư tuân thủ các tiêu chuẩn nghề nghiệp và kỹ thuật.

Một trong những thách thức lớn của quản lý ngành dịch vụ chuyên môn tại Hàn Quốc là việc cập nhật và điều chỉnh các quy định để phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ. Tuy nhiên, chính

phủ Hàn Quốc đã có những nỗ lực để cải tiến hệ thống quản lý, bao gồm áp dụng công nghệ thông tin vào giám sát và xây dựng quy định pháp lý linh hoạt hơn. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tăng khả năng cạnh tranh quốc tế của Hàn Quốc trong các lĩnh vực chuyên môn.

15.2. Cam kết của Hàn Quốc về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong khuôn khổ RCEP, Hàn Quốc áp dụng phương thức cam kết "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó bao gồm cả dịch vụ chuyên môn, tức là mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là có hạn chế hoặc cấm trong Danh mục NCM của nước này. Hàn Quốc không tham chiếu đến Danh mục W/120 để phân loại các ngành, phân ngành dịch vụ - Hàn Quốc sử dụng Mã ngành công nghiệp tiêu chuẩn Hàn Quốc (KSIC) hoặc Danh mục CPC.

Các hạn chế mà Hàn Quốc còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn bao gồm:

15.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Dịch vụ pháp lý

Hàn Quốc bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ pháp lý, cụ thể:

+ Hàn Quốc chỉ cho phép luật sư Hàn Quốc đã được Tổ chức Luật gia Hàn Quốc cấp phép hành nghề được cung cấp dịch vụ pháp lý. Những luật sư này có thể thành lập các tổ chức pháp lý như văn phòng luật, công ty luật hợp doanh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn, văn phòng hợp doanh trách nhiệm hữu hạn. Các pháp nhân không phải là luật sư Hàn Quốc không được đầu tư vào các tổ chức này.

+ Luật sư được cấp phép của Hàn Quốc hoặc thư ký tư pháp được chứng nhận của Hàn Quốc khi hành nghề tại Hàn Quốc phải thành lập văn phòng trong phạm vi quyền hạn của tòa án quận nơi người đó hành nghề. Công chứng viên Hàn Quốc phải thành lập văn phòng trong phạm vi quyền hạn của văn phòng công tố viên quận nơi người đó hành nghề.

Các hạn chế trên được Hàn Quốc quy định trong Luật luật sư (Luật số 17366, ngày 9 tháng 6 năm 2020), Luật công chứng viên tư pháp (Luật số 17366, ngày 9 tháng 6 năm 2020) và Luật công chứng viên (Luật số 15150, ngày 12 tháng 12 năm 2017).

Ngoài hạn chế trên, Hàn Quốc cũng bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MFN, LP và SMBD liên quan đến tư vấn viên pháp lý nước ngoài, gồm:

+ Hạn chế cấp phép cho luật sư nước ngoài hoặc tổ chức luật nước ngoài cung cấp bất kỳ dịch vụ pháp lý nào tại Hàn Quốc;

+ Hạn chế các tổ chức nước ngoài hợp tác hoặc liên doanh với công ty trong nước tại các lĩnh vực pháp luật, tư pháp, cấp bằng sáng chế, kế toán công, kế toán thuế, và môi giới hải quan;

+ Hạn chế thuê chuyên gia tại lĩnh vực nêu trên; và

+ Hạn chế ban giám đốc và nhân sự cấp cao của các tổ chức luật cung cấp dịch vụ tư vấn luật nước ngoài.

Tuy vậy, Hàn Quốc vẫn cho phép tổ chức luật của các nước RCEP thành lập văn phòng đại diện tại Hàn Quốc và cho phép luật sư cấp phép tại các nước RCEP được tư vấn luật của nước đấy và luật quốc tế, nhưng không được tham gia vào thủ tục tố tụng, bào chữa hoặc đại diện, các hoạt động tư vấn lao động hoặc liên quan đến bất động sản Hàn Quốc, thừa kế, quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác và các quyền phải xin cấp phép của cơ quan chức năng Hàn Quốc.

Một luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại văn phòng đại diện ở Hàn Quốc phải được cấp phép bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc, đăng ký với tổ chức luật Hàn Quốc, và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tại nước sở tại với đánh giá tốt. Luật sư nước ngoài trong trường hợp tham gia vào các vụ tranh tụng quốc tế, có thể được tạm trú ở Hàn Quốc không quá 90 ngày và không cần thực hiện thủ tục đăng ký hành nghề nêu trên.

Việc thành lập văn phòng đại diện phải được sự đồng ý của Bộ trưởng Tư pháp Hàn Quốc, có chứng minh tài chính đảm bảo đền bù thiệt hại cho thân chủ, và giám đốc văn phòng đại diện phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm hành nghề, bao gồm 03 năm tại nước sở tại.

- Dịch vụ kế toán và kiểm toán

Hàn Quốc bảo lưu biện pháp vi phạm nghĩa vụ MA và LP đối với các dịch vụ kế toán và kiểm toán, cụ thể:

+ Chỉ có một số loại hình doanh nghiệp do kế toán đã được Hàn Quốc cấp phép (CPA) thành lập theo Luật Kế toán công được cung cấp các dịch vụ kế toán và kiểm toán. Người không phải kế toán viên đăng ký và

được Hàn Quốc cấp phép thì không được đầu tư vào các loại hình doanh nghiệp này.

+ Chỉ có kế toán viên CPA Hàn Quốc thuộc nhóm đặc trách về kế toán hoặc tổ chức kế toán được cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định tại Luật Kiểm toán Công ty Chứng khoán.

Hạn chế trên được Hàn Quốc quy định tại Luật Kế toán viên công chứng (Luật số 17291, ngày 19 tháng 5 năm 2020) và Luật về Kiểm toán bên ngoài đối với Công ty cổ phần, v.v. (Luật số 15514, ngày 20 tháng 3 năm 2018).

Ngoài hạn chế trên, Hàn Quốc cũng bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MFN, LP và SMBD đối với dịch vụ kế toán công. Kế toán viên nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ kế toán công phải được đăng ký và cấp phép trong nước và theo Bộ luật Kế toán công. Văn phòng phải được thành lập tại Hàn Quốc.

Một công ty kế toán Hàn Quốc, có thể trả phí thành viên thường niên tham gia các tổ chức kế toán quốc tế có mạng dưới doanh nghiệp khắp thế giới. Các dịch vụ sau có thể cung cấp cho công ty kế toán Hàn Quốc thông qua hợp đồng thành viên: tư vấn tiêu chuẩn kế toán quốc tế, kiểm toán, đào tạo chứng chỉ CPA, chuyển giao công nghệ kiểm toán, và trao đổi thông tin.

- Dịch vụ kế toán thuế

Hàn Quốc bảo lưu biện pháp vi phạm nghĩa vụ MA và LP đối với dịch vụ kế toán thuế, cụ thể:

+ Chỉ cho phép một số loại hình doanh nghiệp như công ty một thành viên, nhóm đặc trách đối chiếu thuế, công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập ở Hàn Quốc theo Luật Kế toán thuế, được cung cấp dịch vụ kế toán thuế, bao gồm dịch vụ thu thuế và đại diện thuế. Người không phải kế toán thuế đăng ký và được Hàn Quốc cấp phép thì không được đầu tư vào các loại hình doanh nghiệp này.

+ Chỉ có nhóm đặc trách về kế toán và công ty trách nhiệm hữu hạn công ty thuế được cung cấp dịch vụ thu thuế.

Hạn chế trên được Hàn Quốc quy định trong Luật Kế toán viên thuế được chứng nhận (Luật số 17339, ngày 9 tháng 6 năm 2020), Luật thuế doanh nghiệp (Luật số 16833, ngày 31 tháng 12 năm 2019), Luật thuế

thu nhập (Luật số 16834, ngày 31 tháng 12 năm 2019), Hướng dẫn quản lý công việc của đại lý thuế.

Ngoài hạn chế trên, Hàn Quốc bảo lưu quyền duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MFN, LP và SMBD liên quan đến dịch vụ kế toán thuế, bao gồm quyền làm chủ, hợp doanh, quốc tịch của ban giám đốc và phạm vi dịch vụ. Kế toán viên nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ thuế tại Hàn Quốc phải được cấp phép nội địa và đăng ký theo Luật Kế toán thuế, cũng như thành lập văn phòng tại Hàn Quốc.

- Dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật, kỹ thuật đồng bộ, quy hoạch đô thị và cảnh quan

Hàn Quốc bảo lưu biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ LP đối với các dịch vụ trên, cụ thể, người nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật, kỹ thuật đồng bộ, quy hoạch đô thị và cảnh quan, phải thành lập văn phòng tại Hàn Quốc. Hạn chế này không giới hạn kiến trúc sư nước ngoài cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng chung với một kiến trúc sư Hàn Quốc.

Hạn chế trên được Hàn Quốc quy định trong Luật Kiến trúc sư được chứng nhận (Luật số 17453, ngày 9 tháng 6 năm 2020), Nghị định thi hành Luật Kiến trúc sư được chứng nhận (Nghị định của Tổng thống số 30774, ngày 9 tháng 6 năm 2020), Quy định thi hành Luật Kiến trúc sư được chứng nhận (Sắc lệnh của Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông số 739, ngày 18 tháng 6 năm 2020), Luật Thúc đẩy ngành kỹ thuật (Luật số 16652, ngày 26 Tháng 11 năm 2019), v.v….

- Dịch vụ thú y

Hàn Quốc bảo lưu quyền duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MFN, LP, PPR và SMBD đối với dịch vụ thú y.

15.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

- Liên quan đến việc thành lập hoặc mua lại một khoản đầu tư, Hàn Quốc bảo lưu quyền duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT và PPR được cho là cần thiết để duy trì trật tự công cộng theo Điều 4 của Đạo luật khuyến khích đầu tư nước ngoài và Điều 5 của Nghị định thực thi của Đạo luật khuyến khích đầu tư nước ngoài, với điều kiện biện pháp đó:

+ Được áp dụng phù hợp với các yêu cầu về thủ tục được nêu trong Đạo luật khuyến khích đầu tư nước ngoài, Nghị định thực thi của Đạo luật khuyến khích đầu tư nước ngoài và luật hiện hành khác;

+ Chỉ được áp dụng hoặc duy trì khi khoản đầu tư gây ra mối đe dọa thực sự và đủ nghiêm trọng đối với lợi ích cơ bản của xã hội;

+ Không được áp dụng theo cách tùy tiện hoặc không thể biện minh được;

+ Không cấu thành hạn chế trá hình đối với đầu tư; và

+ Tương xứng với mục tiêu mà khoản đầu tư đó muốn đạt được.

- Hàn Quốc bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, LP, PPR và SMBD đối với việc tư nhân hóa toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của các dịch vụ được cung cấp trong quá trình thực hiện quyền hạn của chính phủ.

- Hàn Quốc bảo lưu quyền ban hành và áp dụng bất kỳ biện pháp nào không phù hợp với các nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR và SMBD đối với đến các ngành, phân ngành dịch vụ chưa được chính phủ Hàn Quốc công nhận tại thời điểm Hiệp định RCEP có hiệu lực.

- Hàn Quốc bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN đối với việc đối xử khác biệt hoặc ưu đãi hơn cho:

+ Bất kỳ quốc gia nào tham gia hiệp định quốc tế song phương, khu vực hoặc đa phương đã ký hoặc có hiệu lực trước ngày hiệp định RCEP có hiệu lực (gồm cả các hiệp định nâng cấp sau này);

+ Bất kỳ quốc gia nào tham gia vào các hiệp định quốc tế có hiệu lực hoặc đã ký sau ngày hiệp định RCEP có hiệu lực liên quan đến: (i) dịch vụ hàng không; (ii) vấn đề cảng và hàng hải; (iii) ngư nghiệp; (iv) vận tải đường sắt; (v) viễn thông.

15.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Hàn Quốc đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết chỉ bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, và nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng - nhân viên của pháp nhân.

➢➢➢ *Đối với nhóm "khách kinh doanh",* Hàn Quốc quy định khách kinh doanh là thể nhân đại diện cho nhà cung cấp dịch vụ để đàm phán việc kinh doanh dịch vụ, hoặc cá nhân đến để đàm phán việc kinh doanh dịch vụ, hoặc nhà đầu tư và đại diện để có nhu cầu tìm hiểu đầu tư tại Hàn Quốc. Các thể nhân này đều phải không cư trú thường xuyên ở Hàn Quốc, thu nhập đến từ các nguồn ở ngoài Hàn Quốc và không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng. Hàn Quốc cho phép nhóm này được nhập cảnh và tạm trú không quá 90 ngày.

➢➢➢ *Đối với nhóm "người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp",*các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia (i) làm việc cho một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ở Hàn quốc thông qua chi nhánh, công ty con được thành lập ở Hàn Quốc và (ii) trước đó đã làm việc cho công ty ở ngoài Hàn Quốc trong tối thiểu 01 năm ngay trước khi họ xin được nhập cảnh và lưu trú ở Hàn Quốc thì sẽ được phép nhập cảnh và lưu trú ở Hàn Quốc trong thời gian 03 năm và sau đó có thể được gia hạn nếu vẫn đạt đủ điều kiện. Các thể nhân có thể phải tuân theo việc áp dụng giới hạn số lượng, giới hạn số người và các bài kiểm tra nhu cầu kinh tế.

➢➢➢ *Đối với nhóm Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS) - nhân viên của pháp nhân,* Hàn Quốc định nghĩa là các thể nhân tham gia cung cấp dịch vụ theo hợp đồng với tư cách là nhân viên của một pháp nhân không có hiện diện thương mại tại Hàn Quốc. Việc nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời của nhóm này được giới hạn theo thời hạn của hợp đồng, không vượt quá 01 năm, có thể được gia hạn nếu cần thiết. Ngoài ra có các yêu cầu sau:

+ Thể nhân phải có đủ trình độ học vấn và chuyên môn cần thiết, cùng với kinh nghiệm dựa trên năng lực chuyên môn để thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực liên quan theo luật pháp, quy định hoặc yêu cầu của Hàn Quốc, và phải được các tổ chức quốc tế liên quan công nhận như Hiệp định Washington, Diễn đàn Di chuyển Kỹ sư (EMF), Kỹ sư Chuyên nghiệp Quốc tế, và Kỹ sư APEC.

+ Pháp nhân nơi thể nhân làm việc phải có hợp đồng dịch vụ không quá một năm với một pháp nhân được thành lập tại Hàn Quốc. Hợp đồng này phải tuân thủ luật pháp và quy định của Hàn Quốc.

+ Thể nhân không được nhận thù lao từ pháp nhân tại Hàn Quốc. Thể nhân có thể phải tuân thủ các giới hạn số lượng, giới hạn số người, và các bài kiểm tra nhu cầu kinh tế. Thể nhân phải là nhân viên của pháp nhân cung cấp dịch vụ ít nhất một năm trước khi nộp đơn xin nhập cảnh.

+ Các phân ngành sau yêu cầu bắt buộc có hợp đồng để có được danh hiệu 'chuyên gia' tại Hàn Quốc: (i) Dịch vụ tư vấn về các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán quốc tế, đào tạo Kế toán viên Công chứng (CPA), chuyển giao công nghệ kiểm toán và trao đổi thông tin liên quan đến các dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán, thông qua hợp đồng thành viên với một công ty hoặc văn phòng kế toán của Hàn Quốc; (ii) Dịch vụ kiến trúc, với điều kiện hợp tác với các kiến trúc sư đã đăng ký theo luật pháp Hàn Quốc dưới hình thức hợp đồng chung; (iii) Dịch vụ tư vấn quản lý; (iv) Kỹ sư chuyên nghiệp trong các dịch vụ liên quan đến cài đặt phần cứng máy tính, triển khai nghiên cứu và phát triển phần mềm, quản lý dữ liệu, hệ thống dữ liệu, thiết kế kỹ thuật chuyên ngành.

15.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Ngoài các ngoại lệ được nêu tại các bảo lưu quét, Hàn Quốc vẫn duy trì quyền áp dụng hoặc duy trì các biện pháp áp dụng cho dịch vụ công, như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và tiện ích để đảm bảo phúc lợi cộng đồng và lợi ích quốc gia. Như các nước thành viên RCEP khác, Hàn Quốc được quyền áp dụng một số ngoại lệ chung cho các cam kết của mình trong RCEP, bao gồm các ngoại lệ về an ninh quốc gia và các quy định đặc thù đối với một số ngành nghề nhất định. Các ngoại lệ này thường liên quan đến việc bảo vệ lợi ích công cộng, an toàn quốc gia, và môi trường, cho phép Hàn Quốc giữ lại quyền điều chỉnh và kiểm soát các lĩnh vực nhạy cảm mà không vi phạm các cam kết chung trong RCEP.

16

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA ỐT-XTRÂY-LI-A TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

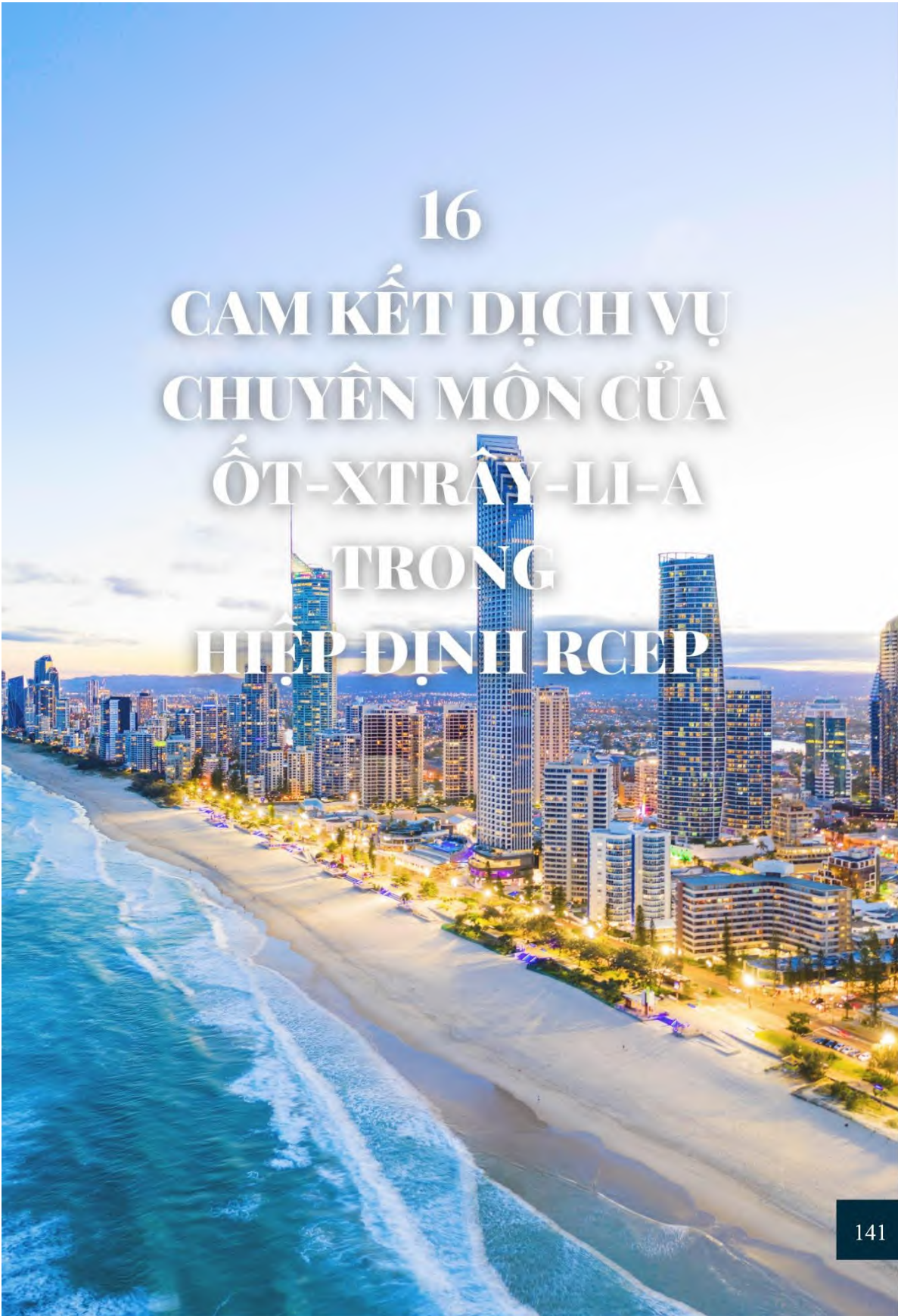

>>> CHƯƠNG 16 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA AUSTRALIA TRONG RCEP

16.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của Australia

16.1.1. Khái quát thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của Australia

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Australia là một phần quan trọng trong nền kinh tế quốc gia bao gồm các lĩnh vực như kế toán, tư vấn, kỹ thuật, và luật pháp.

Theo dữ liệu từ IBISWorld, tính đến năm 2023, quy mô thị trường của ngành dịch vụ chuyên môn tại Australia đạt khoảng 263,2 tỷ AUD, tăng 7,54% so với năm 2023. Quy mô thị trường của ngành dịch vụ chuyên môn ở Australia đã tăng trung bình 0,5% mỗi năm trong giai đoạn từ 2018 đến 2023. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao đối với các dịch vụ tư vấn chuyên sâu và giải pháp kỹ thuật tại các thị trường quốc tế, cùng với việc gia tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dự án quy mô lớn trong nước.

16.1.2. Đặc điểm, thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của Australia

Ngành dịch vụ chuyên môn tại Australia nổi bật với chất lượng dịch vụ cao nhờ vào hệ thống giáo dục và đào tạo chất lượng. Theo báo cáo của Hiệp hội Kế toán Australia (CPA Australia), các chuyên gia kế toán và tài chính ở Australia thường có chứng chỉ CPA hoặc CA - các chứng chỉ quốc tế và đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về đào tạo và kinh nghiệm.

Australia cũng thường xuyên được xếp hạng cao trong các bảng xếp hạng toàn cầu về chất lượng dịch vụ và công việc, với nhiều công ty Australia đạt giải thưởng quốc tế về chất lượng dịch vụ.

Chính phủ Australia đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho ngành dịch vụ chuyên môn. Các chính sách này bao gồm việc hỗ trợ tài chính cho các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, cùng với các quy định rõ ràng về chứng chỉ và giấy phép hành nghề.

Hệ thống pháp lý của Australia được đánh giá là ổn định và minh bạch giúp đảm bảo rằng các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ chuyên môn trong và ngoài nước có thể hoạt động trong một môi trường công bằng và được bảo vệ quyền lợi.

16.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của Australia

Ngành dịch vụ chuyên môn ở Australia được quản lý chặt chẽ bởi các tổ chức chuyên ngành như Hiệp hội Kế toán Australia (CPA Australia), Hiệp hội Luật sư Australia và Hiệp hội Kỹ sư Úc. Các tổ chức này thực hiện các nhiệm vụ giám sát và duy trì các tiêu chuẩn chất lượng trong ngành.

Theo báo cáo của CPA Australia, các tổ chức này thường xuyên cập nhật và điều chỉnh các tiêu chuẩn nghề nghiệp để phù hợp với các xu hướng toàn cầu và nhu cầu của thị trường.

Các chuyên gia trong ngành dịch vụ chuyên môn sẽ phải đáp ứng các yêu cầu chứng chỉ và đào tạo liên tục. Các chương trình đào tạo này bao gồm các khóa học nâng cao và chứng chỉ chuyên môn để giúp các chuyên gia cập nhật các kiến thức và kỹ năng mới.

Theo dữ liệu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo Australia, hơn 80% các chuyên gia trong ngành dịch vụ chuyên môn tham gia các khóa đào tạo và hội thảo định kỳ để duy trì và nâng cao kỹ năng của mình.

Báo cáo từ Bộ Doanh nghiệp và Đổi mới Australia cho thấy các cơ quan này thực hiện hàng ngàn cuộc kiểm tra và đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng dịch vụ và sự tuân thủ các quy định.

Chính phủ Australia thiết lập các chính sách và quy định nhằm bảo đảm sự công bằng và minh bạch trong hoạt động của ngành dịch vụ chuyên môn. Các quy định này bao gồm các yêu cầu về bảo vệ quyền lợi của khách hàng và đảm bảo tính minh bạch trong các giao dịch và hoạt động dịch vụ.

Nhìn chung, ngành dịch vụ chuyên môn của Australia không chỉ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia mà còn nổi bật với chất lượng dịch vụ cao và sự đổi mới. Với một hệ thống quản lý và quy định chặt chẽ, cùng với các chương trình đào tạo liên tục, Australia đảm bảo rằng ngành dịch vụ chuyên môn luôn đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường. Những đặc điểm này giúp Australia duy trì vị thế cạnh tranh và thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp quốc tế.

16.2. Cam kết của Australia về dịch vụ chuyên môn trong RCEP

Trong khuôn khổ Hiệp định RCEP, Australia áp dụng phương thức "chọn-bỏ" đối với các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ bao gồm dịch vụ chuyên môn, tức là Australia mở cửa thị trường cho tất cả các lĩnh vực trừ những lĩnh vực cụ thể đã được liệt kê là hạn chế hoặc cấm trong Danh mục NCM của nước này. Mặc dù nhiều dịch vụ chuyên môn được mở cửa hoàn toàn nhưng các yêu cầu về liên doanh, tỷ lệ sở hữu, và yêu cầu tuyển dụng nhân sự địa phương trong các bảo lưu quét (các bảo lưu có phạm vi bảo lưu rộng, xuyên suốt tất cả hoặc nhiều ngành) có thể vẫn đặt ra một số hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này.

Các hạn chế mà Australia còn và sẽ tiếp tục áp dụng đối với dịch vụ chuyên môn bao gồm:

16.2.1. Các bảo lưu về dịch vụ chuyên môn

- Australia bảo lưu biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT và MFN đối với các dịch vụ chuyên môn sau:

+ Để đăng ký hành nghề tại Australia, nước này yêu cầu các luật sư bằng sáng chế phải làm việc ít nhất 02 năm liên tục, hoặc tổng cộng 02 năm trong 05 năm liên tục, tại các vị trí yêu cầu kinh nghiệm cần thiết tại Australia, New Zealand, hoặc cả hai quốc gia.

+ Để hành nghề đại lý di trú tại Australia, Australia yêu cầu đại lý này phải có ít nhất 01 công dân Australia, cư dân thường trú tại Australia, hoặc là công dân của New Zealand với visa loại đặc biệt.

Hạn chế trên được Australia quy định trong Luật Sáng chế năm 1990 (Khối thịnh vượng chung), Quy định về Sáng chế năm 1991 (Khối thịnh vượng chung), và Đạo luật di trú năm 1998 (Khối thịnh vượng chung)...

- Australia bảo lưu biện pháp không phù hợp đối với Nghĩa vụ LP đối với các dịch vụ chuyên môn sau:

+ Một cá nhân không cư trú thường xuyên tại Australia có thể bị từ chối đăng ký làm kiểm toán viên hoặc quản tài viên của một công ty

+ Ít nhất một đối tác trong công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán phải là kiểm toán viên đã đăng ký và là thường trú nhân tại Australia.

+ Để hành nghề môi giới hải quan tại Australia, các nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp dịch vụ tại và từ Australia.

Hạn chế trên được Australia quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 1991 (Khối thịnh vượng chung) và Luật Hải quan năm 1901 (Khối thịnh vượng chung)...

16.2.2. Các bảo lưu quét có liên quan

Các bảo lưu quét có thể cho phép Australia duy trì, ban hành hoặc áp dụng các hạn chế đối với dịch vụ chuyên môn có thể bao gồm các bảo lưu sau:

- Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục A

Australia bảo lưu các biện pháp không phù hợp với Nghĩa vụ NT, MA, MFN và SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Các khoản đầu tư sau đây phải được Chính phủ Australia chấp thuận và nhà đầu tư cũng có thể bị yêu cầu phải thông báo cho Chính phủ Australia:

+ Khoản đầu tư dự kiến của một nhà đầu tư nước ngoài vào một thực thể hoặc doanh nghiệp tại Australia có giá trị trên 275 triệu AUD;

+ Khoản đầu tư trực tiếp dự kiến của một nhà đầu tư chính phủ nước ngoài với bất kỳ giá trị đầu tư nào;

+ Khoản đầu tư dự kiến của một nhà đầu tư nước ngoài vào ngành truyền thông với tỷ lệ từ 5% trở lên, không phụ thuộc vào giá trị của khoản đầu tư;

+ Khoản mua lại dự kiến của một cá nhân nước ngoài đối với một quyền sở hữu đất thương mại phát triển với giá trị quyền sở hữu trên 275 triệu AUD, trừ khi đất đó đáp ứng các điều kiện cho ngưỡng đất thương mại phát triển thấp hơn là 60 triệu AUD.

Các khoản đầu tư trên có thể sẽ bị Chính phủ Australia từ chối, áp dụng các lệnh, hoặc cho phép kèm theo điều kiện. Các cá nhân nước ngoài không tuân thủ khuôn khổ trên có thể phải chịu các hình phạt dân sự và hình sự.

2. Australia có thể từ chối đầu tư hoặc áp dụng một số quy định nhất định đối với việc một công ty thuộc ngành tài chính có cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hoặc có thoả thuận với một nhà đầu tư nước ngoài có thể dẫn đến tình trạng sở hữu vượt quá quy định.

Các hạn chế trên được Australia quy định tại Chính sách Đầu tư Nước ngoài của Australia; Luật Mua lại và tiếp quản nước ngoài năm 1975 (Khối thịnh vượng chung); Luật Đánh thuế mua lại và tiếp quản nước ngoài năm 2015 (Khối thịnh vượng chung); Luật Khu vực tài chính (Khối thịnh vượng chung) năm 1998 (Khối thịnh vượng chung)…

Australia bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MFN, LP, PPR và SMBD đối với tất cả các biện pháp không phù hợp hiện có ở cấp chính quyền bang.

Australia bảo lưu các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT và SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Đối với công ty tư nhân, ít nhất 01 giám đốc của công ty phải là thường trú nhân tại Australia.

2. Đối với công ty công, ít nhất 02 giám đốc của công ty phải là thường trú nhân tại Australia.

3. Đối với công ty tư nhân, ít nhất 01 thư ký của công ty (nếu công ty tư nhân đó bổ nhiệm một hoặc nhiều thư ký) phải là thường trú nhân tại Australia.

4. Đối với công ty công, ít nhất 01 thư ký của công ty phải là thường trú nhân tại Australia.

Các hạn chế trên được Australia quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2001 (Khối thịnh vượng chung) và Quy định về doanh nghiệp năm 2001 (Khối thịnh vượng chung).

- **Bảo lưu cho tất cả các ngành tại Phụ lục B**

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA và PPR đối với tất cả các ngành dịch

vụ liên quan đến việc cá nhân nước ngoài mua lại một phần đất đai của Australia, ngoại trừ đất thương mại đã cải tạo hoặc đất được sử dụng hoàn toàn cho hoạt động kinh doanh sản xuất chính.

Các hạn chế trên được Australia quy định tại Chính sách Đầu tư nước ngoài của Australia; Luật Mua lại và tiếp quản nước ngoài năm 1975 (Khối thịnh vượng chung); Luật Đánh thuế mua lại và tiếp quản Nước ngoài năm 2015 (Khối thịnh vượng chung); Luật Khu vực tài chính (Sở hữu cổ phần) năm 1998 (Khối thịnh vượng chung)…

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, PPR và SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến kế hoạch mua lại một phần đất nông nghiệp của cá nhân người nước ngoài, khi tổng giá trị đất nông nghiệp mà người nước ngoài đó sở hữu riêng lẻ hoặc cùng với các đối tác, bao gồm cả phần đang trong giai đoạn dự định mua lại, vượt quá 15 triệu AUD.

2. Australia cũng bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến kế hoạch mua lại cổ phần của một doanh nghiệp nông nghiệp của cá nhân người nước ngoài, khi tổng giá cổ phần mà người nước ngoài đó nắm giữ trong doanh nghiệp nông nghiệp, bao gồm cả phần đang trong giai đoạn dự định mua lại, vượt quá 60 triệu AUD.

Các hạn chế trên được Australia quy định tại Luật Mua lại và tiếp quản nước ngoài năm 1975 (Khối thịnh vượng chung); Luật Đánh thuế mua lại và tiếp quản nước ngoài năm 2015 (Khối thịnh vượng chung); Luật Khu vực tài chính (Sở hữu cổ phần) năm 1998 (Khối thịnh vượng chung)…

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR và SMBD mà nước này cho là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của mình đối với tất cả các ngành dịch vụ.

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA và MFN đối với việc cung cấp dịch vụ thông qua phương thức hiện diện thể nhân dựa theo Chương 9 (Biểu cam kết cụ thể về Di chuyển thể nhân).

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, LP, PPR và SMBD đối với tất cả các

ngành dịch vụ trong việc ưu tiên hay đối xử thuận lợi cho bất kỳ người hoặc tập thể bản địa bao gồm việc mua lại, thành lập, hoặc vận hành doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ.

Các hạn chế trên được Australia quy định tại Các bộ luật và Tuyên bố cấp Bộ trưởng ở tất cả các cấp chính quyền gồm Khung Đầu tư Nước ngoài của Australia và Đạo luật Quyền sở hữu đất đai của người bản địa năm 1993 (Khối thịnh vượng chung).

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, PPR và SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ trong việc:

1. Chuyển giao cho khu vực tư nhân các dịch vụ mà chính phủ đang cung cấp tại thời điểm RCEP có hiệu lực; và

2. Tư nhân hóa các thực thể hoặc tài sản thuộc sở hữu của chính phủ.

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT, MA, MFN, LP, PPR và SMBD đối với tất cả các ngành dịch vụ liên quan nhằm thi hành pháp luật, dịch vụ cải huấn, cũng như các dịch vụ xã hội được thiết lập hoặc duy trì vì mục đích công như:

1. An sinh hoặc bảo hiểm thu nhập;
2. An sinh xã hội hoặc bảo hiểm xã hội;
3. Phúc lợi xã hội;
4. Giáo dục công;
5. Đào tạo công;
6. Y tế;
7. Chăm sóc trẻ em;
8. Tiện ích công cộng;
9. Giao thông công cộng; và
10. Nhà ở công cộng.

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MFN đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

1. Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà theo đó nước này đối xử ưu đãi hơn đối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác quốc tế song phương hoặc đa phương còn hiệu lực hoặc đã ký kết trước ngày RCEP có hiệu lực.

2. Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào mà theo đó nước này đối xử ưu đãi hơn đối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế hoặc tự do hóa thương mại giữa các bên trong Hiệp định thắt chặt quan hệ kinh tế giữa Australia và New Zealand, được ký tại Canberra vào ngày 28 tháng 3 năm 1983 (ANZCERTA).

3. Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào theo đó nước này đối xử ưu đãi hơn đối với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư của một quốc gia thành viên thuộc Diễn đàn Quần đảo Thái Bình Dương trong bất kỳ thỏa thuận quốc tế nào còn hiệu lực hoặc đã ký kết sau ngày RCEP có hiệu lực.

4. Australia còn bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào theo đó nước này đối xử ưu đãi hơn đối với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư trong khuôn khổ các thỏa thuận quốc tế song phương hoặc đa phương còn hiệu lực hoặc được ký kết sau ngày RCEP có hiệu lực liên quan đến lĩnh vực: (i) hàng không; (ii) ngành thủy sản; hoặc (iii) các vấn đề hàng hải, bao gồm cứu hộ.

Australia bảo lưu việc duy trì, ban hành và áp dụng mọi biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ MA đối với tất cả các ngành dịch vụ như sau:

Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì mọi biện pháp ở cấp chính quyền bang, ngoại trừ:

1. Đối với các ngành và phân ngành tuân thủ theo các hạn chế và điều kiện được liệt kê trong Phụ lục A của NCM của Australia. Theo đó, cam kết đối với các ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

- Chỉ cam kết đối với (i) các dịch vụ tư vấn và đại diện pháp lý về luật của Australia và (ii) các dịch vụ tư vấn pháp lý về luật nước ngoài, luật quốc tế và các dịch vụ trọng tài, trung gian, hòa giải, theo hướng mở cửa hoàn toàn mode 1 và 2. Đối với mode 3, tự nhiên nhân hành nghề luật pháp nước ngoài chỉ có thể được tham gia công ty luật địa phương với vai trò tư vấn viên và không được cộng tác hay thuê các luật sư bản địa ở Nam Australia.

- Mở cửa đối với cả mode 1, mode 2 và mode 3 các dịch vụ chuyên môn còn lại.

2. Đối với dịch vụ tài chính, Australia bảo lưu quyền áp dụng hoặc duy trì mọi biện pháp ở cấp chính quyền khu vực mà không trái với Đề

xuất sửa đổi Dịch vụ của Australia ngày 31 tháng 5 năm 2005 trong vòng đàm phán Doha, WTO.

16.2.3. Cam kết đối với mode 4

Cam kết của Australia đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, thành viên hội đồng quản trị độc lập, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng và hôn thê/hôn phu.

>>> *Đối với nhóm "khách kinh doanh"*, Australia cam kết khách kinh doanh là thể nhân đến Australia với mục đích kinh doanh, thu nhập đến từ các nguồn ở ngoài Australia và không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc tự cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, sẽ được:

(i) nhập cảnh tạm thời với thời gian lưu trú lần đầu là 6 tháng đến 12 tháng đối với những người bán dịch vụ, khách kinh doanh, thể nhân không cư trú tại Australia, và đại diện bán hàng của một nhà cung cấp dịch vụ đang muốn nhập cảnh tạm thời với mục đích đàm phán bán dịch vụ hoặc ký kết các thỏa thuận bán dịch vụ.

(ii) nhập cảnh tạm thời với thời gian lưu trú tối đa là 3 tháng đối với khách kinh doanh muốn nhập cảnh vào Australia với mục thích tham gia đàm phán kinh doanh hoặc tham dự cuộc họp.

(iii) nhập cảnh tạm thời với thời gian lưu trú tối đa là 3 tháng đối với khách kinh doanh muốn nhập cảnh vào Australia với mục đích kinh doanh và đầu tư.

(iv) nhập cảnh tạm thời với thời gian lưu trú tối đa là 3 tháng đối với khách kinh doanh muốn nhập cảnh vào Australia với mục đích đàm phán bán hàng hoá không liên quan đến việc bán hàng trực tiếp cho công chúng.

>>> *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"*, Australia cam kết:

(i) Giám đốc điều hành và Quản lý cấp cao sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời lần đầu lên đến 4 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của những thể nhân này phải tuân theo quy định về bảo trợ của người sử dụng lao động.

(ii) Chuyên gia sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời lần đầu lên đến 2 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Việc nhập cảnh và lưu trú

tạm thời của thể nhân này phải tuân theo quy định về bảo trợ của người sử dụng lao động.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Thành viên hội đồng quản trị độc lập"*, Australia quy định thành viên hội đồng quản trị độc lập là các thể nhân có ý định hay có trách nhiệm thành lập chi nhánh hay công ty con của một doanh nghiệp có trụ sở điều hành tại nước ngoài hiện không có đại diện, hay chi nhánh hoặc công ty con nào khác tại Australia. Các Thành viên hội đồng quản trị độc lập chịu trách nhiệm cho toàn bộ hoặc phần lớn hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài tại Australia, chịu sự giám sát, chỉ đạo chung từ các giám đốc cấp cao, hội đồng quản trị hoặc cổ đông của doanh nghiệp và có quyền thiết lập mục tiêu và chính sách của bộ phận hoặc đơn vị con của doanh nghiệp tại Australia. Nhóm thể nhân này sẽ được nhập cảnh tạm thời trong khoảng thời gian không quá 2 năm. Việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của nhóm thể nhân này phải tuân theo quy định về bảo trợ của người sử dụng lao động.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng"*, Australia cam kết các thể nhân có kỹ năng và kinh nghiệm về thương mại, kỹ thuật hoặc chuyên môn, được đánh giá là có đủ trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc đáp ứng tiêu chuẩn trong nước của Australia cho ngành nghề được chỉ định, sẽ được nhập cảnh tạm thời trong khoảng thời gian 12 tháng và có khả năng được gia hạn thêm (với điều kiện việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của những thể nhân này phải tuân theo quy định về bảo trợ của người sử dụng lao động), nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu sau:

(i) Là nhân viên của doanh nghiệp nước ngoài đã có hợp đồng cung cấp dịch vụ tại Australia và không có hiện diện thương mại tại Australia;

(ii) Được một doanh nghiệp hoạt động hợp pháp và tích cực tại Australia thuê để cung cấp dịch vụ theo hợp đồng tại Australia.

Australia có thể kiểm tra thị trường lao động đối với một số ngành nghề, trong điều kiện không trái với các cam kết của Australia theo WTO.

➢➢➢ *Đối với nhóm "Hôn thê/hôn phu"*, Australia cam kết hôn thê/hôn phu của những người nhập cảnh tạm thời thuộc các nhóm: người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, thành viên hội đồng quản trị độc lập, và nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng được cấp quyền đầy đủ để làm việc và được nhập cảnh, lưu trú tạm thời trong khoảng thời gian tương tự với người thuộc nhóm thể nhân này nếu thời gian lưu trú của họ nhiều hơn 12 tháng.

16.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

Tương tự với các quốc gia khác, Australia khi tham gia các hiệp định thương mại quốc tế trong đó có Hiệp định RCEP vẫn giữ quyền áp dụng một số ngoại lệ nhất định nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và đảm bảo an ninh xã hội. Những ngoại lệ này thường liên quan đến các lĩnh vực như an ninh, sức khỏe cộng đồng, tài nguyên thiên nhiên và quyền lợi của người bản địa. Mặc dù cam kết mở cửa thị trường dịch vụ chuyên môn, Australia vẫn duy trì các biện pháp linh hoạt để điều chỉnh và bảo vệ những giá trị quốc gia quan trọng. Những ngoại lệ này thể hiện sự cân bằng giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ quyền lợi trong nước

Cụ thể Ốt-xtrây-lia bảo lưu quyền ưu tiên đối xử đặc biệt với các cộng đồng người bản địa, đảm bảo rằng họ được hưởng lợi từ các dịch vụ chuyên môn và có quyền kiểm soát đất đai cũng như tài nguyên thiên nhiên thuộc về mình. Australia cam kết cung cấp sự ưu tiên đặc biệt cho người bản địa trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội như y tế và giáo dục, đảm bảo rằng họ được đối xử công bằng và nhận được sự tôn trọng đối với bản sắc văn hóa truyền thống.

Ngoài ra Australia cũng có các ngoại lệ liên quan đến an ninh. Trong đó Australia bảo lưu quyền thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, Các nhà cung cấp dịch vụ từ nước ngoài có thể bị hạn chế quyền tiếp cận trong những lĩnh vực mà Australia cho rằng có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Các dịch vụ liên quan đến công nghệ nhạy cảm, viễn thông, hoặc quốc phòng thường nằm trong phạm vi ngoại lệ này. Ví dụ, Australia có thể từ chối cấp phép cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có liên quan đến các mối đe dọa an ninh hoặc các công nghệ có tiềm năng gây nguy hại đến hệ thống quốc phòng.

Một trong những ngoại lệ đáng chú ý của Australia là yêu cầu kiểm tra thị trường lao động. Trong một số ngành nghề chuyên môn như đã đề cập ở trên, Australia có thể yêu cầu kiểm tra thị trường lao động để đảm bảo rằng chỉ khi không có sẵn nhân lực trong nước thì mới cho phép lao động nước ngoài nhập cảnh tạm thời để cung cấp dịch vụ. Mục tiêu của ngoại lệ này là bảo vệ việc làm cho người lao động trong nước và đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được tiếp cận thị trường nếu không có sự thay thế hợp lý trong nước. Các ngành nghề như kỹ thuật, công nghệ thông tin, và y tế thường bị áp dụng quy định kiểm tra thị trường lao động, nhằm đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu lao động nước ngoài và việc làm cho lao động nội địa.

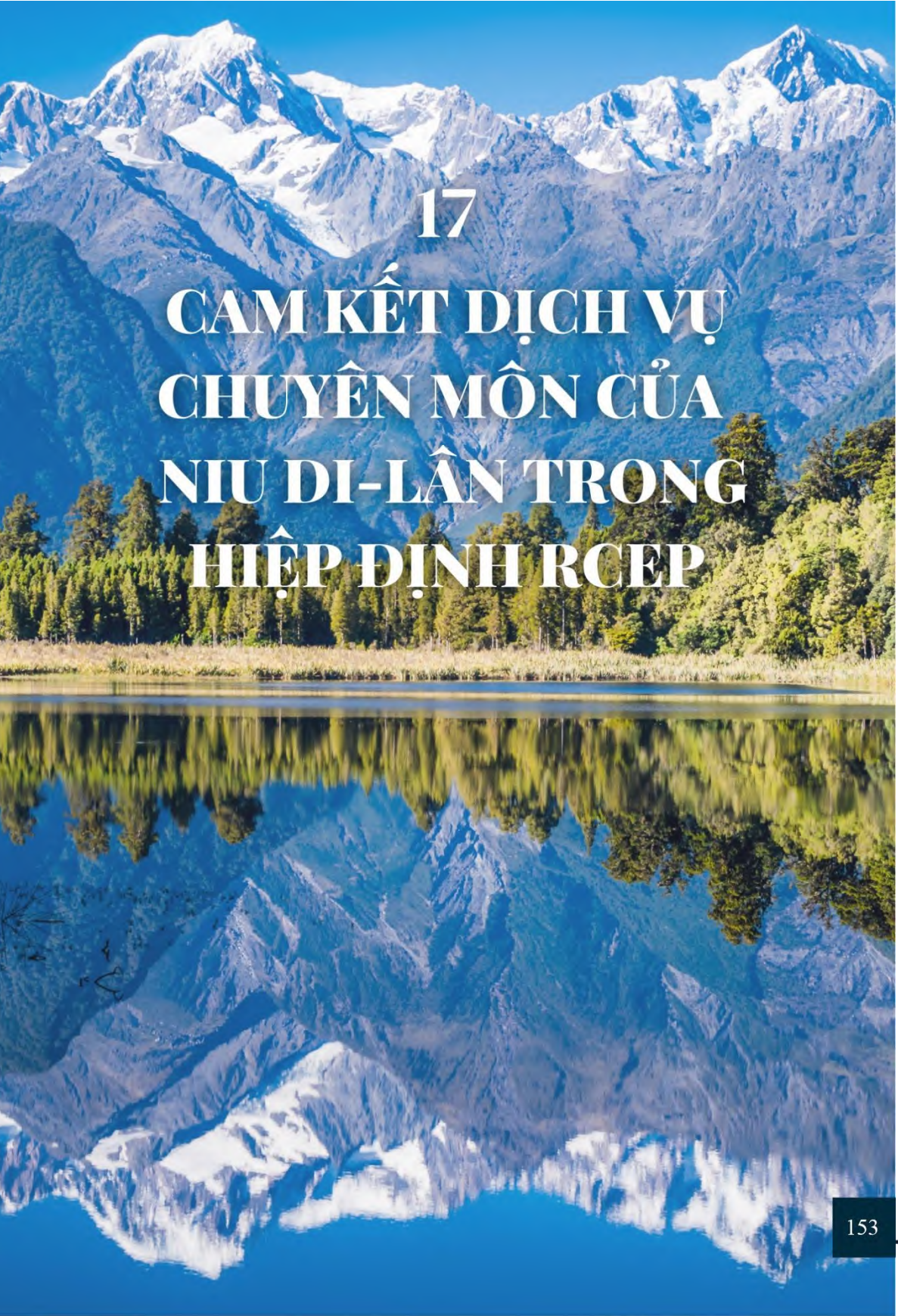

17
CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA NIU DI-LÂN TRONG HIỆP ĐỊNH RCEP

>>> CHƯƠNG 17 <<<

CAM KẾT DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN CỦA NEW ZEALAND TRONG RCEP

17.1. Tổng quan về ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand

17.1.1. Thực trạng ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand

Ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand đang phát triển mạnh mẽ và đóng góp đáng kể vào nền kinh tế quốc gia. Trong những năm gần đây, New Zealand đã chú trọng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên môn, từ kế toán, tư vấn quản lý đến dịch vụ pháp lý và công nghệ thông tin. Với một lực lượng lao động có trình độ cao và kinh nghiệm quốc tế, ngành này không chỉ phục vụ nhu cầu nội địa mà còn mở rộng ra thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, ngành dịch vụ chuyên môn cũng gặp phải một số thách thức, như sự cạnh tranh gay gắt và nhu cầu về nguồn nhân lực có kỹ năng cao. Việc đào tạo và phát triển nhân lực là rất quan trọng để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính phủ và các tổ chức giáo dục đang nỗ lực xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp nhằm tạo ra một lực lượng lao động chất lượng.

Tóm lại, ngành dịch vụ chuyên môn không chỉ là động lực cho sự phát triển kinh tế mà còn đóng góp vào sự đổi mới và sáng tạo trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Sự kết hợp giữa chuyên môn, công nghệ và sự nhạy bén với nhu cầu thị trường sẽ là chìa khóa để ngành này tiếp tục phát triển trong tương lai.

17.1.2. Đặc điểm, thế mạnh ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand

Ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand nổi bật với nhiều đặc điểm và thế mạnh, góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững của đất nước. Một trong những điểm mạnh chính là chất lượng dịch vụ cao, nhờ vào lực lượng lao động có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế. Các chuyên gia trong lĩnh vực này thường xuyên cập nhật kiến thức và áp dụng các phương pháp làm việc mới, giúp cải thiện hiệu quả và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Khả năng đổi mới và sáng tạo là một yếu tố quan trọng khác, khi các công ty trong ngành dịch vụ chuyên môn liên tục áp dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình làm việc. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho khách hàng mà còn giúp các doanh nghiệp giữ vững vị thế cạnh tranh.

Môi trường kinh doanh tại New Zealand cũng rất thân thiện, với chính phủ khuyến khích đầu tư và đổi mới sáng tạo. Các hiệp định thương mại tự do giúp ngành dịch vụ chuyên môn tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường quốc tế, mở rộng cơ hội hợp tác và phát triển.

17.1.3. Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand

Thực trạng quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand hiện nay cho thấy sự phát triển đồng bộ và hiệu quả, nhưng cũng đối mặt với một số thách thức. Chính phủ New Zealand đã thiết lập khung pháp lý rõ ràng để quản lý ngành này, bao gồm các quy định về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định về đào tạo chuyên môn. Các cơ quan quản lý như Hội đồng Đánh giá Nghề nghiệp và các tổ chức chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và đảm bảo các tiêu chuẩn này.

Mặc dù có nền tảng vững chắc, ngành dịch vụ chuyên môn cũng phải đối mặt với một số thách thức, bao gồm tình trạng thiếu hụt nhân lực có kỹ năng cao và áp lực từ sự cạnh tranh quốc tế. Nhu cầu về dịch vụ chất lượng cao trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng tăng, đòi hỏi New Zealand phải nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong các dịch vụ chuyên môn cũng đang diễn ra nhanh chóng, tạo ra cơ hội và thách thức mới. Chính phủ và các tổ chức đang nỗ lực đầu tư vào công nghệ và đào tạo để đáp ứng xu hướng này.

Tóm lại, quản lý ngành dịch vụ chuyên môn của New Zealand đang tiến triển tích cực, nhưng cần tiếp tục cải thiện để thích ứng với các thay đổi của thị trường và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

17.2. Cam kết của New Zealand về dịch vụ chuyên môn trong Hiệp định RCEP

New Zealand đã cam kết về dịch vụ nói chung và chuyên môn nói riêng theo phương thức "chọn - cho" (positive list), nghĩa là New Zealand sẽ mở cửa thị trường cho những lĩnh vực dịch vụ được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể của New Zealand; đối với những ngành, phân ngành không được liệt kê thì New Zealand không cam kết về mức độ mở cửa thị trường hay loại hình quản lý liên quan. Ngoài việc xem xét các cam kết cụ thể đối với từng phân ngành thuộc dịch vụ chuyên môn, ta cũng cần chú ý đến các cam kết được liệt kê ở phần cam kết chung vì phần này sẽ bao quát hết các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ (bao gồm cả Dịch vụ chuyên môn) xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ.

17.2.1. Cam kết chung

Các cam kết của New Zealand đối với tất cả các ngành, phân ngành dịch vụ xuất hiện trong Biểu cam kết dịch vụ như sau:

- Hạn chế về đối xử quốc gia:

Việc phê duyệt của Văn phòng Đầu tư Nước ngoài (OIO) là bắt buộc đối với các khoản đầu tư của một "người nước ngoài"[7] như sau:

(a) việc mua lại hoặc kiểm soát 25% hoặc nhiều hơn cổ phần hoặc quyền biểu quyết trong một công ty, khi tổng giá trị giao dịch hoặc giá trị tài sản của công ty vượt quá 10 triệu NZD;

(b) việc thành lập một doanh nghiệp mới ở New Zealand khi tổng chi phí thiết lập doanh nghiệp vượt quá 10 triệu NZD;

(c) việc mua lại tài sản của doanh nghiệp khi tổng số tiền đã trả hoặc sẽ trả cho tài sản vượt quá 10 triệu NZD;

(d) việc phát hành hoặc phân bổ cổ phần vượt quá 25% và khi tổng số tiền đã trả hoặc sẽ trả vượt quá 10 triệu NZD.

Sự đồng ý của OIO là bắt buộc, không phụ thuộc vào giá trị đầu tư, đối với việc mua lại hoặc kiểm soát một số loại đất được coi là nhạy cảm hoặc cần sự phê duyệt cụ thể theo quy chế đầu tư nước ngoài của New Zealand.

[7] *Một "người nước ngoài" được định nghĩa là một cá nhân không thường trú tại New Zealand; một công ty không được thành lập tại New Zealand; một công ty được thành lập tại New Zealand trong đó 25% hoặc nhiều hơn của bất kỳ loại cổ phần nào hoặc 25% hoặc nhiều hơn quyền biểu quyết được nắm giữ bởi người nước ngoài; hoặc một người đại diện cho người nước ngoài, dù người đại diện đó có phải là người nước ngoài hay không.*

Chưa cam kết đối với các doanh nghiệp hiện đang thuộc sở hữu nhà nước.

- Hạn chế về tiếp cận thị trường

+ New Zealand chưa cam kết đối với: việc cung cấp các dịch vụ thực thi pháp luật công và dịch vụ cải huấn; và các lĩnh vực sau, trong phạm vi chúng là các dịch vụ xã hội được thiết lập vì mục đích công cộng: chăm sóc trẻ em; y tế; an ninh thu nhập và bảo hiểm; giáo dục công; nhà ở công; đào tạo công; giao thông công cộng; tiện ích công cộng; an sinh xã hội và bảo hiểm; hoặc phúc lợi xã hội.

+ New Zealand chưa cam kết, ngoại trừ các biện pháp liên quan đến việc nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời của thể nhân thuộc quốc gia khác, nếu thể nhân đó thuộc một trong các danh mục và tuân thủ các điều kiện được quy định trong Biểu cam kết của New Zealand tại Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về di chuyển tạm thời của thể nhân).

+ New Zealand chưa cam kết trong các trường hợp tranh chấp lao động hoặc quản lý, và cũng áp dụng đối với thủy thủ đoàn trên tàu.

+ New Zealand chưa cam kết đối với tất cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ bảo vật quốc gia hoặc các địa điểm cụ thể có giá trị lịch sử hoặc khảo cổ, hoặc các biện pháp cần thiết để hỗ trợ nghệ thuật sáng tạo có giá trị quốc gia.

17.2.2. Cam kết cụ thể

Ngoài các cam kết chung đối với tất cả các phân ngành dịch vụ chuyên môn như trên, cam kết cụ thể của New Zealand đối với từng phân ngành dịch vụ chuyên môn như sau:

Cam kết đối với mode 4

Cam kết của New Zealand đối với mode 4 các dịch vụ chuyên môn sẽ theo Biểu cam kết về Di chuyển thể nhân (Phụ lục IV), theo đó, các nhóm thể nhân được cam kết bao gồm: khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, người lắp đặt hoặc làm dịch vụ, và nhà cung cấp dịch vụ độc lập.

>>> *Đối với nhóm "Khách kinh doanh"*, New Zealand cam kết các cá nhân nước ngoài nhận thù lao và hỗ trợ tài chính từ nguồn bên ngoài New Zealand muốn nhập cảnh tạm thời vào New Zealand: (i) để đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ, nhưng không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng hoặc cung cấp hàng hóa hay dịch vụ trực tiếp; hoặc (ii) với tư cách là nhà đầu tư, hoặc đại diện được

ủy quyền của nhà đầu tư, nhằm mục đích thiết lập, mở rộng, giám sát, hoặc chuyển nhượng một khoản đầu tư, nhưng không có ý định thiết lập hoặc vận hành bất kỳ doanh nghiệp nào, sẽ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong không quá 3 tháng/năm dương lịch.

>>> *Đối với nhóm "Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"*, New Zealand cam kết các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của một doanh nghiệp nước ngoài là nhân viên của nhà cung cấp hàng hóa, nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư của một nước RCEP khác có hiện diện thương mại tại New Zealand; và thu nhập được trả hoàn toàn bởi nhà cung cấp dịch vụ hay công ty chủ quản, sẽ được: (i) Giám đốc điều hành, quản lý: nhập cảnh và lưu trú lần đầu trong vòng tối đa là 3 năm đối với cá nhân được chủ lao động tuyển dụng trong ít nhất 12 tháng trước khi đến New Zealand; (ii) Chuyên gia: nhập cảnh và lưu trú lần đầu trong vòng tối đa 3 năm.

>>> *Đối với "Người lắp đặt hoặc làm dịch vụ*, New Zealand cam kết các thể nhân của Bên khác là người lắp đặt hoặc bảo dưỡng máy móc hoặc thiết bị, trong đó việc lắp đặt hoặc bảo dưỡng đó của công ty cung cấp là điều kiện để mua máy móc hoặc thiết bị nói trên và người lắp đặt hoặc người bảo dưỡng không được thực hiện các dịch vụ không liên quan đến hoạt động dịch vụ là chủ đề của hợp đồng thì sẽ được nhập cảnh và lưu trú trong thời gian không quá ba tháng trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng nào.

>>> *Đối với "Nhà cung cấp dịch vụ độc lập"*, New Zealand cam kết đối với cá nhân nước ngoài có kỹ thuật hoặc chuyên môn cao, không cần có hiện diện thương mại, làm việc theo hợp đồng hợp lệ tại New Zealand và có (i) bằng cấp sau khi hoàn thành ít nhất 3 năm giáo dục chính quy sau trung học; và (ii) 6 năm kinh nghiệm trở lên, sẽ được nhập cảnh lưu trú tại New Zealand tối đa 12 tháng (tùy thuộc vào các bài kiểm tra nhu cầu kinh tế).

Cam kết đối với mode 1, 2, 3

Về cơ bản, New Zealand cam kết mở cửa đối với mode 1,2 và 3 cho các ngành dịch vụ chuyên môn, cụ thể các phân ngành sau:

+ Dịch vụ pháp lý (CPC 861): chỉ liên quan đến luật trong nước, luật quốc tế, luật nước ngoài

+ Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)

+ Dịch vụ thuế: chỉ bao gồm dịch vụ chuẩn bị hồ sơ thuế, lập kế hoạch thuế và tư vấn (CPC 86301-86303).

+ Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)

+ Dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672)

+ Dịch vụ kỹ thuật tích hợp (CPC 8673)

+ Dịch vụ quy hoạch đô thị và cảnh quan, dịch vụ kiến trúc (CPC 8674)

+ Dịch vụ thú y (CPC 9320)

17.3. Các ngoại lệ đối với cam kết

New Zealand áp dụng một số ngoại lệ trong các cam kết về dịch vụ chuyên môn nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và đảm bảo tính bền vững trong các lĩnh vực nhạy cảm. Các biện pháp ngoại lệ này bao gồm việc duy trì các quy định về sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm và môi trường, cho phép New Zealand áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Đặc biệt, New Zealand bảo lưu quyền kiểm soát các dịch vụ công cộng và không cam kết mở cửa hoàn toàn cho các lĩnh vực như y tế và giáo dục, nhằm đảm bảo rằng các dịch vụ này vẫn được quản lý bởi chính phủ. Các công ty cung cấp dịch vụ chuyên môn từ nước ngoài cũng có thể phải đối mặt với những hạn chế về tỷ lệ sở hữu vốn hoặc yêu cầu hợp tác với các đối tác địa phương để thiết lập hiện diện thương mại tại New Zealand. Những ngoại lệ này cho phép New Zealand bảo vệ các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế đồng thời vẫn tạo điều kiện cho đầu tư và hợp tác quốc tế.

CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC RCEP

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3934 1562 * **Fax:** 024 3938 7163

Website: nxbcongthuong.vn

Email: nxbct@moit.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trương Thu Hiền

Biên tập:

Trương Hữu Thắng

Đối tác liên kết:

Vụ Chính sách Thương mại đa biên – Bộ Công Thương

In 500 cuốn, khổ 15x23cm tại Công ty TNHH Truyền thông TVC360 Việt Nam

Địa chỉ: Số 95 đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Xác nhận đăng kí xuất bản số: 4595-2024/CXBIPH/2-288/CT

Quyết định xuất bản số: 554/QĐ-NXBCT cấp ngày 12 tháng 12 năm 2024

Mã số ISBN: 978-604-481-854-2

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024

Nhóm biên soạn:

Nguyễn Việt Chi

Quyền Anh Ngọc

Ngô Quang Hiếu

Nguyễn Hiền Lê

Lê Nguyễn Yến Nhi

Vụ Chính sách thương mại đa biên
Trụ sở: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5417 **Fax:** 024 2220 2525
Email: VCSTMDB@moit.gov.vn

ISBN: 978-604-481-854-2

SÁCH KHÔNG BÁN